

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

QUÁCH ĐÌNH LƯƠNG

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG
CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHU VĂN AN, TỈNH THÁI BÌNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2016

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

QUÁCH ĐÌNH LƯƠNG

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG
CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHU VĂN AN, TỈNH THÁI BÌNH**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 60140114

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Từ Đức Văn

THÁI NGUYÊN - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Với thực tiễn 31 năm công tác liên tục tại ngành giáo dục và đào tạo của bản thân. Là giáo viên trực tiếp giảng dạy trên lớp, làm công tác Đoàn và công tác quản lý nhà trường cao đẳng sư phạm, trung học phổ thông. Tôi nhận thấy việc giáo dục toàn diện cũng như việc giáo dục giá trị sống cho học sinh nói chung và học sinh trung học phổ thông nói riêng là hết sức cần thiết. Một trong các yếu tố mang tính chất quyết định đến việc giáo dục giá trị sống cho học sinh đó là các nhà trường phải làm tốt công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống.

Với kiến thức được học từ nhà trường, với thực tiễn công tác bản thân đã đúc rút được cả lý luận và thực tiễn trong công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống. Nay được các thầy cô giáo, đồng nghiệp giúp đỡ tôi đã nghiên cứu đề tài “Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học phổ thông Chu Văn An, tỉnh Thái Bình” với cả tâm huyết của mình.

Tôi xin cam đoan đề tài tôi nghiên cứu trung thực và đảm bảo tính khách quan.

Tôi kính mong được sự góp ý của đồng nghiệp, của quý thầy cô và hội đồng xét duyệt.

Thái Nguyên, tháng 06 năm 2016

Tác giả

QUÁCH ĐÌNH LƯƠNG

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, bản thân tôi cũng như các học viên cao học quản lý giáo dục - K22 - Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã nhận được sự giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, của các trường và quý Thầy Cô, bạn bè, đồng nghiệp.

Tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới quý Thầy, Cô giáo đã và đang giảng dạy công tác tại Đại học Thái Nguyên – trường Đại học Sư phạm. Đặc biệt tôi xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Từ Đức Văn, giảng viên khoa Tâm lý Giáo dục học trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đã trực tiếp giúp đỡ, hướng dẫn tận tình, trách nhiệm để tôi xây dựng và hoàn thành luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Bình, Đại học Thái Nguyên; trường Đại học Sư phạm, UBND xã, các trường THCS thuộc địa bàn trường THPT Chu Văn An tuyển sinh, trường THPT Chu Văn An đã giúp đỡ và tạo điều kiện để tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng luận văn, mặc dù đã có nhiều cố gắng, song không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của quý Thầy, Cô giáo cùng đồng chí đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện, có tính khả thi cao.,.

Thái Nguyên, tháng 06 năm 2016

Tác giả

QUÁCH ĐÌNH LƯƠNG

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn	ii
Mục lục	iii
Danh mục chữ viết tắt	iv
Danh mục các bảng	v
Danh mục các biểu đồ	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	5
3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu	5
4. Giả thuyết khoa học	6
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	6
6. Giới hạn, phạm vi nghiên cứu	6
8. Những đóng góp của luận văn	7
9. Cấu trúc luận văn	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	9
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	9
1.1.1. Trên thế giới	9
1.1.2. Trong nước	10
1.2. Các khái niệm cơ bản có liên quan đến luận văn	15
1.2.1. Hoạt động giáo dục, hoạt động giáo dục giá trị sống	15
1.2.2. Quản lý, Quản lý giáo dục	15
1.2.3. Quản lý nhà trường, Quản lý nhà trường THPT	16
1.2.4. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống	17
1.2.5. Giá trị sống và giáo dục giá trị sống ở trường THPT	17
1.2.6. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT	19
1.3. Mục tiêu hoạt động giáo dục giá trị sống; nội dung; biện pháp hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT	21
1.3.1. Mục tiêu hoạt động giáo dục giá trị sống	21

1.3.2. Mục tiêu tổ chức các hoạt động GDGTS.....	22
1.3.3.Nội dung hoạt động giáo dục giá trị sống.....	22
1.3.4. Biện pháp	24
1.4. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT.....	25
1.4.1. Quản lý việc xây kế hoạch hoạt động GDGTS	25
1.4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống.....	27
1.4.3. Chỉ đạo hoạt động giáo dục giá trị sống	28
1.4.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục giá trị sống	28
1.4.5. Tổ chức phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường để tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống	29
1.4.6. Yếu tố ảnh hưởng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống	30
Kết luận chương 1	34
Chương 2: THỰC TRẠNG BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN, THÁI BÌNH	35
2.1. Khái quát về các đặc điểm Kinh tế - Xã hội, khu vực tuyển sinh của trường THPT Chu Văn An, Thái Bình	35
2.1.1. Vị trí địa lí.....	35
2.1.2.Các điều kiện về kinh tế , văn hoá, xã hội	35
2.1.3. Thực trạng giáo dục của trường THPT Chu Văn An, Thái Bình	36
2.2. Thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình	38
2.2.1. Thực trạng sự tiếp nhận thông tin liên quan đến GTS của học sinh THPT Chu Văn An	38
2.2.2. Nhận thức của giáo viên và học sinh về GTS. sự cần thiết phải GDGTS cho học sinh; đánh giá của giáo viên về thực trạng hoạt động GDGTS của học sinh thông qua hoạt động NGLL	39
2.2.3.Thực trạng về chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh.....	43
2.3. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình	44

2.3.1. Thực trạng biện pháp quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch hoạt động GDGTS ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình.....	44
2.3.2. Thực trạng về mức độ quản lý hoạt động GDGTS của cán bộ quản lý và giáo viên.....	45
2.3.3. Thực trạng về biện pháp quản lý tuyên truyền, giáo dục về hoạt động GDGTS giữa cán bộ quản lý với đội ngũ giáo viên, giáo viên với.	46
2.3.4. Thực trạng về mức độ quản lý đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động GDGTS...	47
2.3.5. Thực trạng sự quản lý sự phối hợp, hỗ trợ của nhà trường với Đoàn Thanh niên trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống.....	48
2.3.6. Thực trạng biện pháp quản lý chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống.....	49
2.3.7. Thực trạng biện pháp tuyên truyền đến hội cha mẹ học sinh về hoạt động giáo dục giá trị sống.....	50
2.3.8. Thực trạng biện pháp quản lý hoạt động GDGTS của GVCN lớp.....	50
2.3.9. Thực trạng vai trò của Đoàn thanh niên trong nhà trường với việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống	52
2.4. Thực trạng biện pháp kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng đến công tác tổ chức các hoạt động GDGTS	53
2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình	54
2.5.1. Nhận thức của cha mẹ học sinh và đội ngũ giáo viên, học sinh, về quản lý hoạt động GDGTS	54
2.5.2. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính đến công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống	55
2.5.3. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố năng lực tổ chức hoạt động GDGTS của giáo viên THPT Chu Văn An	55
2.5.4. Mức độ ảnh hưởng của vị trí địa lý nhà trường đến quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống.....	56
2.6. Đánh giá thực trạng: Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng.....	57
Kết luận chương 2.....	59

Chương 3: CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG Ở TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN, THÁI BÌNH.	61
3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp.....	61
3.1.1. Nguyên tắc bảo đảm tính kế thừa và phát triển	61
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ	61
3.1.3 Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả và khả thi.....	61
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính văn hóa.....	61
3.2. Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống của trường THPT Chu Văn An, Thái Bình.....	62
3.2.1. Biện pháp 1. Xác định các GTS phù hợp với học sinh trung học phổ thông theo chương trình giáo dục tổng thể.	62
3.2.2. Biện pháp 2. Nâng cao vai trò của Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục giá trị sống và phân công trách nhiệm cho các tổ chức trong nhà trường	66
3.2.3. Biện pháp 3. Quản lý kế hoạch hóa hoạt động giáo dục GTS phù hợp với trường THPT Chu Văn An như một bộ phận cấu thành của kế hoạch chung của nhà trường.....	68
3.2.4. Biện pháp 4. Quản lý và tổ chức tốt các nguồn lực thực hiện tốt kế hoạch năm học cũng như kế hoạch giáo dục giá trị sống.....	69
3.2.5. Biện pháp 5. Quản lý, tổ chức, thiết lập mối liên hệ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và các tổ chức chính trị- xã hội triển khai hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.....	72
3.2.6. Biện pháp 6. Quản lý việc đổi mới hình thức chỉ đạo, lãnh đạo hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh	74
3.2.7. Biện pháp 7. Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục GTS cho học sinh	76
3.2.8. Biện pháp 8. Quản lý việc xây dựng các điều kiện tinh thần, vật chất hỗ trợ thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh	76
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp	77
3.4. Kết quả khảo nghiệm, giá trị khoa học của vấn đề quản lý đề xuất	78
3.4.1. Mục đích khảo nghiệm	78

3.4.2. Đối tượng và kết quả khảo nghiệm.....	79
3.4.3 Phương pháp khảo nghiệm	79
Kết luận chương 3.....	83
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	84
1.Kết luận.....	84
2. Kiến nghị.....	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	87
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	NGUYÊN NGHĨA
CLB	Câu lạc bộ
CMHS	Cha mẹ học sinh
GDGTS	Giáo dục giá trị sống
GTS	Giá trị sống
KNS	Kỹ năng sống
NGLL	Ngoài giờ lên lớp
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Sự tiếp nhận thông tin liên quan đến GTS của học sinh THPT Chu Văn An	38
Bảng 2.2: Nhận thức của giáo viên và học sinh về giá trị sống.....	39
Bảng 2.3: Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết của việc giáo dục GTS cho học sinh THPT Chu Văn An	40
Bảng 2.4: Mức độ thực hiện GDGTS cho học sinh THPT Chu Văn An thông qua hoạt động NGLL	40
Bảng 2.5: Nhận thức của GV về bản chất của việc giáo dục GTS cho học sinh THPT thông qua hoạt động giáo dục NGLL.....	41
Bảng 2.6: Quan điểm của giáo viên về mục đích giáo dục GTS cho học sinh THPT thông qua hoạt động giáo dục NGLL	42
Bảng 2.7: Chất lượng tổ chức hoạt động	43
Bảng 2.8:Mức độ quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh	45
Bảng 2.9: Thực trạng biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh.....	46
Bảng 2.10: Thực trạng tuyên truyền của của cán bộ quản lý về hoạt động giáo dục GTS cho học sinh với Cha mẹ học sinh	47
Bảng 2.11: Thực trạng về sự quản lý sự phối hợp việc tổ chức các hoạt động giáo dục GTS cho học sinh	48
Bảng 2.12: Thực trạng quản lý chỉ đạo của giáo viên chủ nhiệm với hoạt động GDGTS.....	49
Bảng 2.13:Mức độ tuyên truyền đến CMHS về hoạt động GDGTS cho học sinh.....	50
Bảng 2.14: Công tác quản lý của giáo viên chủ nhiệm về tổ chức hoạt động GDGTS.....	51
Bảng 2.15: Vai trò quản lý hoạt động GDGTS của Đoàn thanh niên	52
Bảng 2.16:Thực trạng công tác kiểm tra đánh giá hoạt động GDGTS	53
Bảng 3.1. Khảo sát tính cần thiết của các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT Chu Văn An, Thái Bình	81
Bảng 3.2. Khảo sát tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục cho học sinh trung học phổ thông Chu Văn An, Thái Bình.....	82

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Thực trạng về mức độ quản lý đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động GDGTS.....	47
Biểu đồ 2.2. Nhận thức của cha mẹ học sinh và đội ngũ giáo viên, học sinh, về quản lý hoạt động GDGTS.....	54
Biểu đồ 2.3. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính đến công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống.....	55
Biểu đồ 2.4. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố năng lực tổ chức hoạt động GDGTS của giáo viên THPT Chu Văn An.....	56
Biểu đồ 2.5. Mức độ ảnh hưởng của vị trí địa lý nhà trường đến quản lý hoạt động GDGTS.....	56

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xã hội hiện đại với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá và sự phát triển của nền kinh tế tri thức đã đặt ra nhiều thách thức cho giáo dục. Các quốc gia trên thế giới đánh giá rất cao vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước, bởi giáo dục đào tạo có vai trò quyết định trong việc đào tạo con người - nguồn nhân lực có trình độ cao, nhân tố quyết định tương lai, vận mệnh và sự thành bại của mỗi quốc gia, dân tộc.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, sự giao lưu, cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới ngày càng mạnh mẽ. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ đang trên đà phát triển với quy mô ngày càng rộng lớn đòi hỏi phải đổi mới toàn bộ hệ thống giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại và xã hội hoá. Điều 2 Luật giáo dục 2005 đã nêu mục tiêu giáo dục: “Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Khai mạc Hội nghị Trung ương 2 (khoá VIII), nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười khẳng định: “Giáo dục đào tạo phải theo hướng cân đối giữa dạy người, dạy chữ, dạy nghề”, trong đó “dạy người” là mục tiêu cao nhất.

Trong chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Phó thủ tướng chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân về việc phát động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong các nhà trường THPT giai đoạn 2008-2013 xác định: “Tăng cường sự tham gia một cách hứng thú của học sinh trong các hoạt động giáo dục trong nhà trường và tại cộng đồng, với thái độ tự giác, chủ động và ý thức sáng tạo”, “Huy động và tạo điều kiện để có sự tham gia hoạt động đa dạng và phong phú của các tổ chức, cá nhân trong việc giáo dục văn hoá, truyền thống lịch sử cách mạng cho học sinh” với mục tiêu “Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương và đáp ứng nhu cầu của xã hội”.

Mục tiêu của giáo dục hướng tới những giá trị đạo đức cơ bản, năng lực nghề nghiệp, tiềm năng sáng tạo, kỹ năng cần thiết và sức khỏe ở người lao động của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Những giá trị đạo đức, năng lực nghề nghiệp, tiềm năng sáng tạo, kỹ năng cần thiết và sức khỏe của người lao động không thể ngẫu nhiên mà có, nó phụ thuộc phần lớn vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, được hình thành, phát triển, củng cố qua các giờ học trên lớp và các hoạt động giáo dục. Hoạt động giáo dục giá trị sống (GDGTS) cho học sinh, với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng đang giữ vị trí quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Là một trong ba kế hoạch đào tạo: dạy học, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp dạy nghề nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo theo các hướng giáo dục đạo đức, nhân văn và khoa học kỹ thuật.

Giá trị sống (GTS) là điều mỗi người xem là có ý nghĩa và quan trọng đối với mình, có chức năng chi phối hành vi, hành động của con người. Vì vậy GDGTS là nền tảng trong giáo dục nhân cách học sinh. Giáo dục GTS cho học sinh trong nhà trường có thể thông qua nhiều con đường : dạy học, hoạt động giáo dục, tổ chức các mối quan hệ chứa đựng các giá trị... Từ hoạt động GDGTS, bản thân giáo viên cũng nâng cao được năng lực GDGTS thông qua tích hợp các giá trị trong dạy học, hoạt động giáo dục... học sinh nâng cao hiểu biết xã hội, gắn kiến thức đã học với thực tế cuộc sống, phát triển năng lực như: Năng lực tự hoàn thiện, năng lực thích ứng, năng lực tổ chức quản lý..... Quản lý hoạt động GDGTS nhà trường giúp các em chuyển những giá trị đích thực mang tính khách quan thành giá trị của từng học sinh.

Tổ chức tốt hoạt động GDGTS sẽ phát huy tối đa vai trò chủ thể của học sinh, củng cố, mở rộng tri thức ...Từ đó các em xây dựng cho mình một hệ giá trị cốt lõi vững chắc làm điểm tựa để vượt qua những cám dỗ thách thức trong cuộc sống. Vì vậy, hoạt động GDGTS có một vị trí, ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong những năm gần đây, do yêu cầu của đổi mới giáo dục, GDGTS đã được các nhà trường tổ chức theo chủ đề : Giáo dục giá trị trung thực ; giáo dục giá trị đoàn kết ; giáo dục giá trị tôn trọng, khoan dung ; giáo dục giá trị trách nhiệm.

Quản lý tốt hoạt động GDGTS sẽ tạo môi trường thống nhất giữa quá trình dạy học và quá trình giáo dục, góp phần đào tạo những con người thích ứng với xu thế

mới, đó là những con người có sức khỏe, có trí tuệ, sáng tạo, năng động, tự chủ, tích cực, có khả năng hoạt động, giao lưu, thích ứng với xã hội hiện đại, xu thế phát triển của thế kỷ XXI.

Thấm nhuần quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhận thức đúng mục tiêu giáo dục toàn diện, ngành giáo dục đã xác định hoạt động GDGTS là con đường gắn lý thuyết với thực hành, gắn nhà trường với xã hội cũng là con đường rèn luyện kỹ năng, hành vi cho học sinh, tạo nên sự phát triển hài hoà, cân đối trong nhân cách người học.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, một số nhà trường hiện nay chú trọng đến giáo dục văn hoá, đạo đức thuần túy, xem nhẹ công tác giáo dục toàn diện, giáo dục giá trị, rèn kỹ năng sống, trau dồi những tình cảm, phẩm chất đạo đức thâm mỹ, bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách, lý tưởng, ước mơ.... Chính vì chưa coi trọng đúng mức việc “dạy người” nên một bộ phận học sinh, thanh niên thờ ơ với thời cuộc, chạy theo bằng cấp, giảm sút về đạo đức, đua đòi, bị lôi cuốn vào lối sống thực dụng và các tệ nạn xã hội.

Để đáp ứng sự phát triển của đất nước, do nhu cầu đổi mới giáo dục cũng như đáp ứng nhu cầu của người học, Việt Nam đã thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông; đổi mới mục tiêu giáo dục từ chủ yếu là trang bị kiến thức cho người học sang trang bị những năng lực cần thiết, phát huy tiềm năng sáng tạo cho họ: *“năng lực hợp tác, có khả năng giao tiếp, năng lực chuyển đổi nghề nghiệp theo yêu cầu mới của thị trường lao động, năng lực quản lý, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề; tôn trọng và nghiêm túc tuân theo pháp luật; quan tâm và giải quyết các vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu; có tư duy phê phán, có khả năng thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống”*. [7, tr 34]

Bốn trụ cột của giáo dục thế kỷ XXI đã được quán triệt trong đổi mới mục tiêu, nội dung, và phương pháp giáo dục phổ thông ở Việt Nam. Tuy nhiên, nhận thức về GTS, cũng như việc thể chế hóa GDGTS trong giáo dục phổ thông ở Việt Nam chưa thật cụ thể, đặc biệt về hướng dẫn tổ chức hoạt động GDGTS cho học sinh ở các cấp, bậc học còn hạn chế.

Những năm gần đây, tình trạng trẻ vị thành niên phạm tội có xu hướng gia tăng, hiện tượng bạo lực học đường ngày càng nhiều. Đã xuất hiện những vụ án giết người, cố ý gây thương tích mà đối tượng gây án là học sinh và nạn nhân chính là bạn học và thầy cô giáo của họ. Bên cạnh đó là sự bùng phát hiện tượng học sinh phổ thông hút thuốc lá, uống rượu, tiêm chích ma túy, quan hệ tình dục sớm, ... thậm chí là tự sát khi gặp vướng mắc trong cuộc sống. Nhiều em học giỏi, nhưng ngoài điểm số cao, khả năng tự chủ và kỹ năng giao tiếp lại rất kém. Một bộ phận học sinh sẵn sàng chửi bậy, đánh nhau, sa đà vào các tệ nạn xã hội, thậm chí liều lĩnh từ bỏ cả mạng sống.... Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tình trạng trên, nhưng nguyên nhân sâu xa là do các em thiếu hệ giá trị sống cốt lõi vững chắc, do vậy không có điểm tựa để vượt qua. Do chưa được tiếp cận với chương trình GDGTS nên học sinh phổ thông nói chung, học sinh THPT nói riêng còn thiếu hụt những giá trị cốt lõi cần thiết. Chính vì thiếu giá trị cốt lõi mà nhiều học sinh đã giải quyết các vấn đề một cách tiêu cực.

Đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới giáo dục đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa- hiện đại hóa, ngày 22/10/2009, Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 30/TT-BGDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông.

Ngày 22/10/2009 Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo đã ban hành kế hoạch số 640/KH-BGDĐT về tập huấn bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học năm học 2013-2014. Nội dung tập huấn với 5 nội dung:

- Năng lực tìm hiểu học sinh.
- Tìm hiểu và xây dựng môi trường giáo dục.
- Giáo dục tiềm năng sáng tạo.
- Tư vấn sức khỏe giới tính.
- Giáo dục giá trị.[4, tr 3]

Các nội dung trên rất cần thiết trong thực tiễn giảng dạy làm công tác giáo dục học sinh ở các trường THPT.

Thực tiễn cho thấy, ở các trường trung học phổ thông có chất lượng giáo dục tốt đều là những trường thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục toàn diện. Thực chất của

GDGTS cho học sinh là một nội dung của giáo dục toàn diện học sinh, đều hướng tới hình thành các phẩm chất và phát triển năng lực đa dạng cho học sinh.

Qua theo dõi, khảo sát, trao đổi với đồng nghiệp làm công tác quản lý ở các trường bạn, từ thực tế công tác ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình tôi nhận thấy:

- Một bộ phận học sinh còn có những thái độ và hành vi chưa lành mạnh do chưa có hệ GTS phù hợp với GTS khách quan của xã hội.

- Giáo viên gặp khó khăn trong thực hiện GDGTS cho học sinh vì chưa hiểu bản chất của GDGTS, và chưa biết cách làm phù hợp với cơ chế chuyển GTS khách quan thành GTS cá nhân.

- Trong gia đình và xã hội còn tồn tại những phản giá trị, có tác động đến niềm tin, thái độ của học sinh.

- Cha mẹ chưa quan tâm và chưa nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục GTS và biết cách GDGTS cho con.

Trăn trở trước thực trạng trên, đồng thời trong nhà trường chưa có chương trình giáo dục hiệu quả, chưa có sự phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong nhà trường và ngoài cộng đồng.

Đề tài “ Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học phổ thông Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình” được người viết luận văn lựa chọn để nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát, đánh giá thực trạng, đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDGTS, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình.

4. Giả thuyết khoa học

Thực tế hiện nay biện pháp quản lý hoạt động GDGTS ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình chưa được quan tâm đúng mức, nếu đề tài nghiên cứu đề xuất được các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống có tính khả thi thì hiệu quả hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình sẽ được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Hệ thống hoá lý luận về quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường THPT.

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình.

5.3. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động GDGTS cho học sinh ở trường THPT Chu Văn An, tỉnh Thái Bình.

6. Giới hạn, phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn đối tượng nghiên cứu: Một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình.

6.2. Giới hạn địa bàn nghiên cứu:

Nghiên cứu thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống của trường THPT Chu Văn An, tỉnh Thái Bình .

6.3. Khách thể khảo sát:

Khảo sát, lấy số liệu từ cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình.

Cụ thể số lượng như sau:

- Xin ý kiến và khảo sát 60 giáo viên đang công tác tại trường THPT Chu Văn An.
- Khảo sát và hỏi ý kiến của 33 giáo viên chủ nhiệm lớp của trường THPT Chu Văn An, Thái Bình, cán bộ quản lý gồm Ban giám hiệu, Ban chấp hành công đoàn, Ban chấp hành đoàn trường.
- 250 học sinh thuộc 3 khối của trường THPT Chu Văn An.
- 33 chi hội trưởng CMHS của 33 lớp THPT Chu Văn An.
- Các đồng chí trưởng công an, chủ tịch các xã thuộc khu vực trường tuyển sinh.

7. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu đề tài, tôi sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu sau:

7.1. Nghiên cứu lý luận

- + Tìm hiểu, thu thập các tài liệu có liên quan về hoạt động giáo dục giá trị sống.
- + Phân tích và tổng hợp các khái niệm và tìm ra những lý luận cơ bản về hoạt động giáo dục giá trị sống làm cơ sở cho đề tài nghiên cứu.

7.2. Nghiên cứu thực tiễn

Qua điều tra, quan sát, phỏng vấn... tìm hiểu thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình nhằm đảm bảo tính chân thực, khách quan của đối tượng được nghiên cứu.

7.3. Phương pháp toán thống kê

- + Phát phiếu điều tra cho cán bộ, giáo viên, học sinh để thể hiện quan điểm cũng như suy nghĩ của mình.
- + Xử lý số liệu thu được để đánh giá, nhận định từ đó đề xuất các biện pháp có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

8. Những đóng góp của luận văn

Hệ thống hoá lý luận về quản lý hoạt động giáo dục giá trị ở trường THPT.

Khẳng định vai trò và ưu thế của hoạt động GDGTS trong việc hình thành phẩm chất, nhân cách, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, lý tưởng và kỹ năng sống cho học sinh nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện, đáp ứng xu thế toàn cầu hoá và nền kinh tế tri thức.

Tìm hiểu thực trạng, xác định được những yếu tố ảnh hưởng từ đó đề xuất biện pháp quản lý hoạt động GDGTS ở trường THPT.

9. Cấu trúc luận văn

Luận văn gồm 3 phần

- Mở đầu
- Nội dung: Gồm ba chương

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường Trung học phổ thông.

Chương 2: Thực trạng biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình.

Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình.

- Kết luận và kiến nghị.
- Các danh mục tài liệu tham khảo.
- Phụ lục.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Trên thế giới

Giáo dục là hiện tượng xã hội nảy sinh từ thưở bình minh của lịch sử loài người. Tìm hiểu lịch sử nhân loại, chúng ta thấy khoa học giáo dục được nghiên cứu có hệ thống từ rất sớm. Quá trình giáo dục được tổ chức, thực hiện một cách có ý thức, theo chuẩn mực của xã hội. Hoạt động giáo dục không chỉ diễn ra trong không gian lớp học mà còn được tổ chức ngoài phạm vi lớp học, nhà trường.

Quan điểm giáo dục theo phương thức kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội, học đi đôi với hành đã được quan tâm từ lâu. Từ khi có hoạt động dạy học, các nhà giáo dục tiêu biểu cho các thời kỳ lịch sử đã thể hiện, gửi gắm quan điểm này cho hậu thế qua những kinh nghiệm mà đến nay vẫn được coi là phương châm giáo dục.

Thế kỉ XIX, C.Mác (1818- 1883) và F.Anghen (1820-1895) đã xác định mục tiêu của nền giáo dục hiện đại là tạo ra “con người phát triển toàn diện”, sử dụng phương thức “giáo dục kết hợp với lao động sản xuất”.

Kế thừa, phát triển học thuyết giáo dục Xã hội chủ nghĩa của C.Mác và F.Anghen, V.I.Lênin (1870-1924) đã vận dụng phương thức giáo dục này vào thực tiễn và coi đó là một trong những nguyên tắc của giáo dục Xã hội chủ nghĩa. Khi xác định “Nhiệm vụ của đoàn thanh niên” (1920), Lênin khẳng định: “Chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết lao động và hoạt động xã hội cùng công nhân và nông dân.”

Xã hội hiện đại với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá và sự phát triển của nền kinh tế tri thức đã đặt ra cho giáo dục nhiều thách thức. Nhiều quốc gia trên thế giới đã có những định hướng cơ bản để đào tạo người lao động có sức khoẻ, có trí tuệ, năng động, sáng tạo, tự chủ ... có khả năng hoạt động, giao lưu, là những “công dân toàn cầu”, thích ứng với xã hội.

Lý luận cơ bản của giáo dục Xã hội chủ nghĩa đã trở thành vấn đề của thời đại. Tổ chức khoa học giáo dục thế giới - UNESCO đã xây dựng chiến lược, định hướng

phát triển cho giáo dục với tư tưởng chỉ đạo: Giáo dục thường xuyên, suốt đời; tăng cường giáo dục cộng đồng, giáo dục gia đình; giáo dục cho mọi người Giáo dục hướng tới những giá trị nhân văn sâu sắc: Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình.

1.1.2. Trong nước

Chu Văn An (1292-1370), nhà sư phạm mẫu mực cuối đời Trần, người được coi là “Thần nghiên - Thánh bút”. Quan điểm dạy học của Thầy Chu là học đi đôi với hành. Thầy cho rằng “Học mới chỉ có mắt, hành mới có chân, có mắt có chân mới tiến được; có làm mới biết nhưng cái biết trong làm là cái biết thiết thực sâu sắc nhất”. Học trò có học mới tiếp thu được tri thức, nhận được đường đi, có thể giới quan đúng đắn, nhận biết phải trái, có “hành” mới biết làm, áp dụng tri thức vào thực tế, tạo lập cuộc sống vững chắc, nhưng học phải kết hợp với hành, như con người có cả mắt, có cả chân, vừa có mắt vừa có chân mới tiến được.

Khi nền giáo dục mới được tạo lập, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến dạy chữ và dạy người, gắn lý luận với thực tiễn, “Học đi đôi với hành”.

Thư gửi các cháu học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh khuyên các em học sinh: “...Nhưng các em cũng nên, ngoài giờ học ở trường, tham gia vào các Hội cứu quốc để tập luyện thêm cho quen với đời sống chiến sĩ và để giúp đỡ một vài việc nhẹ nhàng trong cuộc phòng thủ đất nước ; thư gửi Hội nghị các cán bộ phụ trách nhi đồng toàn quốc, Người nhắc tới một khái niệm khác của nội hàm khái niệm GDGTS. Người viết: “Trong lúc học cũng cần làm cho chúng vui, trong lúc vui cũng cần làm cho chúng học. Ở trong nhà, trong trường, trong xã hội chúng đều vui, đều học”.

Trong muôn vàn bức thư, bài phát biểu, các buổi gặp gỡ, nói chuyện với học sinh và giáo viên, Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở các thầy cô giáo và các em học sinh về việc kết hợp giữa học tập và lao động, rèn luyện.

Ngày 31 tháng 12 năm 1958, nói chuyện với học sinh và giáo viên trường phổ thông cấp III Chu văn An (Hà Nội), Bác giảng giải: Trường học của ta là trường học xã hội chủ nghĩa. Trường học xã hội chủ nghĩa là thế nào? Nhà trường xã hội chủ nghĩa là nhà trường:

- Học đi với lao động
- Lý luận đi với thực hành
- Cần cù đi với tiết kiệm

Từ khi có Điều lệ nhà trường, trong các Điều lệ đều có những qui định về hoạt động giáo dục giá trị sống. Tại điều 7, Điều lệ THPT tháng 6 năm 1976 ghi *“Việc giảng dạy và giáo dục được thông qua các hoạt động: Giảng dạy trên lớp, lao động sản xuất và hoạt động tập thể. Các mặt hoạt động đó phải được cùng tiến hành, bổ sung cho nhau theo một kế hoạch thống nhất”*. [9, Điều 7]

Khoản 3, Điều lệ này cũng nhấn mạnh *“Hoạt động tập thể của học sinh do nhà trường phối hợp với Đoàn thanh niên lao động Hồ Chí Minh và Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức, bao gồm các hoạt động văn hóa, chính trị xã hội của Đoàn và Đội và các hoạt động ngoại khóa về khoa học kỹ thuật, văn nghệ, thể dục thể thao của nhà trường và địa phương.*

Khoản 3, điều 10, Điều lệ trường THPT tháng 4 năm 1979 viết:

“Các hoạt động xã hội do nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia với mức độ thích hợp là nhằm củng cố tri thức đã học được, bồi dưỡng tình cảm đối với nhân dân lao động, xây dựng thái độ tích cực tham gia công tác xã hội, góp phần xây dựng địa phương và học sinh về ý thức và năng lực làm chủ tập thể, hình thành nhân sinh quan cách mạng. Ngoài các các hoạt động giáo dục trên đây, cần tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa khác như thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ để công tác giáo dục thêm phong phú”. [10, khoản 3, điều 10]

Điều lệ trường THPT có nhiều cấp học năm 2011 ghi:

“Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh”. [12, tr12]

Xuất phát từ quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục; yêu cầu, đòi hỏi của thực tế, nhiều tác giả đã nghiên cứu về hoạt động GDGTS ở các bậc học.

Nhìn chung, qua tìm hiểu chúng ta thấy có nhiều tác giả và bài viết về giáo dục giá trị và giáo dục giá trị sống, quản lý giáo dục GTS như :

+ Nguyễn Thanh Bình (2014). Giáo dục tích hợp một số giá trị và kỹ năng sống cho học sinh trung học. Mã số đề tài: SPHN 13-286.

+ Nguyễn Thanh Bình, Lưu Thu Thủy (2012). Tài liệu tập huấn về kỹ năng sống cho học sinh Trung học tại các chương trình phát triển vùng của Tầm nhìn thế giới tại Việt Nam.

+ Diane tillman. Những giá trị sống cho tuổi trẻ. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009.

+ Lục Thị Nga , Nguyễn Thanh Bình (2011). Hiệu trưởng trường trung học với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lý.

+ Mô đun : Giáo dục giá trị (2014). Bộ giáo dục và đào tạo.

Một số nghiên cứu tiêu biểu cho xu hướng nghiên cứu về kinh nghiệm thực tiễn tổ chức hoạt động GDGTS ở trường phổ thông trong các luận văn mà tác giả là những cán bộ quản lý của các trường phổ thông.

Cùng với đòi hỏi nâng cao chất lượng trong nhà trường phổ thông, giáo dục giá trị sống (GTS) cho học sinh ở nước ta hiện nay đang là yêu cầu quan trọng, một bộ phận không thể tách rời của quá trình giáo dục. Mục đích của giáo dục GTS là nhằm trang bị cho học sinh những GTS cơ bản, cần thiết nhất để các em có thể thích ứng với cuộc sống của xã hội đương đại, luôn luôn thay đổi trong điều kiện của một xã hội đang phát triển.

Nội dung giáo dục GTS đã được nhiều quốc gia trên thế giới đưa vào dạy học cho học sinh trong các trường phổ thông, dưới nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo cho người học tiếp cận với chương trình giáo dục GTS được coi như một nội dung của chất lượng giáo dục.

Ở Việt Nam, để nâng cao chất lượng giáo dục thế hệ trẻ, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế một số tác giả đã quan tâm nghiên cứu về giáo dục GTS.

Nghiên cứu GTS và giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam xuất phát từ yêu cầu của xã hội đối với giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa; từ nhiệm vụ triển khai

chiến lược và đổi mới giáo dục phổ thông, từ xu thế giáo dục thế giới và từ sự phát triển của khoa học giáo dục, một số công trình nghiên cứu theo hướng nghiên cứu này đã đề cập đến những thách thức liên quan đến giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Bình và cộng sự đã mô tả sinh động, đầy đủ, hệ thống về tiếp cận và thực hiện giáo dục GTS cho học sinh do ngành giáo dục thực hiện. Ngành giáo dục đã triển khai chương trình đưa giáo dục GTS vào hệ thống giáo dục chính quy và không chính quy. Nội dung giáo dục của nhà trường phổ thông được định hướng bởi mục tiêu giáo dục GTS. Theo đó, các nội dung giáo dục GTS cụ thể đã được triển khai ở các cấp bậc học như:

Chương trình cải cách của giáo dục mầm non (1994) đã chú ý đến giáo dục trẻ hành vi, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử...Chương trình khung chăm sóc và giáo dục trẻ mẫu giáo đổi mới đã chú trọng các nội dung như: phát triển thể chất, nhận thức, phát triển ngôn ngữ, tình cảm, nghệ thuật và thẩm mỹ của trẻ. Trong tất cả các nội dung đều chứa đựng nội dung giáo dục GTS.

Giáo dục GTS ở bậc tiểu học tập trung vào các kỹ năng chính, kỹ năng cơ bản như đọc, viết, tính toán, nghe, nói; coi trọng đúng mức các GTS trong cộng đồng, thích ứng với những thay đổi diễn ra hàng ngày trong xã hội hiện đại; hình thành các kỹ năng tư duy sáng tạo, phê phán, giải quyết vấn đề, ra quyết định, trí tưởng tượng.

Giáo dục trung học cơ sở chú trọng giáo dục các GTS cơ bản cho học sinh như: năng lực thích nghi, năng lực hành động, năng lực ứng xử, năng lực tự học suốt đời; định hướng để học sinh học để biết, học để làm, học để chung sống và học để tự khẳng định.

Với các bậc học trên, việc giáo dục GTS được thực hiện chủ yếu thông qua chương trình các môn học và các hoạt động giáo dục của nhà trường cùng với một số chương trình dự án do nước ngoài tài trợ. Ví dụ: với trung học cơ sở, những môn học được khai thác nhằm giáo dục GTS cho học sinh là: môn Giáo dục công dân, môn Công nghệ.

Trong giáo dục trung học phổ thông, giáo dục GTS cho học sinh đã được triển khai qua chương trình ngoại khóa theo dự án, VIE97PO4 về sức khỏe sinh sản vị thành niên, VIE 01/10 do UNFPA tài trợ. Tài liệu hướng dẫn tổ chức các hoạt động ngoại khóa

về giáo dục vị thành niên trong các trường trung học phổ thông đã thể hiện được cách tiếp cận về GTS.

Quá trình đưa giáo dục GTS vào chương trình giáo dục học đường, đặc biệt là chương trình giáo dục phổ thông nêu trên được thực hiện dựa trên những kết quả nghiên cứu về vấn đề này đồng thời cũng tạo điều kiện để các nghiên cứu về đưa giáo dục GTS vào chương trình giáo dục phổ thông ngày càng phát triển. Hướng nghiên cứu về giáo dục GTS cho học sinh thông qua các môn học, các hoạt động giáo dục có ưu thế hơn. Biểu hiện cụ thể là những nghiên cứu về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Trước hết, cần phải khẳng định rằng, giáo dục GTS không phải là mục đích tự thân của các nghiên cứu về hoạt động giáo dục GTS. Những nghiên cứu này trước hết nhằm thiết lập các cơ sở lí luận và thực tiễn để thực hiện sao cho có hiệu quả hoạt động giáo dục GTS trong các trường phổ thông. Tuy nhiên, do tính chất của hoạt động giáo dục GTS và các mục tiêu phát triển các năng lực xã hội cho học sinh nên hoạt động giáo dục GTS có quan hệ mật thiết với giáo dục kĩ năng sống. Vì vậy, những nghiên cứu về hoạt động giáo dục GTS có vai trò quan trọng với định hướng nghiên cứu đưa giáo dục GTS vào chương trình giáo dục phổ thông.

Các công trình nghiên cứu về hoạt động giáo dục GTS được phân tích theo quan điểm trên được khái quát theo những hướng nghiên cứu chính sau đây:

- Nghiên cứu về giáo dục ngoài giờ lên lớp và sự phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở ngoài trường .

- Nghiên cứu hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông nhấn mạnh vai trò chủ thể trong hoạt động tập thể và các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Nghiên cứu về thực hiện các nội dung giáo dục khác nhau thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp như giáo dục môi trường, giáo dục giá trị đạo đức, giáo dục ý thức pháp luật ...

Qua tập hợp nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và tổng quan vấn đề từ việc khảo sát các đề tài liên quan ở trong nước tác giả luận văn này có thể đưa ra nhận định:

- Các đề tài đã đề cập đến những hình thức giáo dục GTS chưa có kết quả thử nghiệm rõ ràng, cụ thể nên tính thuyết phục chưa cao.

Một số đề tài nghiên cứu tương đối đầy đủ các nhiệm vụ: nghiên cứu lí luận, đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp giáo dục GTS nhưng nội dung còn nặng, khó thực hiện khi áp dụng thực tế vào trường THPT.

Những phân tích trên đây cho thấy, giáo dục GTS cho học sinh trung học phổ thông mặc dù đã được định hướng bởi mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục nhưng triển khai thực tiễn hoạt động này trong nhà trường còn rất nhiều hạn chế. Giáo dục GTS cho học sinh trung học phổ thông mới chỉ được thực hiện như một nội dung, một mục tiêu phụ của các chương trình dự án cho cấp học này. Do vậy, cần thiết phải khai thác nội lực của chính các hoạt động trong nhà trường trung học phổ thông nhằm thực hiện có hiệu quả nội dung giáo dục GTS cho học sinh ở bậc học này.

1.2. Các khái niệm cơ bản có liên quan đến luận văn

1.2.1. Hoạt động giáo dục, hoạt động giáo dục giá trị sống

+ Hoạt động giáo dục (Theo nghĩa rộng) là những hoạt động có chủ đích, có kế hoạch hoặc có sự định hướng của nhà giáo dục, được thực hiện thông qua những cách thức phù hợp để chuyển tải nội dung giáo dục tới người học nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục.

+Hoạt động giáo dục GTS là những hoạt động có mục đích, có kế hoạch đến học sinh nhằm giúp học sinh có những kiến thức về cuộc sống, có những thao tác, hành vi ứng xử đúng mực trong các mối quan hệ xã hội, của cá nhân với xã hội, của cá nhân với mọi người xung quanh và của cá nhân với chính mình, giúp cho nhân cách mỗi học sinh được phát triển đúng đắn đồng thời thích ứng tốt nhất với môi trường sống.

1.2.2. Quản lý, Quản lý giáo dục

+ Quản lý

Quản lý là yếu tố có vai trò quyết định cho sự phát triển của các quốc gia và các tổ chức.

Theo Nguyễn Bá Dương thì quản lý là : *“Biết được chính xác điều bạn muốn người khác làm, và sau đó hiểu được rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất”* [17, tr23].

Theo Daft (2000) Quản lý là *“việc thực hiện các mục đích của tổ chức một cách hiệu quả và đạt hiệu xuất tốt, thông qua việc lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các nguồn lực của tổ chức”* [dẫn theo 23, tr.23].

Khi đề cập đến vai trò của quản lý, C.Mác chỉ rõ: “*Bất cứ một lao động xã hội hay lao động chung nào mà tiến hành trên một qui mô khá lớn đều yêu cầu phải có một sự chỉ đạo để điều hòa các hoạt động cá nhân Một người nghệ sĩ độc tấu tự điều khiển lấy mình, nhưng dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng. Quản lý là yếu tố khách quan của mọi quá trình lao động xã hội, là những hoạt động có phối hợp nhằm định hướng và kiểm soát quá trình tiến tới mục tiêu*” [dẫn theo 17, tr24].

....³³³³³³³³³³Quan niệm truyền thống: “Quản lý là quá trình tác động có ý thức của chủ thể vào một bộ máy (đối tượng quản lý) bằng cách vạch ra mục tiêu cho bộ máy, tìm kiếm các biện pháp tác động để bộ máy đạt tới mục tiêu xác định.

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau, song chúng ta có thể hiểu một cách khái quát như sau:

“Quản lý là sự tác động có tổ chức, hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của tổ chức để đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện biến động của môi trường”. Do vậy, thực tế quản lý ở trường học chính là sự tác động một cách khoa học, cụ thể của chủ thể quản lý đến hệ thống giáo dục trong nhà trường, nhằm làm cho hệ vận hành giáo dục đạt đến một trạng thái mới phù hợp và có chất lượng hơn.

+ Quản lý giáo dục

Theo tác giả Đặng Quốc Bảo: “*QLGD theo nghĩa tổng quan là điều hành phối hợp các lực lượng nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo thế hệ theo yêu cầu phát triển của xã hội. Ngày nay, với sứ mệnh phát triển giáo dục thường xuyên, công tác giáo dục không chỉ giới hạn ở thế hệ trẻ mà cho mọi người. Cho nên QLGD được hiểu là sự điều hành hệ thống giáo dục Quốc dân*” [1, tr.7].

Theo tác giả Nguyễn Thị Tính: “*Quản lý giáo dục là những tác động có hệ thống, có mục đích, hợp quy luật của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau đến tất cả các mắt xích của giáo dục, nhằm đảm bảo cho hệ thống giáo dục vận hành, phát triển, thực hiện mục tiêu của nền giáo dục*” [27, tr23].⁴⁴⁴⁴⁴⁴⁴⁴⁴⁴

1.2.3. Quản lý nhà trường, Quản lý nhà trường THPT

Theo tác giả Nguyễn Thị Tính: “*Quản lý nhà trường là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch hợp quy luật của chủ thể quản lý nhà trường giúp cho nhà*

trường vận hành theo đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, thực hiện được mục tiêu, tính chất của nhà trường Việt Nam đó là hình thành phát triển nhân cách người học theo yêu cầu xã hội” [27, tr23,24].

1.2.4. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống

Quản lý hoạt động giáo dục GTS là hoạt động của nhà quản lý nhằm tập hợp và tổ chức các lực lượng giáo dục, huy động tối đa các nguồn lực xã hội để giáo dục GTS cho học sinh.

Quản lý hoạt động giáo dục GTS chính là những công việc của nhà trường mà người quản lý trường học thực hiện các chức năng quản lý để tổ chức các công tác giáo dục GTS. Đó là những hoạt động có ý thức, có kế hoạch và hướng đích của chủ thể quản lý nhằm trang bị cho học sinh những GTS phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ học vấn và bối cảnh sống của các em.

1.2.5. Giá trị sống và giáo dục giá trị sống ở trường THPT

1.2.5.1. Khái niệm giá trị sống

*** Giá trị**

- Giá trị theo nghĩa hẹp: giá trị với ý nghĩa thỏa mãn nhu cầu của con người, do đó giá trị chỉ tồn tại trong mối quan hệ với con người.

- Giá trị theo nghĩa rộng: ngoài sự thỏa mãn nhu cầu, giá trị còn hàm nghĩa sâu rộng hơn. Phần thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người được coi là hàm nghĩa cơ bản và đó mới chỉ là phần giá trị sử dụng. Phần hàm nghĩa sâu sắc của giá trị là đặc tính ưu việt, là giá trị bên trong của sự vật, hiện tượng.

- Giá trị cá nhân (đối với cá nhân) mang đặc tính tinh thần là những gì được họ coi là rất quan trọng, rất cần thiết, rất có ý nghĩa, luôn mong đợi.[4, tr34].

*** Quan điểm khác về giá trị**

Theo tác giả Phạm Minh Hạc: “Giá trị là tính có ý nghĩa tích cực, đáng quý, có ích của các đối tượng với các chủ thể” [21].

John Maciology- Hoa Kỳ: “*Giá trị là những quy chuẩn mà qua đó một thành viên của một nền văn hóa điều gì là đáng mong muốn, điều gì không đáng mong muốn, điều gì là tốt hay dở, điều gì là đẹp hay xấu*”. [dẫn theo 4, tr37].

Tóm lại: Theo quan điểm của các nhà khoa học, cũng như trong một số từ điển đã giải thích, khái niệm giá trị có chung một số đặc điểm sau:

“Giá trị” là “cái dựa vào đó để xem xét một con người đáng quý đến mức nào về mặt đạo đức, trí tuệ, nghề nghiệp, tài năng”. “Giá trị cũng là những quan niệm về thực tại, về cái đẹp, sự thật, điều thiện của một xã hội”.

Giá trị được hiểu theo hai góc độ: Vật chất và tinh thần. Giá trị vật chất là giá trị được đo bằng tiền bạc dưới góc độ kinh tế, còn giá trị tinh thần tạo cho con người niềm tin, hứng thú, động lực và sức mạnh trong cuộc sống.

* Giá trị sống

Từ những phân tích về giá trị trên có thể khái quát về giá trị sống như sau:

Giá trị là nền tảng, là chiếc neo giúp cá nhân lựa chọn ứng xử, quyết định hợp lý để mang lại lợi ích cho bản thân và cho xã hội. Giá trị được xem là cốt lõi, bởi vì nó dẫn dắt và mang lại mục đích cho hành động của một cá nhân. Hành động mà không dựa trên giá trị sẽ dẫn đến sự thiếu nhất quán trong mục đích và hành động. Giá trị nằm ở tầng dưới (tầng chìm), các biểu hiện khác của văn hóa như lối sống, nếp sống hay hành vi, ứng xử.. là tầng trên (tầng nổi) và chính là giá trị sống.

- GTS là những gì mà ta quý trọng, thứ mà ta sẽ soi vào khi ra quyết định, lựa chọn làm việc này hay không làm việc này.

- GTS là những thứ được cá nhân nhận thức là rất quan trọng, cần thiết, có ý nghĩa, luôn mong đợi, chúng có khả năng chi phối thái độ, xúc cảm, tình cảm, hành vi của một cá nhân trong cuộc sống hàng ngày, trở thành động lực để người ta nỗ lực phấn đấu để có được nó.

- GTS đã giúp người học sinh: không chỉ có tu dưỡng và rèn luyện kỹ năng mà phải biết chuyển các giá trị cốt lõi, các kỹ năng sống thành giá trị và kỹ năng của chính bản thân mình.

1.2.5.2. Giáo dục giá trị sống cho ở trường THPT

Những giá trị sống cần giáo dục cho học sinh THPT là:

- Giá trị sống chung: hòa bình, tự do.
- Giá trị về quan hệ: tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, trách nhiệm.
- Giá trị về phẩm chất cá nhân: khoan dung, khiêm tốn, giản dị, trung thực, yêu thương, hạnh phúc.
- + Những hệ giá trị khác là:
 - Năm điều Bác Hồ dạy.
 - Những giá trị công dân như: tuân thủ pháp luật, dân chủ, trung thành với Tổ quốc, bình đẳng nam nữ...
 - Những giá trị người lao động mới: sáng tạo, kỷ luật lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm lao động.
 - Những giá trị mang bản sắc dân tộc Việt Nam: yêu nước, hiếu học, tôn sư trọng đạo, nhân nghĩa...

1.2.6. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT

Điều 26 Điều lệ trường THPT năm 2011 ghi: Các hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Hoạt động giáo dục giá trị sống là những hoạt động được tổ chức ngoài giờ học các môn học trên lớp, là sự tiếp nối, khắc sâu, bổ sung các hoạt động trên lớp, là con đường gắn lý luận với thực tiễn.

Trước yêu cầu hội nhập, mục tiêu của giáo dục, hoạt động GDGTS trở thành một chương trình bắt buộc, được đưa vào tiết học chính khóa.

Việc đưa chương trình GDGTS vào chương trình chính khóa không có nghĩa sẽ không tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Thực chất, những tri thức trong hoạt động nội khóa chưa thỏa mãn nhu cầu nhận thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực cá nhân của học sinh, vì vậy các hoạt động ngoại khóa đáp ứng nhu cầu, tạo điều kiện cho các em mở rộng, minh họa, khắc sâu, phát huy khả năng và hứng thú trong các hoạt động; hoạt động ngoại khóa là một nội dung trong hoạt động GDGTS.

Quản lý hoạt động giáo dục GTS là hoạt động của nhà quản lý nhằm tập hợp và tổ chức các lực lượng giáo dục, huy động tối đa các nguồn lực xã hội để giáo dục GTS cho học sinh.

Quản lý hoạt động giáo dục GTS chính là những công việc của nhà trường mà người quản lý trường học thực hiện các chức năng quản lý để tổ chức các công tác giáo dục GTS. Đó là những hoạt động có ý thức, có kế hoạch và hướng đích của chủ thể quản lý nhằm trang bị cho học sinh những GTS phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ học vấn và bối cảnh sống của các em.

1.2.6.1. Đặc điểm của chương trình hoạt động GDGTS ở trường THPT

(Theo tài liệu dành cho GV ở trường THPT-Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp- Nhà xuất bản giáo dục Việt nam)

Hoạt động GDGTS được cấu trúc theo chủ đề: Chương trình hoạt động GDGTS ở trường THPT có cấu trúc đồng tâm. Về cơ bản, cấu trúc chương trình lớp 10, 11, 12 giống nhau. Cách cấu trúc theo chủ đề hoạt động của tháng vừa đảm bảo tính khoa học, tính thống nhất vừa thuận lợi cho công tác quản lý, chỉ đạo của các nhà trường. Hoạt động hè không lấy các chủ đề làm trụ cột cho các hoạt động mà xây dựng khung chương trình mở “Mùa hè tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”, các nhà trường tùy theo tình hình cụ thể để xây dựng chương trình cho mỗi hoạt động.

Ở các trường THPT hiện nay, theo Kế hoạch thời gian năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thời gian học 37 tuần, vì vậy, năm học bắt đầu sớm hơn 2 tuần so với Kế hoạch thời gian năm học trước đây. Các nhà trường để tổ chức được hoạt động dạy học đã tập trung học sinh trong tháng 8. Thực tế, cùng với chủ đề định hình, các hiệu trưởng đã chỉ đạo tổ chức các hoạt động tự chọn phù hợp để học sinh gắn bó, yêu trường yêu lớp.

Nắm vững khung chương trình là yêu cầu bắt buộc. Từ khung chương trình, hiệu trưởng yêu cầu giáo viên chủ nhiệm triển khai kế hoạch, kế hoạch hoạt động tự chọn, định hướng GVCN trong việc lựa chọn nội dung, hình thức, cách thức tổ chức hoạt động GDGTS.

1.2.6.2. Vai trò, ý nghĩa của hoạt động GDGTS đối với việc thực hiện mục tiêu giáo dục ở trường THPT

Trong điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam nói riêng và bối cảnh toàn cầu nói chung, càng ngày chúng ta càng nhận ra tầm quan trọng của việc tổ chức các hoạt động GDGTS cho học sinh. Thông qua hoạt động giáo dục để các em học sinh tự tin, chủ động ứng phó với sự thay đổi, biến động của môi trường kinh tế, xã hội và thiên nhiên. Tuổi trẻ hiện nay phải tự đương đầu với nhiều vấn đề phức tạp của cuộc sống. Ngoài kiến thức, mỗi học sinh đều cần trang bị cho mình GTS để làm chủ bản thân, thích ứng và biết cách ứng phó trước những tình huống khó khăn trong cuộc sống hàng ngày; Rèn luyện cách sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng; Mở ra cơ hội, hướng suy nghĩ tích cực và tự tin, tự quyết định và lựa chọn những hành vi đúng đắn là việc làm hết sức cần thiết với mỗi nhà trường.

Quản lý các hoạt động GDGTS như những nhịp cầu giúp biến kiến thức thành những hành động cụ thể, những thói quen lành mạnh. Giáo dục GTS cho học sinh có thể thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực và do vậy sẽ giảm bớt các tệ nạn xã hội. GTS góp phần thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội, ngăn ngừa các vấn đề sức khỏe, xã hội và bảo vệ quyền con người, giúp con người sống an toàn, lành mạnh và có chất lượng, giải quyết một cách tích cực nhu cầu con người, quyền công dân...

Hoạt động GDGTS là một hoạt động giáo dục đặc biệt của nhà trường. Hoạt động GDGTS là con đường phát triển toàn diện cho thế hệ trẻ, tạo nên sự thống nhất giữa ý thức và hành động, hoạt động này có tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến đời sống tình cảm, tâm hồn, nhân cách các em.

1.3. Mục tiêu hoạt động giáo dục giá trị sống; nội dung; biện pháp hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT

1.3.1. Mục tiêu hoạt động giáo dục giá trị sống

Mục tiêu giáo dục của Việt Nam hiện nay đã chuyển từ mục tiêu cung cấp kiến thức là chủ yếu sang hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho người học. Mục tiêu giáo dục của Việt Nam thể hiện mục tiêu giáo dục của thế kỉ XXI: Trang bị cho học sinh những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp, trên cơ sở đó hình

thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực, loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày; Tạo cơ hội thuận lợi để các em thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

Hoạt động GDGTS tạo điều kiện và môi trường để học sinh phát huy vai trò chủ thể tích cực, chủ động của các em trong quá trình học tập, rèn luyện.

Hoạt động GDGTS vừa củng cố, bổ sung, mở rộng kiến thức đã học vừa phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vận dụng vào cuộc sống, điều khiển hành vi và ngôn ngữ cho phù hợp với các chuẩn mực xã hội trong các mối quan hệ với thầy cô, bạn bè, gia đình, với thiên nhiên và với chính bản thân mình.

Hoạt động GDGTS đặt các em học sinh trước những vấn đề của thời đại, xã hội, những khó khăn, thách thức, kể cả những cám dỗ, cạm bẫy ... mà các em phải đối mặt, từ đó rèn luyện bản lĩnh, tích lũy kinh nghiệm, làm chủ mọi tình huống trong cuộc sống.

1.3.2. Mục tiêu tổ chức các hoạt động GDGTS.

1.3.2.1. Về kiến thức: Học sinh hiểu được ý nghĩa của việc học tập và rèn luyện GTS trong nội dung những tiết học chính khoá và những hoạt động ngoài giờ lên lớp; Hiểu nội dung của một số GTS cần thiết của người học sinh THPT; Trình bày được lợi ích của các GTS đối với bản thân trong học tập, rèn luyện ở nhà trường và trong cuộc sống ở gia đình, cộng đồng xã hội.

1.3.2.2. Về kỹ năng: Qua học tập, tổ chức, tham gia các hoạt động học sinh biết rèn kỹ năng sống; biết thực hành và vận dụng các GTS trong giao tiếp, ứng xử tích cực với bản thân, gia đình và cộng đồng.

1.3.2.3. Về thái độ: Có ý thức và thái độ tích cực khi tham gia các hoạt động GDGTS, chủ động rèn luyện, tích lũy GTS.

1.3.3. Nội dung hoạt động giáo dục giá trị sống

Nội dung giáo dục GTS cho học sinh trong nhà trường phổ thông tập trung vào các kỹ năng tâm lý- xã hội. Những kỹ năng này được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để tương tác với người khác và giải quyết hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống. Nội dung giáo dục GTS được vận dụng linh hoạt.

Trong luận văn này, người viết đề xuất một số nội dung giáo dục GTS cho học sinh trong nhà trường phổ thông:

- Kỹ năng xác định giá trị: giá trị là những gì con người cho là quan trọng, là có ý nghĩa đối với bản thân mình, có tác dụng định hướng cho suy nghĩ, hành động và lối sống cho bản thân. Giá trị có thể là những chuẩn mực đạo đức, những chính kiến, thái độ...đối với một điều gì đó. Mỗi người đều có một hệ thống giá trị riêng. Kỹ năng xác định giá trị là khả năng con người hiểu rõ được những giá trị của bản thân mình. Kỹ năng này còn giúp người ta biết tôn trọng người khác, biết chấp nhận rằng người khác có những giá trị và niềm tin khác.

- Kỹ năng đương đầu với cảm xúc, căng thẳng: Đương đầu với cảm xúc, kiểm soát cảm xúc là khả năng con người nhận thức rõ cảm xúc của mình trong một tình huống nào đó và hiểu được ảnh hưởng của cảm xúc đối với bản thân và người khác như thế nào, đồng thời biết cách điều chỉnh và thể hiện cảm xúc một cách phù hợp. Khi bị căng thẳng, tùy từng tình huống, mỗi người có thể có cách ứng phó khác nhau. Cách ứng phó tích cực hay tiêu cực khi căng thẳng phụ thuộc vào cách suy nghĩ tích cực hay tiêu cực của cá nhân trong tình huống đó. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng là khả năng con người bình tĩnh, sẵn sàng đón nhận những tình huống căng thẳng như là một phần tất yếu của cuộc sống, là khả năng nhận biết sự căng thẳng, hiểu được nguyên nhân, hậu quả của căng thẳng, cũng như biết cách suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi bị căng thẳng.

- Kỹ năng giao tiếp: là khả năng có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp với hoàn cảnh và văn hoá, đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm. Kỹ năng giao tiếp giúp con người biết đánh giá tình huống giao tiếp và điều chỉnh cách giao tiếp một cách phù hợp, hiệu quả; cởi mở bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc nhưng không làm hại hay gây tổn thương cho người khác. Kỹ năng này giúp con người có mối quan hệ tích cực với người khác. Người có kỹ năng giao tiếp tốt, biết cách dung hoà; có cách ứng xử phù hợp khi làm việc cùng và ở cùng với những người khác trong một môi trường tập thể, quan tâm đến những điều người khác quan tâm và giúp họ có thể đạt được những điều họ mong muốn một cách chính đáng.

- Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn: mâu thuẫn là những xung đột, tranh cãi, bất đồng, bất bình với một hay với nhiều người về một vấn đề nào đó. Có rất nhiều cách giải quyết mâu thuẫn, mỗi người sẽ có cách giải quyết mâu thuẫn riêng tùy thuộc vào vốn hiểu biết, văn hoá...và cách ứng xử cũng như khả năng phân tích, tìm hiểu nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn là khả năng con người nhận thức được nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn đó với thái độ tích cực, không dùng bạo lực, thoả mãn nhu cầu và quyền lợi các bên và giải quyết mối quan hệ giữa các bên một cách hoà bình.

Trong hoạt động GDGTS, tùy từng nội dung chương trình hoạt động, có thể lựa chọn những nội dung rèn luyện kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng kiên định, kỹ năng đảm nhận trách nhiệm, kỹ năng đạt mục tiêu, kỹ năng quản lý thời gian...và nhiều kỹ năng khác cho học sinh.

1.3.4. Biện pháp

Theo Từ điển Tiếng Việt của Nhà xuất bản Giáo dục năm 1985: “Biện pháp là cách làm, cách giải quyết một vấn đề cụ thể”. Như vậy, biện pháp là cách làm cụ thể được chủ thể sử dụng trên cơ sở phương pháp đã được xác định.

Biện pháp quản lý hoạt động GDGTS:

Là những cách thức tổ chức tiến hành thực hiện các nội dung hoạt động GDGTS theo một qui trình nhằm đạt mục tiêu đề ra, trong đó, các bước của qui trình, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS hướng vào việc rèn luyện GTS.

Biện pháp quản lý hoạt động thể hiện năng lực của người Hiệu trưởng, vì qua biện pháp quản lý đó có thể đánh giá được sự năng động hay trì trệ, sáng tạo hay bảo thủ ... của chủ thể quản lý. Trong mỗi chương trình, tình huống, sự việc ... người quản lý phải biết sử dụng một phương pháp thích hợp. Tính hiệu quả của biện pháp quản lý phụ thuộc nhiều vào việc lựa chọn các biện pháp quản lý. Biện pháp quản lý chính là cách thức tổ chức, phương pháp quản lý cụ thể đối với những sự việc, tình huống, chương trình cụ thể. Các biện pháp quản lý rất phong phú, đa dạng, chúng có liên quan mật thiết, tương thích với nhau, tạo điều kiện thúc đẩy để cùng hướng tới mục tiêu, tạo thành một hệ thống các biện pháp.

1.4. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT

1.4.1. Quản lý việc xây kế hoạch hoạt động GDGTS

1.5.1.1. Lập kế hoạch là một chức năng quản lý, tạo ra khả năng tốt nhất để hoàn thành mục tiêu. Theo tác giả Trần Quốc Thành: “Kế hoạch là chương trình (phương án) hành động hướng vào việc thực hiện một mục tiêu nào đó trong tương lai”. Xây dựng kế hoạch hoạt động GDGTS là dự kiến những nội dung hoạt động, hình thức tổ chức, sắp xếp theo trình tự thời gian năm học. Kế hoạch làm cho các hoạt động của nhà trường có mục đích, yêu cầu rõ ràng; chủ động, khoa học trong quản lý, chỉ đạo. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động cần xác định mục tiêu trong hoạt động này cần đạt được mục tiêu nào? Những GTS các em học sinh sẽ được rèn luyện, tích lũy, các phương thức đạt mục tiêu.

Khi lập kế hoạch các nhà quản lý cần quyết định phải làm gì trong hoạt động này? Những kỹ năng cần rèn luyện? Làm như thế nào? Ai là người phụ trách? Ai làm? Lúc nào làm và trong thời hạn bao lâu? Địa điểm tổ chức? Qui mô như thế nào? Cần những điều kiện và phương tiện gì? Những tình huống có thể xảy ra? Bản kế hoạch, phân công rõ ràng, có thời gian hoàn thành và yêu cầu cần đạt. Có thể tóm tắt theo bảng sau.

Thời gian	Nội dung hoạt động	Công việc cụ thể	Biện pháp thực hiện	Người phụ trách	Người thực hiện	Thời gian hoàn thành	Điều kiện thực hiện	Ghi chú
Tháng 9								
Tháng								

1.4.1.2. Quản lý việc xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch

Quản lý việc xây dựng kế hoạch hoạt động theo ngày, tuần, tháng, năm. Kế hoạch phải có sự cân đối, tránh chùng chéo, đơn điệu về nội dung và hình thức tổ chức.

- Kế hoạch hàng ngày, thường xuyên: Bắt đầu từ việc duy trì nề nếp, thực hiện bảo đảm an toàn giao thông trước, sau mỗi buổi học tại khu vực cổng trường. Quản lý học sinh giờ truy bài đầu giờ; Đội cờ đỏ, đội thanh niên xung kích theo dõi sĩ số, nề nếp....

- Kế hoạch tuần: Sau khi sơ kết hoạt động tuần đã qua là triển khai nội dung hoạt động tuần tiếp theo. Khi triển khai nội dung công việc tuần mới, người Hiệu trưởng cần phân công rõ ràng, nội dung, yêu cầu phải thực hiện. Kế hoạch hoạt động phải triển khai tới tổ chủ nhiệm, các tổ trưởng chuyên môn. Tổ trưởng chuyên môn phổ biến, phân công giáo viên phụ trách các chủ đề giáo dục phù hợp với chuyên môn, lên kế hoạch phối hợp với giáo viên chủ nhiệm về nội dung, hình thức tổ chức thực hiện các hoạt động. Báo cáo kế hoạch phân công chi tiết với ban giám hiệu. Ban giám hiệu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của giáo viên. Công tác kiểm tra thực hiện linh hoạt: qua cốt cán, qua tổ trưởng chuyên môn, qua giáo viên chủ nhiệm, qua giáo viên bộ môn ...

- Quản lý việc xây dựng và thực hiện nội dung chương trình hoạt động GDGTS bắt buộc, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Quản lý việc xây dựng, triển khai kế hoạch phối hợp giữa cán bộ Đoàn thanh niên với giáo viên chủ nhiệm (GVCN) và giáo viên bộ môn trong việc tổ chức hoạt động GDGTS.

- Quản lý việc xây dựng kế hoạch về cơ sở vật chất (CSVC) và các điều kiện khác phục vụ cho hoạt động GDGTS.

- Quản lý việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động GDGTS.

- Quản lý việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phối kết hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia tổ chức các hoạt động GDGTS.

- Quản lý đội ngũ GVCN trong việc thực hiện kế hoạch hoạt động GDGTS .

1.4.1.3. Vai trò quản lý của Hiệu trưởng.

Hiệu trưởng là trưởng ban hoạt động GDGTS, phó hiệu trưởng là phó ban thường trực chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức hoạt động GDGTS theo chủ điểm hàng tháng.

Quản lý đội ngũ GVCN trong thực hiện nhiệm vụ GDGTS bao gồm các công việc cụ thể sau:

+Quản lý việc xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, kế hoạch hoạt động tuần, tháng, năm học. Đội ngũ cán bộ lớp làm nòng cốt, những Đoàn viên, thanh niên xung kích là nòng cốt trong các hoạt động GDGTS.

+Duyệt kế hoạch, kiểm tra, đôn đốc, việc chuẩn bị của GVCN theo chủ đề hoạt động và các hoạt động tự chọn, việc triển khai hoạt động GDGTS trong các giờ sinh hoạt và tiết chào cờ đầu tuần.

+Quản lý việc phối kết hợp giữa GVCN lớp và các lực lượng khác trong nhà trường.

+Quản lý việc đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi chủ đề hoạt động.

+Quản lý việc đánh giá, phân xếp loại của Ban thi đua đối với các hoạt động trong các giờ chào cờ đầu tuần, các hoạt động GDGTS.

1.4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống

1.4.2.1. Muốn tổ chức hoạt động GDGTS có hiệu quả, nhiệm vụ số một của người Hiệu trưởng cần quan tâm là phải thành lập tổ chức để quản lý - Ban chỉ đạo hoạt động GDGTS. Hiệu trưởng là trưởng ban, phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động là phó trưởng ban thường trực. Ủy viên gồm đại diện Ban chấp hành công đoàn, Bí thư đoàn trường, tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, giáo viên cốt cán hoạt động GDGTS, giáo viên chủ nhiệm lớp. Ban chỉ đạo ngoài nhiệm vụ điều hành, còn có vai trò quyết định trong việc lựa chọn nội dung hoạt động, hình thức tổ chức, những GTS cần rèn luyện qua mỗi hoạt động cho học trò.

1.4.2.2. Ban chỉ đạo hoạt động GDGTS có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động, đôn đốc, động viên, chỉ đạo thực hiện, giám sát các hoạt động GDGTS theo chương trình, kế hoạch. Tổ chức hướng dẫn giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ lớp, cán bộ đoàn thực hiện kế hoạch. Giáo viên chủ nhiệm lớp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với tiết hoạt động GDGTS trên lớp cũng như hoạt động giáo dục NGLL khác, vì vậy muốn tổ chức hoạt động giáo dục GTS có hiệu quả ban chỉ đạo cần làm cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm hiểu rõ mục đích, yêu cầu, phương pháp tổ chức ... đồng thời khuyến khích tính sáng tạo trong tổ chức các hoạt động. Làm sao các hoạt động sinh động, linh hoạt, phù hợp với tâm lý của các em học sinh, học sinh hứng thú khi tham gia cũng như khi thưởng thức các nội dung được chọn tổ chức thực hiện, một cách tự nhiên các em tích lũy được các kỹ năng sống cần thiết.

1.4.2.3. Phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, các bộ phận hỗ trợ, phục vụ là yêu cầu thiết yếu và quan trọng (theo lí luận về quản lý chất lượng tổng thể)

Sự phối hợp giữa các cán bộ lớp, các cán bộ đoàn.

Sự phối hợp giữa ban chỉ đạo hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với các lực lượng ngoài nhà trường. Nhà trường tham mưu với cấp uỷ chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể để những hoạt động tuyên truyền được tổ chức tại trường, học sinh được tham gia vào các hoạt động đó.

Nếu biết cách phối hợp các lực lượng ngoài nhà trường thì hoạt động của nhà trường không những đạt được mục tiêu kết hợp tốt môi trường gia đình - nhà trường - xã hội mà còn phát huy được khả năng, nâng cao được trách nhiệm của các lực lượng xã hội ngoài nhà trường trong quản lý, phối kết hợp giáo dục học sinh và góp phần tạo nên môi trường giáo dục chất lượng cao, an toàn, lành mạnh, toàn diện.

1.4.2.4. Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các thành viên

1.4.3. Chỉ đạo hoạt động giáo dục giá trị sống

Ban chỉ đạo thống nhất qui trình tổ chức hoạt động GDGTS. Từ kế hoạch hoạt động, lựa chọn lực lượng tham gia, xây dựng nội dung hoạt động cụ thể, kịch bản chương trình, thời gian tập luyện, người phụ trách, thời gian duyệt chương trình, thời gian tổ chức Báo cáo những vướng mắc, khó khăn, người giải quyết Nhưng về cơ bản phải thống nhất theo nguyên tắc:

1.4.3.1. Chỉ đạo dựa trên kế hoạch hoạt động GDGTS

1.4.3.2. Chỉ đạo thực hiện theo qui chế chuyên môn: việc thực hiện kế hoạch dạy học, sổ đầu bài, sổ trực tuần ...

1.4.3.3. Chỉ đạo thực hiện theo cơ chế trực tuần

1.4.3.4. Chỉ đạo thông qua hệ thống quản lý của tổ chức Đoàn, Công Đoàn, tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm...

1.4.3.5. Chỉ đạo các câu lạc bộ, lực lượng nòng cốt thực hiện hoạt động GDGTS

1.4.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục giá trị sống

Đối với ban chỉ đạo: Trưởng ban chỉ đạo thống nhất nội dung kiểm tra, nhiệm vụ của từng thành viên, qua kiểm tra nắm bắt chính xác tiến độ thực hiện kế hoạch,

đánh giá số lượng, chất lượng; phát hiện sai sót, lệch lạc, tìm nguyên nhân, từ đó điều chỉnh, uốn nắn cho phù hợp. Hình thức kiểm tra nên linh hoạt, có thể kiểm tra qua quan sát, các kênh thông tin từ giáo viên chủ nhiệm, cốt cán bộ môn, học sinh... Trưởng ban chỉ đạo cần giao nhiệm vụ cho các thành viên, đặc biệt là phó ban chỉ đạo thường trực, bí thư đoàn trường kiểm tra từng khâu, từng giai đoạn của quá trình. Kiểm tra các hoạt động GDGTS đã định hướng những GTS như mục tiêu. Sau mỗi tuần, mỗi tháng, mỗi học kì trong các cuộc họp giao ban, họp hội đồng giáo dục, nội dung giao ban, họp hội đồng của Hiệu trưởng - trưởng ban chỉ đạo hoạt động giáo dục GTS có nội dung kiểm điểm, nhận xét, đánh giá và triển khai nội dung hoạt động GDGTS trong tuần, trong tháng, mỗi học kì.

Đối với tổ chủ nhiệm: Qua các hoạt động GDGTS các giáo viên chủ nhiệm so sánh chất lượng các hoạt động giữa các lớp, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng, đổi mới cách thức tổ chức, thay đổi hoạt động GDGTS mỗi tuần, mỗi chương trình, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động GDGTS.

Đối với giáo viên chủ nhiệm: Đánh giá kết quả hoạt động GDGTS là một nội dung, là căn cứ đánh giá chất lượng giáo dục nói chung, ý thức, hạnh kiểm của học sinh nói riêng. Việc đánh giá giúp cho các em nhận rõ điểm mạnh, điểm yếu, bài học rút ra từ chương trình hoạt động. Đối với giáo viên, căn cứ đánh giá là ý thức tham gia, sự chuẩn bị, kết quả hoạt động, sự trưởng thành của học sinh. Các hoạt động GDGTS là cơ hội để giáo viên bộc lộ ý tưởng, khả năng, năng lực, sở trường và cũng là cơ hội để giáo viên tự rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, khả năng quản lý, tổ chức.

1.4.5. Tổ chức phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường để tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống

Hoạt động GDGTS chỉ được tổ chức có hiệu quả khi nhà trường phối hợp các lực lượng giáo dục và các tổ chức đoàn thể.

Chi bộ thống nhất trong chỉ đạo, ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, các giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên cốt cán chung tay tổ chức các hoạt động GDGTS. Yếu tố quan trọng nhất là trưởng ban chỉ đạo- Hiệu trưởng phải “keo dính” liên kết các thành viên, các thành viên cùng phối kết hợp, cùng hướng tới mục tiêu chung.

Nhà trường, gia đình, xã hội phối hợp chặt chẽ tạo nên môi trường giáo dục khép kín, tác động đồng bộ đến học sinh. Nhà trường chủ động để xây dựng mối quan hệ mật thiết, tích cực. Các lực lượng ngoài nhà trường gồm: cha mẹ học sinh, cơ quan, đoàn thể ... nơi cha mẹ các em sống và làm việc, chính quyền địa phương, các cơ quan đoàn thể, các doanh nghiệp ... trên địa bàn nhà trường đặt trụ sở, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, doanh nhân...

Việc phối kết hợp giữa các lực lượng ngoài nhà trường không chỉ đảm bảo sự phối hợp thống nhất mà còn phát huy, nâng cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, các lực lượng xã hội. Nếu phối kết hợp tốt nhà trường sẽ được chia sẻ các khó khăn, tìm được sự đồng thuận, các lực lượng ngoài nhà trường sẽ qua tâm, nắm được thực tế hoạt động, nhu cầu hoạt động...từ đó ủng hộ nhà trường, chăm lo cho thế hệ trẻ.

Để phối kết hợp tốt, nhận được sự đồng thuận của các lực lượng ngoài nhà trường, mỗi thành viên trong nhà trường phải có quan hệ thường xuyên, quan hệ rộng rãi, có khả năng tập hợp sức mạnh tập thể, đồng thời lãnh đạo nhà trường phải chủ động ýong xây dựng, nghiêm túc trong thực hiện công tác phối hợp.

1.4.6. Yếu tố ảnh hưởng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống

1.4.6.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông

Học sinh THPT có thể nói là quãng đời đẹp nhất của tuổi học trò, đa số học sinh vào THPT ở độ tuổi 15-16, tốt nghiệp THPT khi 17-18. Cuộc đời dành cho lứa tuổi này những từ ngữ đẹp nhất “Tuổi trăng tròn”, “tuổi hoa niên”. Xã hội cũng hiểu được ý nghĩa quan trọng của lứa tuổi này. Các em là lực lượng lao động sẽ thay thế cha mẹ để đảm bảo đời sống cho các thành viên trong gia đình, sự phát triển và tương lai của mỗi gia đình, mỗi dòng tộc. Các em cũng chính là nguồn nhân lực kế tiếp, nguồn nhân lực chủ yếu của đất nước trong tương lai.

Tuổi học sinh THPT là giai đoạn đã trưởng thành về mặt thể lực, nhưng sự phát triển cơ thể còn chưa vững chắc, các em bắt đầu thời kỳ phát triển tương đối ổn định về mặt sinh lý.

Nhìn chung, lứa tuổi các em đã phát triển cân đối, khỏe và đẹp, đa số các em có thể đạt được những khả năng phát triển về cơ thể như người lớn, đó là yếu tố cơ bản giúp học sinh trung học phổ thông có thể tham gia các hoạt động phong phú, đa dạng, phức tạp của chương trình giáo dục.

Ở lứa tuổi này các em đã có khả năng tư duy lý luận, tư duy trừu tượng một cách độc lập, sáng tạo. Chỉ cần định hướng tốt, phát huy khả năng của học sinh, trường THPT sẽ tổ chức được những hoạt động đúng chủ đề, phù hợp với lứa tuổi, sáng tạo, lành mạnh. Các em học sinh có thể tham gia hoạt động giáo dục với vai trò chủ thể của các hoạt động.

Sự phát triển tự ý thức là một đặc điểm nổi bật trong sự phát triển nhân cách của học sinh THPT, nó có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển tâm lý của các em. Học sinh THPT có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá những đặc điểm tâm lý của mình: quan tâm sâu sắc tới đời sống tâm lý, phẩm chất nhân cách và năng lực riêng, xuất hiện ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng, tình cảm nghĩa vụ đó là những giá trị nổi trội và bền vững. Các em có khả năng đánh giá về mặt mạnh, mặt yếu của bản thân mình và những người xung quanh, có những biện pháp kiểm tra đánh giá sự tự ý thức bản thân như viết nhật ký, tự kiểm điểm trong tâm tưởng, biết đối chiếu với các thần tượng, các yêu cầu của xã hội, nhận thức vị trí của mình trong xã hội, hiện tại và tương lai.

Nhu cầu giao tiếp, hoạt động của lứa tuổi này rất lớn, bởi vậy một môi trường tốt, hoạt động phù hợp với sở thích, với năng lực học sinh có định hướng của gia đình và xã hội sẽ giúp các em tự khẳng định mình.

Học sinh THPT là lứa tuổi quyết định sự hình thành nhân sinh quan, thế giới quan về xã hội, tự nhiên, các nguyên tắc và quy tắc cư xử. Lứa tuổi này các em quan tâm nhiều tới các vấn đề liên quan đến con người, vai trò của con người trong lịch sử, quan hệ giữa con người và xã hội, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa ý chí và tình cảm. Ở lứa tuổi này các em có nhu cầu được hoạt động với các bạn cùng lứa tuổi, cảm thấy mình cần cho nhóm, có uy tín, có vị trí nhất định trong nhóm, muốn được bàn bè thừa nhận. Đây là cơ sở cho việc học sinh thích tham gia tổ chức hoạt động GDGTS, rèn luyện GTS, hình thành những hành vi văn hoá...

Sự phát triển nhân cách của học sinh THPT là một giai đoạn rất quan trọng, giai đoạn chuyển đổi từ trẻ em lên người lớn. Đây là lứa tuổi đầu thanh niên với những đặc điểm tâm lý đặc thù khác với tuổi thiếu niên, các em đã đạt tới sự trưởng thành về thể lực và sự phát triển nhân cách. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh THPT là điều kiện thuận lợi cho việc GDGTS cho các em có hiệu quả. Các lực lượng giáo

dục phải biết phát huy các yếu tố tích cực, khắc phục những hạn chế trong sự phát triển tâm sinh lý lứa tuổi này để lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức thích hợp, phát huy được tính tích cực chủ động của các em trong hoạt động GDGTS.

1.4.6.2. Các yếu tố thuộc về chương trình giáo dục THPT

Để thực hiện hoạt động GDGTS cho học sinh THPT thì mục tiêu về giáo dục GTS phải được đặt ra trong chương trình giáo dục THPT. Theo đó, nội dung GDGTS cho học sinh THPT phải được hoạch định; các hình thức, phương pháp GDGTS cho học sinh phải được xác định cụ thể. Các yếu tố nêu trên phải được mô tả trong văn bản chương trình giáo dục GTS cho học sinh THPT và trở thành một nội dung của chương trình giáo dục THPT trong hoạt động GDGTS.

1.4.6.3. Các yếu tố thuộc môi trường gia đình và xã hội

Môi trường gia đình và môi trường xã hội có thể tác động theo hướng tích cực hoặc không tích cực đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của học sinh. Do GTS thuộc phạm trù năng lực nên sự trải nghiệm có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình hình thành và phát triển GTS. Gia đình và xã hội chính là môi trường nơi xác lập các tình huống diễn ra sự trải nghiệm của học sinh.

Thực tế cho thấy, ở những nơi có điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển, giao thông thuận lợi, các công trình phúc lợi xã hội đầy đủ các em học sinh giao tiếp tốt hơn, có kỹ năng sống tốt hơn, hoạt động giáo dục cũng thuận lợi hơn. Ở môi trường này, cha mẹ các em cũng có điều kiện để chăm lo cho con em, quan tâm đến nhà trường nhiều hơn ở các vùng khó khăn. Dù ở môi trường nào các nhà trường cũng cần kết hợp các môi trường xã hội, tạo thành mối quan hệ gắn bó mật thiết. Tuy nhiên, ở các nơi có điều kiện khó khăn, nhà trường cần giữ vai trò chủ động trong việc phối kết hợp, nhà trường chủ động xây dựng môi trường văn hoá, là trung tâm văn hoá, là “vàng trán của cộng đồng”, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ gia đình - nhà trường - xã hội cùng hướng tới mục tiêu chung: vì thế hệ trẻ, cho các em được học tập, rèn luyện trong ngôi trường mà mỗi em học sinh có thể phát triển toàn diện, hoàn thiện về nhân cách tốt nhất.

1.4.6.4. Nhận thức của đội ngũ giáo viên, học sinh

Đội ngũ giáo viên là lực lượng chính trong tuyên truyền, quản lý và hướng dẫn học sinh thực hiện các nội dung hoạt động GDGTS nhưng trên thực tế, đa số giáo

viên THPT chỉ tập trung dạy học, chú ý kiểm soát, nâng cao chất lượng bộ môn, vì vậy, cán bộ quản lí phải có biện pháp giúp giáo viên nhận thức đúng đắn, thấu đáo vai trò của hoạt động GDGTS, từ đó mới xác định được nhiệm vụ, trách nhiệm, niềm say mê tham gia, quản lí, hướng dẫn các hoạt động GDGTS.

Học sinh THPT đã có nhận thức khá tốt về vai trò của hoạt động GDGTS, về GTS, tuy nhiên có tổ chức, lôi cuốn được học sinh tham gia hay không lại là bài toán khó. Chỉ khi các em học sinh yêu thích các hoạt động GDGTS, nhà trường có nhiều hoạt động bổ ích, lôi cuốn các em tham gia, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của các em, các em thấy mình được là trung tâm của mỗi chương trình, khi ấy chương trình mới thành công.

Kết luận chương 1

Về mặt lý luận, khi nghiên cứu vấn đề liên quan đến hoạt động GDGTS, chúng ta cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

1. Hoạt động GDGTS là hoạt động của người học, do người học, vì người học, được tổ chức theo mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục THPT. Bản chất của hoạt động này là thông qua tổ chức các loại hình hoạt động, các mối quan hệ nhiều mặt, nhằm giúp người học chuyển hoá một cách tự giác, tích cực tri thức thành niềm tin, kiến thức thành hành động, biến yêu cầu của nhà trường thành chương trình hành động của tập thể lớp và của cá nhân học sinh, biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục, tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm tri thức, thái độ, quan điểm và hành vi ứng xử của mình trong một môi trường an toàn, thân thiện có định hướng giáo dục.

2. Nội dung hoạt động GDGTS được tiến hành theo chủ đề, người tham gia phải tự giác, tích cực, chủ động tích hợp nội dung giáo dục GTS. Kết quả của hoạt động GDGTS được phản ánh thông qua sự trưởng thành của nhân cách học sinh chứ không phải bằng điểm số. Vì vậy, nhà trường và giáo viên phải có quan điểm khách quan, đánh giá chính xác và công bằng; đánh giá kết quả hoạt động của học sinh phải có tiêu chí cụ thể, rõ ràng mới động viên khích lệ người học tham gia hoạt động.

3. Quản lý hoạt động GDGTS là một vấn đề quan trọng hiện nay khi xã hội cần có một nền giáo dục tiến bộ - thân thiện - hiện đại và toàn diện, đáp ứng tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước trong giai đoạn mới.

4. Đề cập đến biện pháp quản lý hoạt động GDGTS là quá trình thiết kế, vận hành đồng bộ các thành tố của hoạt động GD trong một chỉnh thể để thực hiện đồng thời cả mục tiêu của hoạt động giáo dục và GDGTS. Về bản chất, quản lý hoạt động GD GTS là giáo dục GTS thông qua hoạt động giáo dục, là thực hiện tích hợp hoạt động giáo dục nói chung với giáo dục GTS. Là nói đến quá trình tác động có kế hoạch cụ thể, có mục đích rõ ràng, có cách thức phù hợp với điều kiện thực tế và huy động được nguồn lực từ các tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm đạt được mục tiêu giáo dục. Thông qua việc tổ chức tốt các hoạt động GDGTS, nhà trường thúc đẩy nhanh và có hiệu quả cuộc vận động “xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực”, đáp ứng yêu cầu bức thiết hiện nay: nhiệm vụ giáo dục GTS cho học sinh.

Chương 2

THỰC TRẠNG BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN, THÁI BÌNH

2.1. Khái quát về các đặc điểm Kinh tế - Xã hội, khu vực tuyển sinh của trường THPT Chu Văn An, Thái Bình

2.1.1. Vị trí địa lí

Địa bàn tuyển sinh của trường THPT Chu Văn An gồm 13 xã thuộc huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, cách TP Thái Bình 6km. Có trục đường quốc lộ liên huyện đi qua, nối thành phố Thái Bình với huyện Kiến Xương và Tiền Hải . Trường nằm trên địa bàn thị trấn Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình. Vị trí thuận lợi, không cách xa trung tâm Thành phố tạo điều kiện tốt nhất cho việc lĩnh hội tri thức và các hoạt động văn hóa do Tỉnh Thái Bình tổ chức.

2.1.2. Các điều kiện về kinh tế , văn hoá, xã hội

Cùng với sự chuyển mình của đất nước, sau hơn ba mươi năm đổi mới, khu vực dân cư nơi trường tuyển sinh đã có một diện mạo mới, khang trang hơn. Từ một nền kinh tế dựa vào tự nhiên, tự cung, tự cấp là chủ yếu, đến nay, nền kinh tế đã có bước phát triển đồng bộ cả công, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Các ngành dịch vụ như tín dụng, ngân hàng, thương mại, bưu điện phát triển mạnh mẽ và là những ngành chiếm tỉ trọng lớn trong tổng thể nền kinh tế của thành phố.

Cùng với sự phát triển của kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cũng có sự cải thiện đáng kể. Giáo dục- Đào tạo của địa bàn phát triển toàn diện, hoàn chỉnh từ bậc học Mầm non cho đến bậc THPT; 100% các xã, thị trấn đều có trường mầm non; mỗi xã, có 1 trường tiểu học và 1 trường THCS.

Các xã, thị trấn đều có nhà văn hoá, sân vận động, đài phát thanh...

Chiến lược phát triển KT-XH của huyện Kiến Xương trong những năm tới đã được Nghị quyết Đảng bộ Tỉnh, huyện Kiến Xương thông qua là tập trung đẩy mạnh CNH nông nghiệp và phát triển nông thôn, phát triển các ngành chăn nuôi, công

nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng; dịch vụ, tạo tiền đề cần thiết cho bước phát triển cao hơn.

2.1.3. Thực trạng giáo dục của trường THPT Chu Văn An, Thái Bình

2.1.3.1. Vài nét về các trường THPT Chu Văn An, Thái Bình

Trường THPT Chu Văn An nằm phía đông nam thành phố Thái Bình, cách trung tâm thành phố 6 km. Địa bàn tuyển sinh của nhà trường gồm 13 xã lân cận thành phố Thái Bình. Trường có 33 lớp với 1500 học sinh và 80 cán bộ giáo viên.

+ Tháng 10 năm 1972 trường cấp ba Vũ Quý được thành lập, trước đó chỉ là phân hiệu của trường cấp ba Vũ Tiên, Kiến Xương.

+ Tháng 10 năm 2002 kỉ niệm 30 năm ngày thành lập trường, trường được đón nhận Huân chương lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng; đón nhận quyết định của UBND Tỉnh Thái Bình cho phép nhà trường đổi tên là: Trường THPT Chu Văn An.

+ 40 năm cần mẫn với sự nghiệp “trồng người”, đội ngũ cán bộ, giáo viên trường THPT Chu Văn An luôn đoàn kết, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục.

+ 40 năm qua là một chặng đường Trường cấp III Vũ Quý, nay là trường THPT Chu Văn An không ngừng đổi mới. Những cố gắng ấy đã được ghi nhận bằng nhiều phần thưởng cao quý:

- Năm 2010-2011 được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

- Năm 2012 nhân kỉ niệm 40 năm thành lập trường được Chủ tịch nước trao tặng phần thưởng cao quý, Huân chương lao động hạng Nhì.

* Đánh giá về ưu điểm và hạn chế

- Ưu điểm:

+ 100% cán bộ giáo viên đều đạt trình độ chuẩn, có 10 đ/c đạt trình độ trên chuẩn (Thạc sĩ), có 01 đ/c tiến sĩ về khoa học giáo dục, 01 đ/c tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị. Biên chế giáo viên đủ và đúng với chuyên môn. Cán bộ, giáo viên, nhân viên đều có phẩm chất chính trị tốt, nhiệt tình và tâm huyết với công việc, có ý thức xây dựng nhà trường đoàn kết gắn bó, tự giác, kỷ luật cao trong công tác, gương mẫu chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước.

+Trường THPT Chu Văn An có vị trí địa lý tương đối thuận lợi, do không cách xa trung tâm thành phố việc lĩnh hội tri thức và các hoạt động văn hóa do tỉnh Thái Bình, thành phố Thái Bình tương đối thuận lợi. Nhân dân có con em học tại trường có truyền thống cần cù trong lao động sản xuất, tốc độ tăng trưởng kinh tế, xây dựng nông thôn mới được chú trọng, trình độ dân trí trong những năm gần đây được nâng lên đáng kể. Cha mẹ học sinh có điều kiện quan tâm đến việc học tập của con cái, hiếu học trọng thầy.

-Hạn chế:

+Đội ngũ giáo viên trẻ có trình độ chuyên môn tốt, song về kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy còn nhiều hạn chế, trải nghiệm thực tiễn cuộc sống chưa đáp ứng được yêu cầu, nội dung giảng dạy GTS cho học sinh THPT.

+Đa số giáo viên của nhà trường còn có lối sống và cách sống an vị , ngại hoạt động, ngại va chạm, thực hiện tốt nề nếp hành chính song thiếu tính hiệu quả và tính tự giác. Một bộ phận còn nặng đầu óc gia đình ảnh hưởng đến việc tham gia các hoạt động của nhà trường.

+Nhận thức của bộ phận không nhỏ cha mẹ học sinh (CMHS) về vấn đề GDGTS cho con em mình còn hạn chế.

2.1.3.2. *Kết quả xếp loại: hạnh kiểm, học lực năm học 3 năm gần đây:*

Năm học 2012-2013

Năm học 2013-2014

Năm học 2014-2015

- Hạnh kiểm

Năm	Số HS	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2013	1532	1137	74,2	311	20,3	82	4,3	2	1,2	0	0
2014	1470	1124	76,5	282	19,2	62	4,1	2	1,2	0	0
2015	1445	1105	76,5	250	17,3	79	5,5	1	0,7	0	0

- Học lực

Năm	Số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2013	1532	81	5,3	665	43,4	691	45,1	8	5,4	0	0
2014	1470	126	8,6	917	62,4	378	25,7	5	3,1	0	0
2015	1445	223	15,5	824	57,0	374	25,9	2	1,6	0	0

Hoạt động giáo dục của nhà trường từng bước phát triển, chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT hàng năm đạt trên 95%. Trong những năm qua, tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban giảm đáng kể. Hàng năm, có khoảng từ 80 đến 85% học sinh tốt nghiệp THPT thi đỗ vào các trường ĐH, CĐ và THCN.

2.2. Thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình

2.2.1. Thực trạng sự tiếp nhận thông tin liên quan đến GTS của học sinh THPT Chu Văn An

Bảng 2.1: Sự tiếp nhận thông tin liên quan đến GTS của học sinh THPT Chu Văn An

(Tỷ lệ %)

Thông tin	Mức độ tiếp nhận thông tin		
	Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Giá trị sống	70,0	20,0	10,0
Giá trị sống chung: Hòa bình, tự do.	10,0	30,1	59,9
Giá trị về quan hệ: Tôn trọng ; hợp tác; đoàn kết; trách nhiệm.	15,5	40,0	44,5
Giá trị phẩm chất cá nhân :Khoan dung; khiêm tốn; giản dị; trung thực; yêu thương; hạnh phúc.	16,2	24,6	58,2
Những hệ giá trị khác.	75,3	20,2	4,5
Tổng	37,4	27,0	36,38

Có 70% học sinh cho rằng chưa bao giờ nghe thấy khái niệm GTS. Các GTS cụ thể số lượng học sinh tiếp nhận còn quá ít.

Từ kết quả bảng 1 có thể nhận thấy: học sinh THPT ít tiếp cận với thông tin về GTS nói chung, từng GTS cụ thể nói riêng còn hạn chế. Có một số GTS cụ thể, mặc dù học sinh thường xuyên được nghe nhắc đến nhưng các em không hiểu rõ bản chất các giá trị đó là gì.

2.2.2. Nhận thức của giáo viên và học sinh về GTS. sự cần thiết phải GDGTS cho học sinh; đánh giá của giáo viên về thực trạng hoạt động GDGTS của học sinh thông qua hoạt động NGLL

Để xác định được nhận thức giáo viên, học sinh về GTS, thực trạng của hoạt động GDGTS trong nhà trường, tôi đã tiến hành điều tra, xin ý kiến của 60 giáo viên (trong đó có 33 giáo viên chủ nhiệm lớp), 250 học sinh THPT Chu Văn An, Kiến Xương, Thái Bình.

Kết quả khảo sát như sau:

Bảng 2.2: Nhận thức của giáo viên và học sinh về giá trị sống.

TT	Nội dung	Về GTS			
		Giáo viên (60)		Học sinh (250)	
		SL	%	SL	%
1	GTS là những kỹ năng giúp con người thực hiện hoạt động có kết quả.	6	10,0	85	34,0
2	GTS với ý nghĩa thỏa mãn nhu cầu của con người, tồn tại trong môi quan hệ con người. GTS là đặc tính ưu việt, là giá trị bên trong của con người mà họ coi là rất quan trọng, cần thiết, có ý nghĩa, luôn mong đợi. Làm cho hành vi của mình phù hợp với cách ứng xử tích cực, có thể kiểm soát, quản lý có hiệu quả các nhu cầu và những thách thức trong cuộc sống.	33	55,0	32	12,8
3	GTS là khả năng con người có thể tham gia vào tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội.	16	26,6	77	30,8
4	GTS là kỹ năng tối thiểu của con người để tồn tại.	3	5,0	27	10,8
5	GTS là phẩm chất và năng lực của con người sống trong xã hội.	7	11,6	24	9,6

Kết quả bảng 2 cho thấy: Tỷ lệ giáo viên có ý kiến đúng về GTS là 55,0%; số kiến còn lại lựa chọn những nội dung tương tự như GTS nhưng không phải là GTS (định nghĩa chính xác). Với học sinh, tỷ lệ ý kiến đúng chỉ có 12,8%. Như vậy, phần lớn học sinh THPT chưa có nhận thức đúng về GTS. Bảng thống kê 3 dưới đây phản ánh tình hình nhận thức của giáo viên về sự cần thiết phải GDGTS cho học sinh.

Bảng 2.3: Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết của việc giáo dục GTS cho học sinh THPT Chu Văn An

Mức độ	Rất cần	36	60%
	Cần	5	8,3%
	Bình thường	7	11,6%
	Không cần	2	3,3%
	Phân vân	11	18,3%

Cụ thể. Kết quả này phản ánh thực tế của trường THPT Chu Văn An đã triển khai hoạt động giáo dục NGLL theo định hướng GDGTS cho học sinh. Về mức độ cần thiết của GDGTS cho học sinh thông qua giáo dục NGLL: có 11/60 ý kiến vẫn còn phân vân hoặc cho rằng không cần thiết phải GDGTS cho học sinh; có 36/60 khẳng định GDGTS cho học sinh là rất cần thiết. Như vậy, phần lớn giáo viên đều nhận thức được sự cần thiết phải GDGTS cho học sinh THPT Chu Văn An.

+Mức độ thực hiện GDGTS cho học sinh THPT thông qua hoạt động giáo dục NGLL phản ánh thực trạng GDGTS cho học sinh tại trường THPT. Kết quả điều tra về vấn đề này được thể hiện qua số liệu thống kê của bảng 4.

Bảng 2.4: Mức độ thực hiện GDGTS cho học sinh THPT Chu Văn An thông qua hoạt động NGLL

TT	Mức độ	Số lượng N=60	Tỉ lệ %
1	Thường xuyên thực hiện giáo GDGTS cho học sinh trong hoạt động giáo dục NGLL.	14	23%
2	Đã thực hiện GDGTS cho học sinh trong phần lớn hoạt động giáo dục NGLL.	21	35%
3	Thỉnh thoảng có thực hiện GDGTS cho học sinh trong hoạt động giáo dục NGLL.	24	40%
4	Chưa thực hiện GDGTS cho học sinh trong hoạt động giáo dục NGLL.	0	0%

Bảng số liệu cho thấy, nhìn chung giáo viên của trường THPT Chu Văn An có thực hiện GDGTS nhưng vẫn còn ở mức độ thấp. Số lượng giáo viên ít thực hiện chiếm tới 24/60 người, có thực hiện chiếm 21/60 người, thực hiện thường xuyên chiếm tỉ lệ ít nhất là 14/60 người.

Cán bộ quản lý nhà trường và cán bộ quản lý khu vực xã có học sinh học tại trường cũng như giáo viên đều cho rằng cách đánh giá như trên là phù hợp. Nhà trường xác định đầu tư cho hoạt động dạy - học là nhiệm vụ hàng đầu và cũng phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Phần lớn cha mẹ học sinh chỉ muốn con em mình tập trung vào việc học tập để thi tốt nghiệp và thi vào các trường chuyên nghiệp, không mất thời gian vào các hoạt động GDGTS. Hơn nữa, để tổ chức tốt và có kết quả các hoạt động GDGTS cần rất nhiều nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thời gian mà thời gian dành cho hoạt động dạy - học quan trọng hơn, còn kinh phí thì hạn hẹp.

Bảng 2.5: Nhận thức của GV về bản chất của việc giáo dục GTS cho học sinh THPT thông qua hoạt động giáo dục NGLL

Nội dung	Ý kiến	Số lượng N=60	Tỉ lệ %
Bản chất	Giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp là tích hợp giáo dục GTS với hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.	14	24%
	Giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp là lồng ghép giáo dục GTS với hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	44	72%
	Giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp là thực hiện giáo dục GTS khi thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.	2	4%

Bảng số trên cho thấy vẫn còn một bộ phận giáo viên hiểu chưa thật sự đúng về bản chất của giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục NGLL.

Cụ thể: có 2/60 ý kiến giáo viên hiểu giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục NGLL chỉ ở hình thức thể hiện. Phần lớn giáo viên 44/60 ý kiến cho rằng giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục NGLL là lồng ghép giáo dục GTS vào hoạt động giáo dục NGLL. Kết quả này phản ánh thực tế của một số trường THPT đã triển khai giáo dục GTS cho học sinh theo hình thức này. Về mức độ cần thiết của giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục NGLL: có 9/60 ý kiến vẫn còn phân vân hoặc cho rằng không cần thiết phải giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục NGLL; có 36/60 khẳng định giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục NGLL là rất cần thiết. Như vậy, phần lớn giáo viên đều nhận thức được sự cần thiết phải giáo dục GTS cho học sinh THPT.

Bảng 2.6: Quan điểm của giáo viên về mục đích giáo dục GTS cho học sinh THPT thông qua hoạt động giáo dục NGLL

TT	Quan điểm	Số lượng N=60	Tỉ lệ %
1	Để thực hiện mục tiêu của giáo dục GTS và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đồng thời không làm học sinh quá tải.	14	24%
2	Để giảm công sức cho học sinh và giáo viên.	5	8%
3	Để thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện của nhà trường.	5	8%
4	Để học sinh đồng thời rèn luyện được kĩ năng sống và hoàn thành nhiệm vụ học tập nội dung hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.	36	60%

Số liệu bảng 2.6 cho thấy, phần lớn giáo viên vẫn chưa nhận thức đầy đủ về quan điểm sự phạm tích hợp trong giáo dục hiện đại nên không biểu đạt quan điểm về giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp chính là vận dụng quan điểm sự phạm tích hợp giáo dục GTS cho học sinh trong trường THPT, định hướng GTS cho học sinh.

2.2.3. Thực trạng về chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh

Bộ Giáo dục và Đào tạo có qui định về khung chương trình, chủ điểm hoạt động, số tiết dành cho hoạt động GDGTS ... Với ưu thế của hoạt động NGLL, khả năng GDGTS là rất lớn. Nội dung chương trình hoạt động đa dạng, đề cập đến các vấn đề cần thiết giáo dục cho học sinh. Các nội dung: trách nhiệm của thanh niên học sinh trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; về giáo dục truyền thống dân tộc; về tình bạn tình yêu và gia đình; về vấn đề lập nghiệp; về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... các nội dung trên được chuyển tới học sinh qua hình thức hoạt động đa dạng, từ đó các em sẽ có dịp trải nghiệm và thực hành các GTS cụ thể.

Với các hình thức hoạt động đa dạng trong mỗi chủ đề hoạt động, nhà trường tùy theo khả năng tổ chức sẽ định hướng các GTS cần giáo dục cho học sinh. Song để có cái nhìn tổng quát về thực trạng hoạt động này tôi có bảng khảo sát ở đối tượng là Cán bộ quản lý và Giáo viên, kết quả thu được như sau.

Bảng 2.7: Chất lượng tổ chức hoạt động

STT	Nội dung và hình thức hoạt động	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Kém (%)
1	Nội dung và hình thức sinh hoạt dưới cờ	60,5	30,4	9,1	0,0	0,0
2	Nội dung và hình thức sinh hoạt cuối tuần của GVCN	30,2	32,0	35,1	1,2	1,5
3	Tập luyện và hội diễn văn nghệ	36,4	57,1	4,0	2,5	0
4	Tập luyện và thi đấu thể dục thể thao	37,6	51,2	8,5	4,7	0
5	Các hình thức sinh hoạt CLB (CLB thơ; CLB bóng đá; CLB toán học tuổi trẻ...), các buổi ngoại khoá (Văn; toán; sức khỏe sinh sản vị thành niên...).	22,7	17,3	56,2	1,6	2,2
6	Các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện...	43,6	46,2	8,4	1,8	0
7	Tổ chức các hoạt động theo chuyên đề; Các hoạt động về nguồn (Diễn đàn Thanh niên với Đảng, Đảng với thanh niên; Tiếp lửa truyền thống...) Nghe nói chuyện thời sự; kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh...	22,4	31,6	15,3	26,4	4,3
8	Tuyên truyền về các vấn đề dư luận xã hội, học sinh đang quan tâm (Vấn đề an toàn giao thông, ma túy, môi trường...)	17,2	21,3	41,5	15,9	4,1
9	Hoạt động GDGTS gắn với tiết học văn hóa.	14,6	19,8	28,2	29,8	7,6

Có thể thấy, hoạt động GDGTS được chia theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, tích hợp trong các giờ học ...

Thực tế, giờ sinh hoạt lớp đã được cải thiện, đã là sân chơi bổ ích cho các em, nhưng nội dung và hình thức sinh hoạt lớp được đánh giá tốt, khá chiếm 62,2 %, vẫn có giáo viên chủ nhiệm chỉ nhận xét cuối tuần, tuyên dương, khen thưởng, kiểm điểm...chưa đổi mới hình thức sinh hoạt lớp, chưa tổ chức các hoạt động cho các em, chưa chú trọng đến GDGTS, tính định hướng trong các hoạt động chưa cao.

Việc tổ chức các hoạt động giáo dục NGLL theo định hướng GDGTS cho học sinh chưa được đánh giá tốt. Có 14,6 % đánh giá đã tổ chức các hoạt động giáo dục NGLL theo định hướng GDGTS tốt, 19,8% khá. Tỷ lệ đánh giá nội dung và hình thức hoạt động giáo dục NGLL theo định hướng GDGTS chưa tốt, yếu là 29,8 %, kém 7,6%.

Như vậy: Điều cốt lõi của vấn đề ở đây là vai trò của Hiệu trưởng trong việc thành lập và chỉ đạo để ban chỉ đạo hoạt động GDGTS hoạt động tốt hơn. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên cũng cần có tinh thần trách nhiệm với công tác, nhiệt tình, chủ động tham gia tổ chức các hoạt động GDGTS cho học sinh.

2.3. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình

2.3.1. Thực trạng biện pháp quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch hoạt động GDGTS ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình

Thực trạng biện pháp quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch của Hiệu trưởng.

+Triển khai, quán triệt đến các cán bộ, giáo viên đặc điểm tình hình, nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, chỉ rõ mặt mạnh, yếu của nhà trường và hướng khắc phục trong năm học tới, kiện toàn ban chỉ đạo.

+Thống nhất trong ban chỉ đạo về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên, cán bộ giáo viên, đảm bảo tính khoa học và sư phạm

+Thống nhất với tổ chủ nhiệm, tổ chuyên môn về mẫu kế hoạch và xây dựng kế hoạch chi tiết.

+Duyệt kế hoạch với tổ chủ nhiệm tổ trưởng chuyên môn vào tuần 1,2 của tháng 8.

+Chỉ đạo thực hiện kế hoạch bắt đầu từ tuần 3 tháng 8 đến hết năm học, đồng thời thường xuyên theo dõi, rút kinh nghiệm và tổng kết.

Xây dựng kế hoạch là một chức năng quan trọng hàng đầu của quản lý, là kết quả của quá trình tư duy, là cơ sở của việc thực hiện các chức năng khác, là cách tiếp cận mục tiêu đã định ra từ trước, thể hiện sự hoạt động có trình độ tổ chức cao. Vì vậy, Hiệu trưởng cần chú ý hơn nữa việc chỉ đạo tổ chức nhiệm vụ, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết về nhiệm vụ, rõ ràng về chỉ tiêu, để thực hiện ở biện pháp nhằm đạt hiệu quả cao trong tổ chức hoạt động.

2.3.2. Thực trạng về mức độ quản lý hoạt động GDGTS của cán bộ quản lý và giáo viên

Bảng 2.8: Mức độ quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh

Mức độ	Tốt (%)		Khá (%)		TB (%)		Yếu (%)	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
	5,6	5,8	46,2	44,8	32,6	34,2	11,6	15,2

Thực tế cho thấy, mọi hoạt động dù qui mô nhỏ hay lớn đều không thể thiếu người lãnh đạo. Hoạt động GDGTS cũng vậy. Hoạt động của Ban chỉ đạo có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng quản lý hoạt động GDGTS nói riêng và chất lượng giáo dục toàn diện trong các nhà trường nói chung. Bảng khảo sát ta thấy thực trạng hoạt động của ban chỉ đạo hoạt động GDGTS ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình.

Một thực tế mà tôi ghi nhận được là Nhà trường chỉ tập trung vào việc dạy và học, hoạt động của ban chỉ đạo thường chỉ dừng lại ở việc xây dựng kế hoạch theo yêu cầu của Hiệu trưởng, thậm chí còn phó thác cho Đoàn trường thực hiện.

Qua trưng cầu ý kiến giáo viên chúng tôi nhận thấy:

Nhìn chung, ý kiến của đội ngũ giáo viên cơ bản đồng nhất với ý kiến của CBQL. Điều này cho thấy tính khách quan trong công tác tự đánh giá của cán bộ quản lý ở đây khá trung thực.

Như vậy: Điều cốt lõi của vấn đề ở đây là vai trò của Hiệu trưởng trong việc thành lập và chỉ đạo để ban chỉ đạo hoạt động GDGTS hoạt động tốt hơn. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên cũng cần có tinh thần trách nhiệm với công tác, nhiệt tình, chủ động tham gia tổ chức các hoạt động GDGTS cho học sinh.

2.3.3. Thực trạng về biện pháp quản lý tuyên truyền, giáo dục về hoạt động GDGTS giữa cán bộ quản lý với đội ngũ giáo viên, giáo viên với.

Bảng 2.9: Thực trạng biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh

Mức độ	Tốt %		Khá %		TB%		Yếu %	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
	12,4	10,3	18,7	19,1	53,6	42,4	15,3	18,2

Qua bảng số liệu khảo sát cho thấy việc tổ chức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho giáo viên về hoạt động GDGTS chỉ dừng lại ở mức trung bình (chiếm hơn 50%). Cán bộ quản lý nhà trường chưa quan tâm đúng mức đến nhiệm vụ này. Mặc dù hàng năm Sở GD&ĐT đã tổ chức tập huấn cho giáo viên cốt cán các trường nhưng khi về đến cơ sở, nhà trường chưa tổ chức triển khai hoặc có tổ chức cũng mang tính chiếu lệ, không hiệu quả. Vì thế có tình trạng nhiều giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn coi hoạt động GDGTS chỉ là một hoạt động vui chơi giải trí, chưa coi đây là nhiệm vụ bắt buộc, chưa tìm cách lôi cuốn học sinh lớp mình tham gia các hoạt động mà các em yêu thích, kìm hãm sự phát triển năng khiếu bẩm sinh và quyền được vui chơi của lứa tuổi học trò, sử dụng phương pháp giáo dục bảo thủ là truyền đạt một phía, không phát huy được tính sáng tạo của học sinh thông qua các hoạt động.

Sự tương đồng trong cách đánh giá của CBQL và giáo viên về biện pháp tuyên truyền, giáo dục cho giáo viên về hoạt động giáo dục GTS chứng tỏ ý kiến đánh giá là khách quan và đáng tin cậy.

Từ thực tế này, hiệu trưởng nhà trường cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền hơn nữa cho đội ngũ giáo viên (nhất là GV CN) để họ có được nhận thức đúng đắn về hoạt động GDGTS, có định hướng rõ ràng về những GTS cần giáo dục cho học sinh. Cán bộ giáo viên có thái độ tích cực hơn khi tham gia chỉ đạo và tổ chức các hoạt động GDGTS, định hướng GTS cho học sinh.

Mức độ tuyên truyền của Hiệu trưởng và cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm đối với phụ huynh học sinh về hoạt động GDGTS.

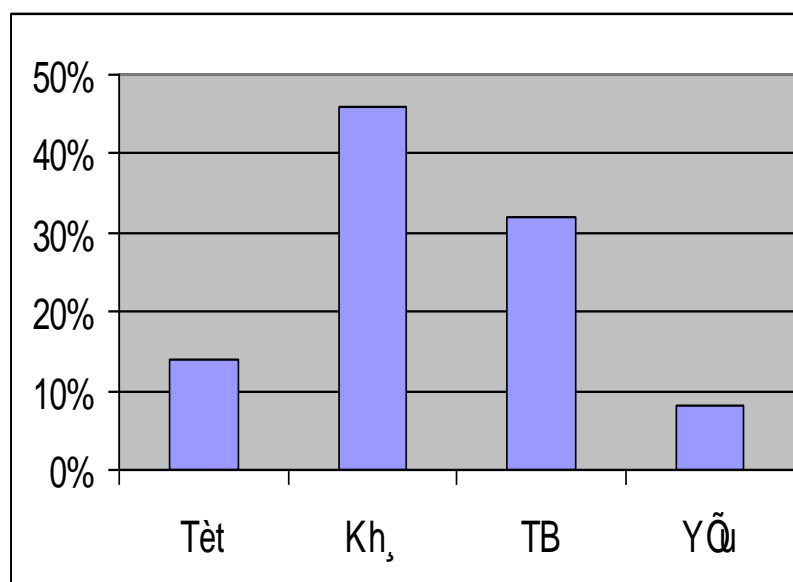
Bảng 2.10: Thực trạng tuyên truyền của của cán bộ quản lý về hoạt động giáo dục GTS cho học sinh với Cha mẹ học sinh

Mức độ	Tốt %		Khá %		TB%		Yếu %	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
	4,1	4,5	19,3	19,1	62,4,5	60,7	14,1	15,7

Sự tuyên truyền của CBQL đến CMHS về hoạt động GDGT ở mức trung bình và yếu chiếm hơn 80%. Điều này chứng tỏ, CBQL nhà trường chưa đánh giá đúng sự tác động to lớn của CMHS đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục GTS trong và ngoài nhà trường. Chính vì vậy, nhà trường cần làm tốt biện pháp tuyên truyền đến phụ huynh học sinh làm cho họ thấy rõ ý nghĩa to lớn của hoạt động GDGTS đối với sự hoàn thiện nhân cách cho con em mình, từ đó kêu gọi sự hỗ trợ của phụ huynh cho công tác tổ chức các hoạt động GDGTS bổ ích cho học sinh.

2.3.4. Thực trạng về mức độ quản lý đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động GDGTS

Cơ sở vật chất là điều kiện quan trọng để đảm bảo chất lượng giáo dục trong nhà trường trong đó có hoạt động giáo dục GTS. Nhận thức sâu sắc điều đó, trong những năm gần đây, hiệu trưởng nhà trường đã coi trọng việc đầu tư cơ sở vật chất lên hàng đầu trong công tác quản lý. Qua khảo sát chúng tôi có biểu đồ số liệu sau:



Biểu đồ 2.1. Thực trạng về mức độ quản lý đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động GDGTS

Còn hơn 40 % giáo viên cho rằng, nhà trường chỉ dừng ở mức trung bình và yếu về việc đầu tư CSVC cho Hoạt động GDGTS. Nguyên nhân cơ bản ở đây là do nhà trường này đóng trên địa bàn đời sống dân cư còn khó khăn. Cơ sở vật chất cho hoạt động GDGTS còn nghèo nàn.

2.3.5. Thực trạng sự quản lý sự phối hợp, hỗ trợ của nhà trường với Đoàn Thanh niên trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống

Đoàn thanh niên là một bộ phận tất yếu của hệ thống chính trị, là đội tham mưu và tác nghiệp chủ công về công tác thanh niên trong mỗi nhà trường. Với tính năng động, xung kích và sáng tạo, Đoàn luôn khẳng định vai trò tiên phong trong mọi lĩnh vực hoạt động của nhà trường, trong đó có nhiệm vụ phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục GDGTS cho Đoàn viên thanh niên. Qua khảo sát tôi đã thu được kết quả về sự phối kết hợp giữa nhà trường và Đoàn Thanh niên trong việc tổ chức các hoạt động GDGTS ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình:

Bảng 2.11: Thực trạng về sự quản lý sự phối hợp việc tổ chức các hoạt động giáo dục GTS cho học sinh

Mức độ	Tốt %		Khá %		TB%		Yếu %	
	CBQL	Cán bộ Đoàn	CBQL	Cán bộ Đoàn	CBQL	Cán bộ Đoàn	CBQL	Cán bộ Đoàn
	72,3	64,7	25,4	20,1	3,3	5,2	0	0

Từ bảng số liệu khảo sát chúng ta dễ dàng nhận thấy: Biện pháp hỗ trợ Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động GDGTS trong nhà trường là biện pháp được áp dụng tốt nhất trong các biện pháp mà nhà trường đã áp dụng trong việc quản lý hoạt động giáo dục này. Kết quả đánh giá cũng cho thấy sự phù hợp giữa tự đánh giá của CBQL và cán bộ Đoàn hết sức khách quan và trung thực.

2.3.6. Thực trạng biện pháp quản lý chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống

Giáo viên ngoài nhiệm vụ giảng dạy còn đảm nhiệm những nhiệm vụ khác mà Hiệu trưởng nhà trường giao phó, trong đó có công tác Chủ nhiệm lớp. Biện pháp quản lý GVCN trong việc tổ chức các hoạt động GDGTS là một trong những biện pháp được sử dụng trong các nhà trường để nâng cao chất lượng hoạt động. Thực tế biện pháp này đã được thực hiện như thế nào, tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả sau:

Bảng 2.12: Thực trạng quản lý chỉ đạo của giáo viên chủ nhiệm với hoạt động GDGTS

Mức độ	Tốt %		Khá %		TB%		Yếu %	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
	23,5	21,5	59,2	54,9	13,1	18,3	4,2	5,3

Thực tế, biện pháp chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm trong công tác tổ chức các hoạt động GDGTS còn thấp. Phần lớn các ý kiến đánh giá mức độ thực hiện ở mức trung bình và khá. Nhà trường đã thực hiện biện pháp chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm về việc tổ chức quản lý hoạt động giáo GDGTS cho học sinh nhưng chủ yếu dừng lại ở các hoạt động duy trì nền nếp, kỷ luật, thực hiện nội qui nhà trường; nhắc nhở học sinh trong việc học tập và rèn luyện. Nội dung hoạt động sơ sài và gây nhàm chán ở học sinh.

Nguyên nhân cơ bản là nhà trường và bản thân giáo viên chủ nhiệm chưa có biện pháp đổi mới nội dung hoạt động GDGTS, các tổ chuyên môn chưa có sự phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trong việc tổ chức các hoạt động GDGTS để khắc sâu kiến thức cho học sinh thông qua các buổi ngoại khoá, các buổi sinh hoạt chuyên đề...

Để khắc phục hạn chế trên, nhà trường cần có sự điều chỉnh kịp thời nội dung sinh hoạt cuối tuần của giáo viên chủ nhiệm, làm phong phú hơn nội dung và đa dạng về hình thức tổ chức để thu hút học sinh đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động.

2.3.7. Thực trạng biện pháp tuyên truyền đến hội cha mẹ học sinh về hoạt động giáo dục giá trị sống

Bảng 2.13: Mức độ tuyên truyền đến CMHS về hoạt động GDGTS cho học sinh

Mức độ	Tốt %		Khá %		TB%		Yếu %	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
	5,6	6,1	22,3	21,7	50,3	47,7	21,8	26,5

Mức độ đánh giá về biện pháp tuyên truyền đến Hội cha mẹ học sinh về hoạt động GDGTS của nhà trường còn hạn chế. Mức độ đánh giá trung bình trở lên hơn 75%, còn lại đánh giá là yếu. Có thể nói trên thực tế, nhà trường chưa thấy hết được vai trò, sự ảnh hưởng to lớn của Hội cha mẹ học sinh tới việc tổ chức các hoạt động giáo dục GTS, từ đó chưa làm tốt công tác tuyên truyền tới cha mẹ học sinh.

Số liệu này phản ánh đúng thực tế là cha mẹ học sinh bước đầu đã có điều kiện để quan tâm đến việc học tập của con em. Hầu hết các cha mẹ học sinh thường xuyên liên hệ với thầy cô giáo để nắm bắt những thông tin về con em mình trong việc học tập và hoạt động ở trường, từ đó tạo nên sợi dây nối kết giữa cha mẹ học sinh và thầy cô, giữa gia đình - nhà trường và xã hội. Đây chính là nguyên nhân, là động lực để nhà trường tổ chức tốt các hoạt động GDGTS cho học sinh.

Các ý kiến đánh giá về mức độ tuyên truyền của nhà trường đến Hội cha mẹ học sinh về hoạt động GDGTS giữa CBQL và giáo viên không có sự chênh lệch đáng kể, điều đó chứng tỏ các số liệu đánh giá hoàn toàn khách quan và đáng tin cậy.

Điều đáng lưu ý nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến công tác tuyên truyền cho hội cha mẹ học sinh hiểu về vai trò của hoạt động GDGTS, từ đó tận dụng triệt để sự ủng hộ cả về tinh thần lẫn vật chất cho công tác tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

2.3.8. Thực trạng biện pháp quản lý hoạt động GDGTS của GVCN lớp

Khi hỏi về các biện pháp tổ chức hoạt động GDGTS của giáo viên chủ nhiệm, tôi nhận được ý kiến. Cụ thể:

**Bảng 2.14: Công tác quản lý của giáo viên chủ nhiệm
về tổ chức hoạt động GDGTS**

STT	Biện pháp	Tốt %	Khá %	TB %	Yếu %
1	Nắm vững tình hình lớp	30,2	51,4	17,8	0,6
2	Xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch chủ nhiệm	20,8	55,3	12,7	11,2
3	Tổ chức các hoạt động tự quản cho học sinh	14,8	33,9	42,1	9,2
4	Tổ chức các hoạt động tập thể	5,4	39,7	52,4	2,5
5	Tổ chức các phong trào thi đua trong lớp	26,4	54,6	16,8	2,2
6	Lựa chọn các hạt nhân cho các hoạt động tập thể trong lớp	21,6	45,7	25,8	6,9
7	Phối hợp với hội cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động GDGTS cho lớp mình phụ trách	2,4	15,6	34,4	47,6
8	Phối hợp với Đoàn trường, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động GDGTS cho học sinh	23,1	56,8	13,1	7,0
9	Tổ chức tiết sinh hoạt cuối tuần phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức	14,6	19,4	58,6	7,4
10	Có kế hoạch sơ kết, đánh giá sau mỗi hoạt động và các đợt thi đua.	25,3	54,2	18,4	2,1

Qua bảng số liệu khảo sát cho thấy, mức độ thực hiện các biện pháp tổ chức hoạt động GDGTS của giáo viên chủ nhiệm không cao, các ý kiến tập trung chủ yếu ở mức độ trung bình và khá. Có ba trong số các biện pháp đưa ra được đánh giá trên 80% khá tốt là: Nắm vững tình hình lớp; Phối hợp với Đoàn thanh niên và giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động GDGTS và biện pháp sơ kết, đánh giá sau mỗi hoạt động và các đợt thi đua. Các biện pháp tổ chức tiết sinh hoạt cuối tuần; biện pháp phối hợp với hội cha mẹ học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể là những biện pháp được đánh giá thấp, mức độ trung bình và yếu ở tỉ lệ cao.

Qua đó cho thấy giáo viên chủ nhiệm chưa tìm ra nội dung và hình thức tổ chức hoạt động sao cho phù hợp; chưa sử dụng có hiệu quả tiết sinh hoạt cuối tuần cho hoạt động giáo dục GTS; chưa tận dụng và khai thác tiềm năng của hội cha mẹ học sinh

Như vậy, qua khảo sát chúng tôi thấy rằng, sự tự đánh giá của đội ngũ giáo viên về việc thực hiện các biện pháp tổ chức hoạt động GDGTS của GVCN là đáng tin cậy.

2.3.9. Thực trạng vai trò của Đoàn thanh niên trong nhà trường với việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống

Như tôi đã đề cập tới, đặc trưng của hoạt động Đoàn trong nhà trường là tập hợp đông đảo Đoàn viên thanh niên, thông qua các hoạt động để giáo dục lí tưởng sống tốt đẹp cho họ. Chính vì vậy, tổ chức đoàn giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động GDGTS của nhà trường. Qua khảo sát về vai trò của tổ chức đoàn trong nhà trường với việc tổ chức các hoạt động GDGTS, chúng tôi có bảng số liệu sau:

Bảng 2.15: Vai trò quản lý hoạt động GDGTS của Đoàn thanh niên

STT	Biện pháp	Tốt %	Khá %	TB %	Yếu %
1	Lựa chọn Bí thư đoàn trường	31,2	42,3	26,5	0
2	Lập kế hoạch công tác Đoàn gắn với kế hoạch hoạt động của nhà trường	37,5	39,7	22,8	0
3	Bồi dưỡng năng lực, kỹ năng tổ chức các hoạt động GDGTS cho cán bộ các chi đoàn	16,2	26,4	20,4	37,0
4	Tổ chức các hoạt động tập thể	22,4	60,7	16,9	0
5	Chủ động tổ chức các phong trào thi đua trong nhà trường	34,7	52,1	11,5	1,7
6	Lôi cuốn và thu hút sự tham gia của đông đảo Đoàn viên thanh niên trong nhà trường	19,6	43,2	34,8	2,4
7	Phối hợp với BGH, GVCN, GV bộ môn tổ chức hoạt động GDGTS. Giữ vai trò nòng cốt trong mọi hoạt động của nhà trường	36,4	49,7	12,1	1,8
8	Nhà trường tạo điều kiện cho Đoàn tổ chức các hoạt động cho đoàn viên thanh niên	45,7	50,3	4,0	0
9	Tính hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động GDGTS cho đoàn viên thanh niên.	25,3	43,5	28,7	2,5
10	Có kế hoạch, tổng kết đánh giá thi đua sau mỗi hoạt động , triển khai hoạt động mới	35,2	42,6	22,2	0

Nhìn chung, vai trò của tổ chức Đoàn thanh niên trong công tác tổ chức các hoạt động giáo dục GTS cho học sinh được nhà trường đánh giá rất cao. Từ khâu lựa chọn Bí thư đoàn trường thông qua kiện toàn hàng năm cho đến lập kế hoạch hoạt động ; kế hoạch đánh giá thi đua giữa các chi đoàn đều đạt tỉ lệ đánh giá cao hơn 75% khá tốt. Thấy rõ vai trò của Đoàn trong việc tổ chức các hoạt động GDGTS cho học sinh, nhà trường quan tâm đúng mức đến công tác đoàn. Mức độ đánh giá cho công tác này lên đến 96% khá tốt.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận trên, trong các nội dung thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đoàn vẫn còn những hạn chế. Cụ thể là đánh giá các hoạt động ở mức độ tốt cao nhất chỉ có 25,3% (tính hiệu quả công việc được giao) và 16,2% tốt cho công tác bồi dưỡng kỹ năng công tác đoàn cho đoàn viên thanh niên, đặc biệt còn đến 37% đánh giá yếu. Tính hiệu quả và biện pháp lôi cuốn đông đảo đoàn viên tham gia hoạt động còn 2,5% mức độ yếu.

Tổ chức Đoàn trong nhà trường vẫn chưa thực hiện tốt nhiệm vụ, chưa xây dựng cho tổ chức mình một chương trình hoạt động với những nội dung phong phú, hình thức hoạt động đa dạng để thu hút sự tham gia của đông đảo đoàn viên thanh niên; chưa làm tốt công tác bồi dưỡng cho cán bộ đoàn cấp chi đoàn. Thực tế chứng minh rằng, vai trò của người lãnh đạo, khởi xướng hoạt động vô cùng quan trọng, đó phải là người chủ động trong công việc, có khả năng tìm tòi sáng tạo và ham thích các hoạt động của tuổi trẻ. Người cán bộ Đoàn giống như đầu tàu, đầu tàu tốt sẽ đưa đoàn tàu tiến nhanh về đích và ngược lại. Như vậy, khâu lựa chọn Bí thư đoàn trường và các vị trí chủ chốt của đoàn rất quan trọng, nó có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng tổ chức các hoạt động GDGTS của nhà trường. Song trên thực tế nhà trường vẫn chưa thực hiện tốt nội dung này, mức độ đánh giá tốt chỉ chiếm 31,2%. Đây là vấn đề nhà trường cần lưu tâm.

2.4. Thực trạng biện pháp kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng đến công tác tổ chức các hoạt động GDGTS

Bảng 2.16: Thực trạng công tác kiểm tra đánh giá hoạt động GDGTS

Mức độ	Tốt %		Khá %		TB%		Yếu %	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
	17,6	14,5	47,3	46,8	35,1	38,4	0	0,7

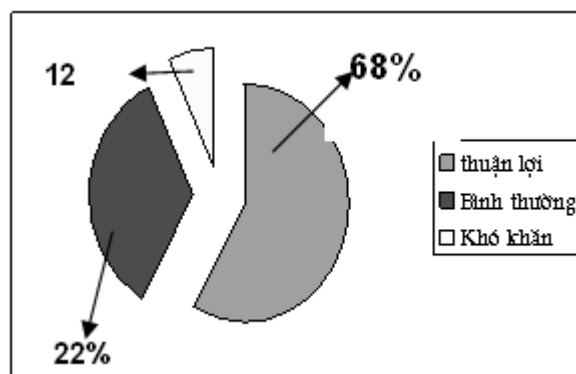
Ý kiến của CBQL và giáo viên ở đều đánh giá ở mức độ thấp biện pháp kiểm tra đánh giá của nhà trường mà đứng đầu là Hiệu trưởng đối với việc tổ chức hoạt động GDGTS: Mức độ trung bình và yếu ở ý kiến của CBQL dao động từ 35% đến 50%; yếu là 7,3%; ý kiến của giáo viên đánh giá ở mức trung bình là hơn 70%, còn có ý kiến cho rằng công tác kiểm tra đánh giá chưa tốt.

Người viết luận văn trao đổi với giáo viên và học sinh và nhận được thông tin: Công tác kiểm tra, đánh giá là một hoạt động thường xuyên được thực hiện trong nhà trường nhưng đối với hoạt động GDGTS thì ngược lại, việc kiểm tra đánh giá chủ yếu thông qua theo dõi các hoạt động nề nếp để xếp loại thi đua giữa các lớp chứ chưa quan tâm thực sự đến chất lượng hoạt động GDGTS. Có lớp còn chưa thực hiện công tác này đối với hoạt động GDGTS, chưa xem xét các hoạt động đã tích hợp, đã giáo dục GTS cho học sinh đạt hiệu quả hay chưa. Vì thế, hoạt động GDGTS ở trường hầu hết đều mang tính thụ động, dập khuôn, lặp lại, không có sự sáng tạo mới mẻ, không thu hút sự quan tâm, hứng thú ở học sinh khi tham gia, từ đó hiệu quả hoạt động không cao.

Nhà trường cũng chưa có chuẩn đánh giá giáo viên cũng như những động viên kịp thời đối với giáo viên trong việc tham gia tổ chức hoạt động GDGTS cho học sinh, vì thế không khích lệ giáo viên suy nghĩ tìm ra nội dung và hình thức hoạt động mới, thu hút đông đảo học sinh tham gia

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường THPT Chu Văn An, Thái Bình

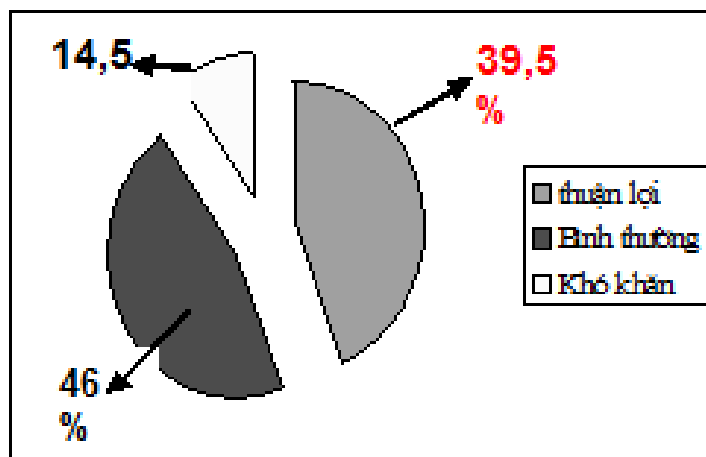
2.5.1. Nhận thức của cha mẹ học sinh và đội ngũ giáo viên, học sinh, về quản lý hoạt động GDGTS



Biểu đồ 2.2. Nhận thức của cha mẹ học sinh và đội ngũ giáo viên, học sinh, về quản lý hoạt động GDGTS

Biểu đồ số liệu trên cho thấy: Nhận thức của cha mẹ học sinh và giáo viên là khá thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động GDGTS cho học sinh.

2.5.2. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính đến công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống

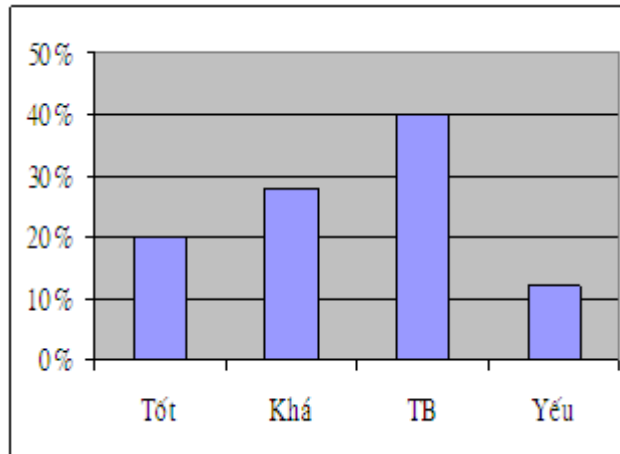


Biểu đồ 2.3. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính đến công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống

Kết luận: Qua khảo sát cho thấy yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính là một trong những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý hoạt động GDGTS ở trường THPT nói chung và THPT Chu Văn An, Tỉnh Thái Bình nói riêng. Khi đời sống kinh tế của nhân dân cao hơn, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dành cho giáo dục được đầu tư thường xuyên. Từ đó, điều kiện dạy và học nói chung, quản lý và tổ chức các hoạt động GDGTS trong nhà trường nói riêng thuận lợi (39,5%), mức độ khó khăn (14,5%)

2.5.3. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố năng lực tổ chức hoạt động GDGTS của giáo viên THPT Chu Văn An

Một trong những nguyên tắc của hoạt động GDGTS là tính tự nguyện tự giác và tự quản của học sinh. Tuy nhiên, để định hướng cho hoạt động có kết quả, đáp ứng được mục tiêu của giáo dục đề ra không thể thiếu vai trò tổ chức chỉ đạo của người giáo viên phụ trách lớp. Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của yếu tố năng lực tổ chức của giáo viên đối với quản lý hoạt động GDGTS, tôi đã tiến hành lấy ý kiến và có biểu đồ khảo sát sau.

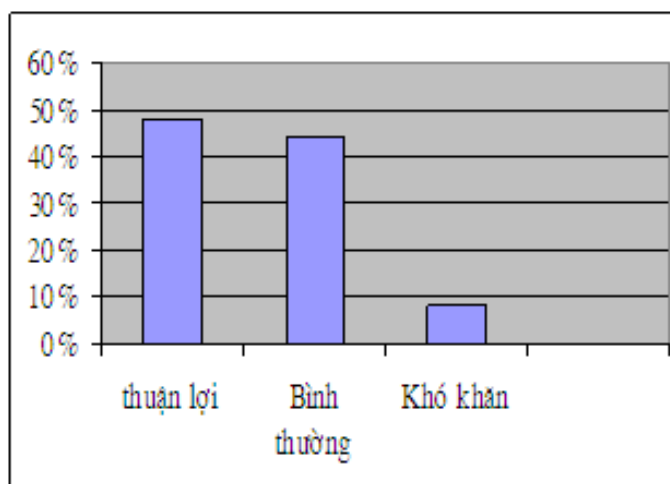


Biểu đồ 2.4. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố năng lực tổ chức hoạt động GDGTS của giáo viên THPT Chu Văn An

Từ kết quả khảo sát tôi thấy năng lực tổ chức của giáo viên có tác động không nhỏ đến công tác quản lí các hoạt động GDGTS .

Tìm hiểu nguyên nhân chúng tôi được lời giải đáp: phần lớn giáo viên chỉ chú trọng chuyên tâm vào đầu tư chuyên môn, chất lượng đầu vào thấp, sức ép về chỉ tiêu, chất lượng học tập khiến giáo viên ít quan tâm đến công tác tổ chức các hoạt động GDGTS, thiếu kinh nghiệm tổ chức. Hơn nữa, yếu tố thời gian cũng là một tác nhân ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tổ chức hoạt động cho học sinh.

2.5.4. Mức độ ảnh hưởng của vị trí địa lý nhà trường đến quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống



Biểu đồ 2.5. Mức độ ảnh hưởng của vị trí địa lý nhà trường đến quản lý hoạt động GDGTS

Một thực tế ghi nhận là khu vực dân cư ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục của nhà trường trong đó có chất lượng quản lí các hoạt động GDGTS. Đời sống kinh tế - chính trị - văn hoá của khu vực dân cư cao sẽ có sự hỗ trợ tích cực cho các hoạt động giáo dục của nhà trường và ngược lại.

2.6. Đánh giá thực trạng: Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng

+ Ưu điểm

Các chủ trương chính sách, của Đảng và nhà nước về phát triển giáo dục, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn Quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ 19 và Nghị quyết Đảng bộ huyện Kiến Xương lần thứ 27 đã đang tác động tích cực đến toàn thể nhân dân. Sự phát triển của nền kinh tế tri thức và mạng lưới thông tin rộng khắp đã tạo cơ hội mới cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

Mặt bằng dân trí ngày càng nâng cao. Kinh tế huyện liên tục tăng trưởng, quốc phòng an ninh được giữ vững, ổn định, văn hoá xã hội đã có nhiều tiến bộ, công cuộc xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tiến hành có hiệu quả; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong huyện liên tục được cải thiện và nâng cao đã trở thành nền tảng vững chắc cho giáo dục và đào tạo phát triển, tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Về qui mô: Giáo dục THPT ổn định.

Cơ bản cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu dạy và học

Chất lượng, hiệu quả giáo dục cấp THPT đang chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Mục tiêu giáo dục được giữ vững. Các địa phương cấp xã đã kết hợp với các trường THPT, có nhiều biện pháp thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Các điều kiện đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục tiếp tục được tăng cường và có nhiều chuyển biến: Tăng cường cơ sở vật chất trường học, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành các bộ môn, bồi dưỡng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ giáo viên khối THPT, tăng cường ngân sách nhà nước và các khoản thu cho giáo dục THPT.

+ Hạn chế

Tuy nhiên, sự phát triển, thay đổi về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội đã tác động không nhỏ đến cuộc sống của con người, đặc biệt là với thanh thiếu niên của các em học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đến học ở trường THPT nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn.

Phần lớn học sinh từ nông thôn, từ các trường xa trung tâm đến trung tâm cụm xã, trung tâm huyện để học tập, các em chưa lường hết được có biết bao vấn đề các em phải đối phó, thích ứng, phải làm quen. Chưa hình dung được các mối quan hệ đa dạng, sinh động, và cả sự phức tạp của cuộc sống xa nhà, cuộc sống ở nơi có giao thông thuận lợi hơn, kinh tế, xã hội phát triển hơn nơi các em đã sống.

Đến trường THPT phần lớn là học sinh các xã, đa số các em nhút nhát, ít giao tiếp, khả năng giao tiếp, kĩ năng sống, khả năng tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp còn hạn chế.

Thiếu hụt GTS đã hạn chế khả năng và mức độ hoàn thành công việc trong nhiều hoạt động và quan hệ của các em. Thực tế đã có một bộ phận học sinh không đối phó được với những thay đổi của cuộc sống khi chuyển cấp học, không đối phó được với những căng thẳng trong học tập, kỉ luật, không có bản lĩnh để vượt qua khó khăn; không vượt qua được những cám dỗ của Internet, tình yêu...nên đã “đứt gánh giữa đường”, bỏ dở dang việc học chữ ở trường THPT. Vì vậy, ngoài việc giảng dạy, cung cấp tri thức, tổ chức các hoạt động GDGTS cho học sinh trường THPT Chu Văn An, Thái Bình đã trở thành yêu cầu bức thiết

Thực tế, nhà trường chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động GDGTS, chưa xác định cụ thể học sinh đang đối mặt với những yêu cầu và thách thức nào của cuộc sống, từ đó xác định học sinh phải đối mặt với những yêu cầu và thách thức nào trong cuộc sống ; chưa quan tâm đầu tư đúng mức (cả về tài chính, thời gian và nhân lực) hoạt động. Mặt khác, đội ngũ giáo viên phần lớn vững về năng lực chuyên môn cũng như kinh nghiệm giảng dạy song chưa được bồi dưỡng kỹ năng tổ chức các hoạt động GDGTS (mà kỹ năng tổ chức đôi khi còn phụ thuộc phần lớn vào năng khiếu bẩm sinh) nên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lí, tổ chức các hoạt động GDGTS trong nhà trường.

+ Nguyên nhân

Qua tìm hiểu và nghiên cứu tôi cho rằng: yếu tố khách quan tác động đến hiệu quả quản lí tổ chức hoạt động GDGTS đó là việc tổ chức các hoạt động giáo dục GTS chưa đạt yêu cầu do cách đánh giá nhà trường, đánh giá giáo viên và đánh giá học sinh, của xã hội chỉ tập trung chủ yếu vào hoạt động dạy và hoạt động học, còn các hoạt động khác thì bị xem nhẹ hoặc lãng quên.

Nhà trường đều xác nhận : chất lượng quản lý hoạt động GDGTS bị ảnh hưởng rất lớn bởi khu vực cư trú, nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

Do đặc điểm địa lí, nhà trường trước khi tổ chức đều có tâm lí lo lắng thời tiết xấu học sinh không đến trường, không thể khắc phục khó khăn để tổ chức được các hoạt động.

Chất lượng các hoạt động GDGTS nhà trường chưa cao, còn đơn điệu về hình thức; chưa tập hợp và lôi cuốn được đông đảo học sinh tham gia; kỹ năng tổ chức các hoạt động chưa tốt ; giáo viên, cha mẹ học sinh chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động GDGTS... cơ sở vật chất đầu tư cho hoạt động này còn ít, vì thế dù biết giáo dục GTS đang là vấn đề ‘nóng’ trong đổi mới giáo dục hiện nay nhưng các nhà trường hầu như ‘lực bất tòng tâm’.

Kết luận chương 2

1.Cùng với sự phát triển của tỉnh Thái Bình, chất lượng cuộc sống nhân dân Huyện Kiến Xương được cải thiện một bước đáng kể. Đời sống xã hội ngày càng ổn định và được nâng cao. Đảng bộ và nhân dân quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cả về tinh thần và vật chất cho giáo dục. Chất lượng giáo dục, sự nghiệp giáo dục góp phần thay đổi con người và diện mạo quê hương Thái Bình anh hùng.

2.Bên cạnh hoạt động Dạy- hoạt động Học, trường THPT Chu Văn An, Thái Bình bước đầu đã, đang quan tâm đến nhiều hoạt động giáo dục khác trong đó có hoạt động GDGTS, nhằm hướng tới chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, đồng thời xây dựng môi trường học đường thực sự thân thiện, đào tạo một thế hệ học sinh tích cực trong học tập và rèn luyện để trở thành người có ích cho cuộc sống.

3.Thực tế, trước yêu cầu cấp bách về việc đưa giáo dục GTS vào học đường, trong đó có giáo dục phổ thông nói chung, THPT nói riêng, thời gian qua trường THPT Chu Văn An, Thái Bình đã tổ chức nhiều hoạt động để tuyên truyền, tìm lời giải đáp để thực hiện nhiệm vụ giáo dục GTS đạt hiệu quả , tuy nhiên, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa xây dựng môn học về giáo dục GTS đưa vào chương trình học tập của học sinh, mà nếu đưa cũng không khả thi vì thực tế chương trình THPT đã trên dưới 29 tiết trên một tuần học. Phương pháp lồng ghép cũng đã được thực hiện với một số

nội dung giáo dục cần cập nhật vào chương trình giáo dục phổ thông như Giáo dục công dân, Ngữ văn...tuy nhiên, do tính chất lồng ghép, việc khai thác giáo dục GTS phụ thuộc vào từng giáo viên, từng tiết học các nhà trường khó khăn trong việc kiểm soát, đánh giá mức độ thực hiện. Qua khảo sát, tìm hiểu, từ thực tế người viết luận văn cho rằng, giáo dục GTS là mục đích của giáo dục, do GTS được hình thành và phát triển thông qua trải nghiệm và gắn liền với các hoạt động sống của học sinh, theo đó, tất cả các môn học, các hoạt động giáo dục trong nhà trường phải hướng đến giáo dục GTS cho học sinh, có như vậy giáo dục GTS cho học sinh mới được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, cả về thời gian, không gian, do cả gia đình- nhà trường và xã hội chung tay góp sức, và nhờ đó mà các mục tiêu giáo dục GTS cho học sinh mới đạt kết quả tốt.

Đó cũng là lí do người viết chọn phương thức quản lý hoạt động GDGTS làm đề tài nghiên cứu, khảo nghiệm.

Chương 3

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG Ở TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN, THÁI BÌNH.

3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc bảo đảm tính kế thừa và phát triển

Các biện pháp cần kế thừa những kết quả đạt được trong giáo dục GTS cũng như quản lý hoạt động này tại trường THPT và phát triển trên ngang tầm của giai đoạn phát triển mới của giáo dục, cũng như để đáp ứng yêu cầu đổi mới của “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam” theo tinh thần nghị quyết T 29 khóa XI.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ

Các biện pháp được đề xuất phải gắn kết với nhau như các yếu tố trong một hệ thống, tạo tiền đề cho nhau, hỗ trợ nhau để đạt mục đích cuối cùng là quản lý hiệu quả hoạt động giáo dục GTS cho học sinh THPT.

3.1.3 Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả và khả thi

Các biện pháp phải tương thích với các nguồn lực hiện có của nhà trường để đảm bảo có thể thực hiện được mà không tốn kém, nhưng vẫn mang lại kết quả tốt đẹp.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính văn hóa

Căn cứ trình độ phát triển kinh tế, xã hội, đặc trưng văn hóa để tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính văn hóa là hết sức cần thiết trong việc đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục GTS.

Dựa trên cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, cơ sở chính trị pháp lý và thực trạng công tác GDGTS cho học sinh THPT Chu Văn An - Kiến Xương - Thái Bình trong những năm qua, để nâng cao hiệu quả GDGTS cho học sinh THPT Chu Văn An cần tập trung thực hiện tốt các nội dung sau đây:

+ Một là, tuyên truyền nâng cao nhận thức của tập thể cán bộ giáo viên, học sinh và CMHS về sự cần thiết của GDGTS trong nhà trường.

+ Hai là, nâng cao vai trò lãnh đạo của ban giám hiệu nhà trường trong việc triển khai tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá hiệu quả công tác GDGTS cho học sinh. Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch, mạnh dạn sáng tạo đổi mới nội dung,

hình thức tổ chức GDGTS cho học sinh. Làm tốt công tác dự báo để đưa ra biện pháp phù hợp nhất trong việc GDGTS.

+ Ba là, đẩy mạnh công tác GDGTS cho học sinh thông qua các hoạt động ngoại khóa như: các hoạt động từ thiện xã hội, tọa đàm nói chuyện, thi tìm hiểu kiến thức văn hóa, pháp luật, tổ chức câu lạc bộ hoạt động dưới cờ theo chủ điểm hàng tuần với nội dung đa dạng và phong phú.

+ Bốn là, phối hợp, thống nhất, đồng bộ giữa các lực lượng có vai trò tham gia công tác GDGTS cho học sinh, giữa giáo dục gia đình - nhà trường - xã hội. Phát huy vai trò xung kích sáng tạo của Đoàn thanh niên vì đây là lực lượng tiên phong trực tiếp tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh.

+ Năm là, tiếp tục nâng cao vai trò của đội ngũ giáo viên bộ môn, GVCN trong việc GDGTS cho học sinh. Chú trọng công tác thanh kiểm tra, công tác thi đua khen thưởng tạo động lực thúc đẩy giáo viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

+ Sáu là, chú trọng bồi dưỡng năng lực, nghiệp vụ cho đội ngũ GVCN, giáo viên làm công tác báo cáo viên. Mua sắm bổ sung xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tốt nhất cho việc GDGTS cho học sinh.

3.2. Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống của trường THPT Chu Văn An, Thái Bình

3.2.1. Biện pháp 1. Xác định các GTS phù hợp với học sinh trung học phổ thông theo chương trình giáo dục tổng thể.

**Mục đích, ý nghĩa của biện pháp*

Biện pháp này nhằm xác định những GTS phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, trình độ học vấn và đặc điểm vùng miền, các tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện các GTS, làm cơ sở tổ chức cho học sinh rèn luyện, tự đánh giá chất lượng cũng như hiệu quả của hoạt động này.

**Nội dung biện pháp.*

+ Xác định nhóm GTS và hành vi học sinh nên và không nên làm.

+ Xây dựng, thiết kế các chủ đề tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh thiết thực và hữu ích, phù hợp với mục tiêu và yêu cầu giáo dục.

Cụ thể :

Bước 1: Xây dựng kế hoạch hoạt động GDGTS khái quát cho cả năm học.

Bước 2. Từ kế hoạch, nội dung các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm soạn thảo chi tiết cả nội dung và phương pháp hình thức tổ chức cho phù hợp.

Các nội dung có thể tích hợp trong các hoạt động giờ lên lớp cũng như NGLL.

Bước 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch GDGTS cho học sinh. Đôn đốc và giám sát hoạt động để có điều chỉnh kịp thời.

Bước 4. Ban chỉ đạo kiểm tra đánh giá hiệu quả của các hoạt động.

Từ kế hoạch này Hiệu trưởng có cái nhìn tổng quát về tình hình quản lí tổ chức hoạt động GDGTS cả năm học. Có kế hoạch điều chỉnh, phân bổ nguồn lực hợp lí.

**Cách thức tiến hành và điều kiện thực hiện biện pháp.*

+ Xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn các chủ đề trong hoạt động GTS phù hợp;

- Chủ đề phải hướng tới một vài GTS đã được xác lập ở trên.

- Phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và trình độ học vấn của học sinh

- Phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục, phù hợp với địa phương.

- Phải khả thi.

+ Xây dựng thiết kế các chủ đề tổ chức hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.

Dưới đây là các giá trị sống được cho là phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và trình độ học vấn của học sinh THPT Chu Van An, Thái Bình.

Bước 1. Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục giá trị sống cho cả năm học.

Giáo dục giá trị sống chung; giáo dục giá trị về quan hệ; giáo dục giá trị về phẩm chất cá nhân.

• Giáo dục giá trị về phẩm chất cá nhân

+ Chủ đề 1: Giáo dục giá trị sống trung thực.

- Mục tiêu:

Về kiến thức, trình bày và phân tích được giá trị trung thực là gì, các biểu hiện của nó. Nêu được những nguyên nhân của thiếu trung thực và những rào cản của trung thực.

Về thái độ, học sinh nhận thức được ý nghĩa và lợi ích của trung thực để củng cố niềm tin vào giá trị sống và thực hành được giá trị trung thực trong cuộc sống.

Về kĩ năng, học sinh biết cách rèn luyện tính trung thực trong cuộc sống.

- Nội dung:

Khám phá về giá trị trung thực; ý nghĩa của giá trị trung thực, nguyên nhân thiếu trung thực; rào cản của trung thực; xây dựng tính trung thực và sự tin cậy; giá trị trung thực trong thực tiễn cuộc sống; tổng kết và đánh giá.

- Gợi ý hình thức hoạt động: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm; học sinh thực hiện phiếu đánh giá bằng cách lựa chọn phương án phù hợp với suy nghĩ của bản thân.

+ Chủ đề 2: Giáo dục giá trị sống tôn trọng, khoan dung.

- Mục tiêu:

Trình bày được về giá trị khoan dung, giá trị tôn trọng của con người; phân tích được điểm chung giữa giá trị khoan dung và tôn trọng; xác định được lòng khoan dung, sự tôn trọng đối với người khác của bản thân; luyện tập được cách thể hiện lòng khoan dung, tôn trọng trong những tình huống cụ thể; tăng cường thể hiện giá trị khoan dung và tôn trọng vào đời sống.

-Nội dung:

Khám phá về khoan dung, tôn trọng; ý nghĩa của khoan dung và tôn trọng; tôn trọng sự đa dạng và khác biệt; nâng cao lòng khoan dung và sự tôn trọng; giá trị khoan dung và tôn trọng trong thực tiễn cuộc sống.

Gợi ý hình thức hoạt động: làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm, viết thu hoạch; nghe nói chuyện.

- Giáo dục về giá trị quan hệ

+ Chủ đề 3: Giáo dục giá trị sống đoàn kết.

- Mục tiêu:

Về kiến thức, học sinh trình bày được thế nào là đoàn kết, các rào cản và cách xây dựng đoàn kết.

Về thái độ, học sinh nhận thức được tầm quan trọng của đoàn kết, từ đó có kiểu suy nghĩ, thái độ cần có để xây dựng tạo nên tình đoàn kết.

Về kĩ năng, học sinh biết làm gì để củng cố tình đoàn kết.

- Nội dung:

Khám phá về giá trị đoàn kết; tìm hiểu về ý nghĩa ích lợi của đoàn kết; nguyên nhân mất đoàn kết những rào cản của đoàn kết; xây dựng củng cố đoàn kết; giá trị đoàn kết trong thực tiễn cuộc sống.

- Gợi ý hình thức hoạt động: làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm, trải nghiệm.

+ Chủ đề 4: Giáo dục giá trị sống trách nhiệm

- Mục tiêu:

Trình bày được thế nào là giá trị trách nhiệm và tự liên hệ, đánh giá giá trị này ở bản thân; phân tích được tầm quan trọng của tính trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với bản thân, người khác, với gia đình, xã hội; trình bày được nguyên nhân thiếu trách nhiệm và các rào cản con người thể hiện trách nhiệm; nêu được cách nâng cao tính trách nhiệm của con người.

- Nội dung:

Khám phá về giá trị trách nhiệm; trách nhiệm của mỗi cá nhân; ý nghĩa của giá trị trách nhiệm; nguyên nhân thiếu trách nhiệm và những trở ngại trong thực hiện bổn phận trách nhiệm; làm thế nào để có và nâng cao giá trị trách nhiệm; thể hiện trách nhiệm trong kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề.

- Gợi ý hình thức hoạt động: làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm.

• Giáo dục về giá trị sống chung.

+ Chủ đề 5: hòa bình và tự do.

• Các chủ đề khác như:

- 5 điều Bác Hồ dạy.

- Giá trị công dân: tuân thủ pháp luật, dân chủ, trung thành với tổ quốc....

- Những giá trị người lao động mới: sáng tạo, kỷ luật....

- Những giá trị mang bản sắc dân tộc Việt Nam: yêu nước, hiếu học, tôn sư trọng đạo....

Bước 2. Từ kế hoạch, nội dung các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm soạn thảo chi tiết cả nội dung và phương pháp hình thức tổ chức cho phù hợp.

Các nội dung có thể tích hợp trong các hoạt động giờ lên lớp cũng như NGLL.

Bước 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch GDGTSS cho học sinh. Đôn đốc và giám sát hoạt động để có điều chỉnh kịp thời.

Bước 4. Ban chỉ đạo kiểm tra đánh giá hiệu quả của các hoạt động.

Từ kế hoạch này Hiệu trưởng có cái nhìn tổng quát về tình hình quản lý tổ chức hoạt động GDGTSS cả năm học. Có kế hoạch điều chỉnh, phân bổ nguồn lực hợp lý.

3.2.2. Biện pháp 2. Nâng cao vai trò của Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục giá trị sống và phân công trách nhiệm cho các tổ chức trong nhà trường

**Mục đích, ý nghĩa của biện pháp.*

Mục đích này có ý nghĩa quyết định tới sự thành công của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch năm học nói chung, trong đó có hoạt động giáo dục GTS cho học sinh. Do vậy từ việc phân công trách nhiệm cho từng bộ phận phải rõ ràng, phù hợp với chức năng nhiệm vụ đặc thù. Các chủ thể phải chủ động công việc, chịu trách nhiệm chính và khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành công việc.

**Nội dung biện pháp.*

+ Đối với lãnh đạo trường THPT Chu Văn An

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch GDGTS cho học sinh có hiệu quả. Trực tiếp chỉ đạo GVCN làm tốt công tác GDGTS cho học sinh. Kết hợp chặt chẽ với Đoàn thanh niên, các lực lượng trong và ngoài nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền vận động để GDGTS cho học sinh.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc, giám sát các hoạt động GDGTS học sinh. Lập dự trù kinh phí cho hoạt động GDGTS phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

- Bảo đảm đủ số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của cán bộ quản lý, giáo viên. Bảo đảm đủ biên chế, tăng cường đào tạo lại để cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng tổ chức hoạt động GDGTS cho học sinh.

+ Đối với giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động GDGTS theo tinh thần và định hướng của ban chỉ đạo. Kế hoạch phải đảm bảo rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình, mang tính khả thi cao nhằm mục đích trang bị cho học sinh các GTS.

- Phối hợp chặt chẽ với CMHS trong việc giáo dục học sinh, tìm hiểu hoàn cảnh của học sinh. Thông qua học sinh tuyên truyền tới CMHS về GTS, từ đó công tác GDGTS được CMHS quan tâm và có biện pháp giúp đỡ học sinh ngay từ trong sinh hoạt đời thường.

- Hàng tuần, tháng đánh giá học sinh khách quan công bằng.

+ Đối với giáo viên bộ môn.

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học, thực hiện tốt việc dạy liên môn và lồng ghép nội dung GDGTS cho học sinh theo sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo nhà trường.

- Tích cực giữ gìn đạo đức nhà giáo, thường xuyên cập nhật các GTS để làm phong phú bài giảng giúp học sinh tích lũy và hiểu được các GTS cốt lõi và từ đó biết chuyển GTS đó thành riêng của từng học sinh.

- Trung thực, đoàn kết, công bằng, tôn trọng, có lòng vị tha và yêu thương học sinh thực sự.

- Tích cực phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, với lực lượng đoàn thanh niên trong công tác giáo dục học sinh.

+ Đối với tổ chức Đoàn thanh niên.

- Xây dựng và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch về việc tuyên truyền các nghị quyết của Đoàn, tổ chức các phong trào thi đua, các hoạt động ngoại khóa cho đoàn viên thanh niên.

- Thành lập các đội cờ đỏ, đội tự quản, ban quản sinh tăng cường công tác quản lý nề nếp, kịp thời ngăn chặn các lệch lạc trong tư tưởng và hành động của đoàn viên thanh niên.

- Xây dựng nội quy, tiêu chí thi đua, hàng tuần tổng hợp đánh giá, phê bình, nêu gương người tốt việc tốt... Báo cáo ban chỉ đạo và hiệu trưởng về việc nhận thức, áp dụng các giá trị sống trong học tập công tác của học sinh.

**Cách thức và điều kiện thực hiện biện pháp.*

+ Ngay từ đầu năm học BGH tổ chức quán triệt nhiệm vụ năm học, giao kế hoạch năm học cho các bộ phận để các bộ phận căn cứ vào đó xác định cho mình các nhiệm vụ cơ bản.

+ Tổ chức cho các bộ phận thực hiện các công việc sau:

- Nghiên cứu nhiệm vụ năm học

- Nghiên cứu bối cảnh dạy học.

- Xác định chức năng nhiệm vụ của từng tổ chức, của mỗi các nhân.

- Tổ chức cho các tổ chuyên môn nghiên cứu bài học, dự kiến các hoạt động được tổ chức trong năm.

+ Yêu cầu các bộ phận xây dựng kế hoạch tổng thể, duyệt kế hoạch đầu năm và kế hoạch dài hạn.

3.2.3. Biện pháp 3. Quản lý kế hoạch hóa hoạt động giáo dục GTS phù hợp với trường THPT Chu Văn An như một bộ phận cấu thành của kế hoạch chung của nhà trường

**Mục đích, ý nghĩa của biện pháp.*

Kế hoạch hóa phải được xây dựng chi tiết cụ thể, chỉ rõ các mục tiêu cần đạt trong từng mốc thời gian cụ thể, các chủ thể chịu trách nhiệm chính, các nguồn lực cần huy động, các khó khăn có thể gặp phải để khắc phục, và được tích hợp vào kế hoạch chung của nhà trường.

**Nội dung biện pháp.*

Trong kế hoạch cần có các nội dung chính sau:

- Mục tiêu chung và cụ thể cần đạt sau năm học, học kỳ, tuần.
- Những nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức thực hiện.
- Các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện.
- Thời điểm tổ chức thực hiện.
- Các tổ chức- các nhân chịu trách nhiệm chính.
- Các lực lượng khác , như CMHS, các tổ chức xã hội cần được huy động.
- Các nguồn lực như: cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính...

Đặc biệt trong kế hoạch cần chỉ rõ vai trò của học sinh như một đồng chủ thể trong quá trình rèn luyện các GTS cho bản thân.

**Cách thức tiến hành và điều kiện thực hiện biện pháp.*

Để xây dựng một kế hoạch tốt, khả thi trong điều kiện của nhà trường, từ Hiệu trưởng, BGH cùng toàn thể giáo viên phải chung sức thực hiện các việc sau:

- + Nghiên cứu bối cảnh địa phương trường đóng, nhằm xác định:
 - Những đặc điểm về trình độ phát triển kinh tế- xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống địa phương.
 - Những đặc điểm về trình độ dân trí của người dân, trong đó có CMHS. Các phong trào, các cuộc vận động của địa phương.

- Những đặc điểm tâm lý, thói quen sở trường, điểm yếu... của học sinh trong trường khi ứng xử giao tiếp, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của các em.

+ Đánh giá lại đội ngũ giáo viên, GVCN, Các tổ chức trong nhà trường, xác định điểm mạnh, điểm yếu trong giáo dục GTS.

+ Đánh giá lại điều kiện cơ sở vật chất và tài chính.

+ Đánh giá lại thành tích dạy học các năm trước liền kề.

+ Nghiên cứu kỹ nhiệm vụ năm học.

Kế hoạch giáo dục GTS cho học sinh có thể bố cục như sau:

* Phần mở đầu.

* Nội dung kế hoạch.

- Những giá trị sống cần rèn luyện.

- Chia các GTS vào các thời điểm phù hợp trong học kỳ và năm học.

- Xác định các hình thức tổ chức..

- Cơ chế phối hợp, huy động lực lượng..

- Cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, thanh tra trong quá trình thực hiện kế hoạch.

3.2.4. Biện pháp 4. Quản lý và tổ chức tốt các nguồn lực thực hiện tốt kế hoạch năm học cũng như kế hoạch giáo dục giá trị sống

**Mục đích ý nghĩa biện pháp.*

Hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh còn khá mới mẻ trong trường THPT, thói quen trong nhà trường chỉ quan tâm nhiều đến việc dạy kiến thức cơ bản. Do vậy việc tập huấn cho GVCN cũng như GVBM trong việc tích hợp dạy chữ với dạy người, kết hợp mục tiêu, nội dung bài học với rèn luyện GTS cho học sinh mang tính quyết định tới thành công của hoạt động.

**Nội dung biện pháp.*

• Với đội ngũ giáo viên bộ môn.

+ Tập huấn kỹ năng dạy học liên môn, kỹ năng tích hợp mục tiêu, nội dung bài dạy với đặc điểm của địa phương,.... kỹ năng tổ chức các hoạt động lồng ghép với rèn luyện giá trị sống.

+ Tập huấn kỹ năng kiểm tra đánh giá.

+ Tập huấn kỹ năng nghiên cứu bài học, phương pháp dạy học mới...

- Với đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, đoàn thanh niên.

- + Tập huấn phương pháp khảo sát, phân loại học sinh làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch.

- + Tập huấn các phương pháp tổ chức.

**Cách thức và điều kiện thực hiện.*

- Quán triệt nhiệm vụ năm học, giao kế hoạch cho các bộ phận để làm căn cứ cho các bộ phận xây dựng kế hoạch.

- Giáo viên nghiên cứu hồ sơ học sinh, hoàn cảnh sống của các em.

- Tổ chức cho giáo viên nghiên cứu nhiệm vụ năm học, nghiên cứu chương trình môn học.

- Dự kiến được các hoạt động trong năm có thể diễn ra trong việc giáo dục GTS cho học sinh

- Đối với giáo viên chủ nhiệm:

Giáo viên chủ nhiệm lớp là người quản lý trực tiếp học sinh của lớp mình. Phải nắm chắc được lý lịch, hoàn cảnh của học sinh, tâm tư nguyện vọng của mỗi học sinh, dự đoán được diễn biến tâm lý của từng em. GVCN còn là cầu nối giữa học sinh với giáo viên bộ môn và CMHS để học sinh giải bày tâm tư nguyện vọng. Như vậy GVCN có vai trò quyết định trong việc GDGTS cho học sinh trong nhà trường, và là hành trang cho học sinh trải nghiệm GTS trong cuộc sống sau này.

Để làm tốt công tác GDGTS cho học sinh ngay từ đầu năm học GVCN phải tìm hiểu nắm được thông tin cơ bản về học sinh như: hoàn cảnh gia đình, điều kiện sống, thành tích hay các thất bại mà học sinh gặp phải.

Trong quá trình GDGTS giáo viên chủ nhiệm đòi hỏi phải nắm chắc đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản của Bộ giáo dục, của Sở giáo dục và đặc biệt là nội quy, quy định của nhà trường. Từ đó GVCN có phương án và hình thức uốn nắn học sinh phù hợp. Giáo viên chủ nhiệm đánh giá học sinh khách quan. Khen thưởng, phê bình, đôn đốc, uốn nắn học sinh kịp thời có hiệu quả giúp các em hướng tới một giá trị sống tốt, biết áp dụng các giá trị cốt lõi thành giá trị riêng của bản thân trong cuộc sống.

- Đối với giáo viên bộ môn:

Giáo viên bộ môn là người trực tiếp giảng dạy các em học sinh hàng ngày trong tuần, thời gian tiếp xúc và làm việc với học sinh nhiều. Vì vậy đòi hỏi giáo viên bộ môn phải trau dồi GTS để thông qua giảng dạy tích hợp các nội dung GDGTS cho học sinh.

Thông qua các bộ môn khoa học tự nhiên giáo viên bộ môn, giáo dục cho các em các GTS trung thực, chính xác, ngắn gọn nhưng đầy đủ, đặc biệt là khả năng dự báo dự đoán, khả năng hoài nghi khoa học.

Thông qua các bộ môn xã hội giáo viên bồi dưỡng cho học sinh các giá trị về chung sống hòa bình, đoàn kết thương yêu, khoan dung và độ lượng, hạnh phúc và bình đẳng... truyền thống dân tộc, quê hương đất nước. Hiểu biết cơ bản về phẩm chất đạo đức, quyền và trách nhiệm của học sinh và công dân, pháp luật và các chuẩn mực về hành vi, đạo đức để từ đó giáo dục GTS cho học sinh. Bằng các kiến thức đó học sinh vận dụng tốt trong cuộc sống thực tiễn.

- Đối với tổ chức đoàn thanh niên trong nhà trường.

Tổ chức đoàn thanh niên trong nhà trường THPT được duy trì nhiều năm trong nhà trường, đây là tổ chức đông về số lượng, mạnh về sức trẻ và lòng nhiệt huyết, mạnh về thu hút lực lượng thanh niên học sinh trong các hoạt động nhất là các hoạt động GDGTS, giáo dục KNS, giáo dục đạo đức. Do vậy trong từng năm học, ban thường vụ đoàn trường phải kiện toàn tổ chức, bám sát nhiệm vụ GDGTS của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động hiệu quả và có tính khả thi cao. Đoàn thanh niên vừa là người tổ chức vừa là người trực tiếp chỉ đạo các hoạt động GDGTS cho học sinh.

Tổ chức tốt các câu lạc bộ, các buổi sinh hoạt chi đoàn, các buổi tập trung đầu tuần, các buổi sinh hoạt cuối tuần, phát động các cuộc thi đua, các cuộc thi tìm hiểu... nhằm thúc đẩy phong trào học tập và trau dồi giá trị sống cho lực lượng thanh niên học sinh. Đồng thời qua các hoạt động trải nghiệm học sinh nắm bắt được các giá trị cốt lõi của GTS để vận dụng trong thực tiễn.

Hàng năm tổ chức cho học sinh thăm hỏi gia đình chính sách, gia đình học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhằm GDGTS chung, hòa bình, giá trị chia sẻ. Tăng

cường giao lưu, kết hợp, bảo vệ môi trường, các hoạt động tập thể nhằm giáo dục giá trị trung thực, khoan dung độ lượng.

Đẩy mạnh công tác tự quản của học sinh trong GDGTS.

Tập thể học sinh có lợi thế về lứa tuổi, là nơi học sinh được bộc lộ mọi vấn đề của bản thân. Vì vậy GVCN cũng như Đoàn thanh niên phải xây dựng được một tập thể lớp đoàn kết và có khả năng tự quản tốt.

Tổ chức tự quản tốt sẽ phát huy được tính tự giác, tính năng động, tính làm chủ bản thân... từ tổ chức tự quản học sinh thấy được GTS như tính trung thực, tính đoàn kết, tính khoan dung độ lượng, sống chung và biết chia sẻ cùng nhau. Đồng thời phát huy được sức mạnh của cá nhân, sức mạnh của tập thể trong việc lĩnh hội GTS cũng như việc trải nghiệm GTS vào trong thực tiễn.

Để phát huy được hoạt động tự quản của học sinh, GVCN, đoàn trường cần phải có kế hoạch quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ lớp, cán bộ đoàn, hướng dẫn các em biết tự giải quyết công việc, biết tổ chức các hoạt động từ đó tạo lập cho các em GTS.

Để hoạt động tự quản có hiệu quả, GVCN, đoàn thanh niên phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá, uốn nắn, đặc biệt phải có phê bình, biểu dương khuyến khích kịp thời và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

3.2.5. Biện pháp 5. Quản lý, tổ chức, thiết lập mối liên hệ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và các tổ chức chính trị- xã hội triển khai hoạt động giáo dục GTS cho học sinh

** Mục đích ý nghĩa của biện pháp.*

Nhà trường có vai trò quyết định trong việc trang bị không chỉ kiến thức văn hóa mà còn cả GTS cốt lõi cho học sinh. Những gì các em học được trong nhà trường không phải chỉ để thực hành trong nhà trường, mà chủ yếu để các em thể hiện mình là người con ngoan, người công dân có ích, trưởng thành, có trách nhiệm với xã hội và đủ năng lực thực hiện trách nhiệm ấy. Việc phối hợp các lực lượng này sẽ tạo ra một môi trường giáo dục thống nhất, tác động liên tục tới nhận thức và hành động của các em, duy trì và phát triển các GTS đã được rèn luyện trong trường.

Tạo dựng được mối liên hệ này còn có tác dụng xác định trách nhiệm của các lực lượng xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ không khoán trắng cho nhà trường, mỗi tổ chức cá nhân có trách nhiệm hơn.

**Nội dung biện pháp.*

+ Đối với cha mẹ học sinh.

Hoạt động giáo dục học sinh là trách nhiệm của toàn xã hội, nhất là GDGTS. Để làm tốt việc này Ban giám hiệu nhà trường cần phải làm tốt một số nội dung cơ bản sau:

Thành lập và kiện toàn Ban đại diện CMHS ngay từ đầu năm học. Xây dựng quy chế của ban đại diện CMHS theo điều lệ số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011. Lựa chọn ban đại diện CMHS có tinh thần trách nhiệm với công việc, có thời gian hợp lý để phối hợp với nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý học sinh.

+ Đối với các tổ chức chính trị- xã hội:

-Tiếp tục thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa nhà trường với cơ quan công an huyện Kiến Xương và công an các xã có học sinh học tại trường trong việc giữ gìn trật tự an ninh trường học. Tổ chức hội nghị phối hợp hoạt động giữa nhà trường và lãnh đạo địa phương về công tác giáo dục học sinh thực hiện nghiêm túc các nghị định của chính phủ, các tai tệ nạn xã hội.

- Xây dựng cơ chế phù hợp.

**Cách thức và điều kiện thực hiện biện pháp.*

- Hàng tháng vào tiết sinh hoạt cuối tuần chi hội trưởng CMHS các lớp cùng với GVCN dự tiết sinh hoạt lớp để nắm bắt tình hình và hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục học sinh cũng như tháo gỡ khó khăn cho học sinh. Thực hiện tốt cam kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội về trách nhiệm tham gia giáo dục học sinh.

- Quy định các hoạt động CMHS được tham gia với nhà trường.

- Thiết lập đường dây nóng với các xã, với huyện, với CMHS trong việc nắm bắt và xử lý vi phạm của học sinh không chỉ trong nhà trường mà cả trong các hoạt động c Tiếp tục thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa nhà trường với cơ quan công an huyện Kiến Xương và công an các xã có học sinh học tại trường trong việc giữ gìn trật tự an ninh trường học. Tổ chức hội nghị phối hợp hoạt động giữa nhà trường và

lãnh đạo địa phương về công tác giáo dục học sinh thực hiện nghiêm túc các nghị định của chính phủ, các tai tệ nạn xã hội.

- Thiết lập thống nhất cơ chế hoạt động với các tổ chức chính trị - xã hội trong các cuộc họp liên ngành.

3.2.6. Biện pháp 6. Quản lý việc đổi mới hình thức chỉ đạo, lãnh đạo hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh

**Mục đích, ý nghĩa của biện pháp.*

Trong công tác quản lý, sự lãnh đạo, chỉ đạo có vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng. Trong hoạt động giáo dục GTS chức năng này có vai trò to lớn hơn bởi hoạt động này không chỉ diễn ra trong nhà trường dưới sự hướng dẫn của giáo viên mà còn được tiếp tục trong gia đình và xã hội. Vai trò của người lãnh đạo là phải tạo được động lực cho các lực lượng tham gia một cách tự giác, chủ động và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình.

**Nội dung biện pháp.*

Chú trọng xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Rà soát, đánh giá, sắp xếp cán bộ quản lý, giáo viên phù hợp để có kế hoạch tuyển dụng đào tạo, bồi dưỡng nhằm đảm bảo đủ số lượng, cân đối về cơ cấu và nâng cao được trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ giáo viên. Cán bộ, giáo viên phải tự bồi dưỡng nâng cao dần trình độ chuyên môn, khả năng tổ chức để đáp ứng yêu cầu GDGTS cho học sinh.

Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán, báo cáo viên, giáo viên tổ chức câu lạc bộ, giáo viên tổ chức các hoạt động GDGTS. Tạo điều kiện cho giáo viên, cán bộ quản lý tham gia các lớp tập huấn dài hạn, ngắn hạn, giao lưu học hỏi trải nghiệm sáng tạo để từ đó cung cấp cho đội ngũ các kỹ năng GDGTS cho học sinh.

Quan tâm, bồi dưỡng giáo viên về đổi mới phương pháp và hình thức GDGTS cho học sinh.

Việc tuyển dụng giáo viên hàng năm không chỉ chú trọng đến chuyên môn mà còn phải chú trọng cả đến năng khiếu sư phạm và kỹ năng tổ chức hoạt động cho học sinh.

- Chỉ đạo, lãnh đạo các hoạt động giáo dục GTS trong nhà trường.
- Chỉ đạo các hoạt động giáo dục GTS trong gia đình và ngoài xã hội.

** Cách thức và điều kiện thực hiện biện pháp.*

- Làm gương trong mọi hoạt động.
- Kiên trì xây dựng văn hóa nhà trường, xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực..
- Đào tạo bồi dưỡng các kỹ năng hoạt động giáo dục GTS cho giáo viên và cán bộ quản lý.
- Tập hợp các lực lượng trong nhà trường thành một khối thống nhất, đoàn kết và lôi cuốn được lực lượng học sinh tham gia.
- Huy động được lực lượng CMHS, xã hội chủ động tham gia.
- Tận dụng đặc điểm lịch sử, văn hóa, khen thưởng, nêu gương người tốt việc tốt trong quá trình giáo dục GTS cho học sinh..
- Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục giá trị sống cho học sinh.
- Đổi mới nội dung, hình thức giờ sinh hoạt đầu tuần.

Ngoài việc thực hiện các nghi thức bắt buộc theo quy định. Việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm được chuẩn bị ngắn gọn trọng tâm có tác dụng giáo dục, ngăn chặn và răn đe hiệu quả. Nhà trường, đoàn thanh niên phải lồng ghép các nội dung GDGTS cho học sinh thiết thực như: kể chuyện, các trò chơi, hỏi đáp, phỏng vấn, văn nghệ, nêu gương người tốt việc tốt... Tránh các hình thức giảng giải giáo điều, từ đó hình thành các GTS cho học sinh.

- Đổi mới công tác giáo dục truyền thống cho học sinh.

Giáo dục truyền thống của quê hương đất nước, lịch sử của địa phương của ngành giáo dục, của nhà trường,... các ngày lễ lớn trong năm, không chỉ bằng các buổi nói chuyện mà phải thông qua các buổi cho học sinh đi thực tế, các buổi nói chuyện của các nhân chứng sống, sân khấu hóa truyền thống để thu hút sự tham gia của học sinh.

Việc giáo dục truyền thống phải được lồng ghép trong bài học, trong các đề thi, kiểm tra. Thông qua hoạt động này góp phần giáo dục học sinh các GTS đồng thời giáo viên nắm bắt được sự cập nhật, hiểu biết của học sinh cũng như việc áp dụng GTS vào cuộc sống hàng ngày.

3.2.7. Biện pháp 7. Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục GTS cho học sinh

** Mục đích, ý nghĩa của biện pháp.*

Kiểm tra đánh giá trong quản lý sẽ tạo động lực để các hoạt động được tiến hành theo đúng kế hoạch, đồng thời cung cấp các thông tin phản hồi giúp nhà quản lý có các điều chỉnh cần thiết.

**Nội dung biện pháp.*

- + Kiểm tra đánh giá các chủ thể trong hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.
- + Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục GTS của học sinh.

**Cách thức và điều kiện thực hiện biện pháp.*

- + Đánh giá theo tiêu chí.
- + Đánh giá thường xuyên, theo đợt...

Căn cứ mục đích yêu cầu của mỗi hoạt động để xây dựng chuẩn đánh giá, làm cơ sở kiểm tra đánh giá và rút kinh nghiệm cũng như điều chỉnh các hoạt động tiếp theo.

Ban chỉ đạo xây dựng lực lượng kiểm tra hoạt động GDGTS: Ban giám hiệu; đại diện đoàn thanh niên; giáo viên chủ nhiệm lớp, đánh giá hoạt động của các chi đoàn và các lớp. Tổ chuyên môn, ban giám hiệu đánh giá việc tham gia và hiệu quả giáo dục của giáo viên.

Đánh giá kiểm tra thường xuyên, định kỳ, trước, sau hoạt động và phải đảm bảo tính khách quan, trung thực và có tính khuyến khích tích cực cũng như kịp thời điều chỉnh uốn nắn có tính khả thi.

3.2.8. Biện pháp 8. Quản lý việc xây dựng các điều kiện tinh thần, vật chất hỗ trợ thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh

** Mục đích ý nghĩa biện pháp.*

+Nhu đã nói ở trên, xây dựng một tập thể sư phạm mẫu mực, một tổ chức có văn hóa để tập thể này hoạt động như một hệ thống trung tâm lõi cuốn các lực lượng khác trong việc giáo dục GTS cho học sinh.

+Cơ sở vật chất, các nguồn tài chính được huy động từ các lực lượng nhằm duy trì tốt cho các hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.

**Nội dung biện pháp.*

+Xây dựng tập thể sư phạm mẫu mực, xây dựng nhà trường văn hóa: Xác định được mục tiêu phấn đấu của trường; logo; các lễ hội truyền thống; các GTS đã được xác định.

+ Phân chiều sâu của văn hóa nhà trường là các giá trị mà mọi thành viên cam kết và thực hiện.

+ Khai thác tận dụng các điều kiện có trong trường phục vụ cho giáo dục GTS.

+ Khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương, kêu gọi đầu tư, huy động các nguồn lực tài chính cho hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.

**Cách thức và điều kiện thực hiện biện pháp.*

+Xây dựng văn hóa nhà trường, một tập thể sư phạm mẫu mực:

+Xây dựng chuẩn mực văn hóa và đưa chuẩn mực này vào thực tiễn cuộc sống của nhà trường.

+Đánh giá văn hóa của nhà trường.

+Lôi cuốn học sinh tham gia.

+Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động GDGTS cho học sinh.

+Cải tạo và nâng cấp phòng học cho học sinh. Chú trọng đến phòng học bộ môn, các phòng hội họp, thư viện, phòng thí nghiệm, từ đó giúp học sinh có điều kiện tìm tòi và học hỏi các kiến thức về GTS. Học sinh được trải nghiệm thông qua các hoạt động từ đó biết biến các giá trị cốt lõi thành giá riêng của mỗi em và áp dụng được vào cuộc sống sau này.

Với danh mục thiết bị dạy học nhà trường dành lượng kinh phí để trang bị mua sắm phục vụ đổi mới phương pháp dạy học và hoạt động giáo dục GTS.

Đầu tư công nghệ thông tin, truyền thông, internet trong trường và làm tốt công nghệ trường học kết nối.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Các biện pháp có mối quan hệ ràng buộc và biện chứng. Để quản lý tốt hoạt động GDGTS cho học sinh cần phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phương pháp.

Biện pháp 1. Xác định các GTS phù hợp với học sinh trung học phổ thông theo chương trình giáo dục tổng thể.

Biện pháp 2. Nâng cao vai trò của Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục GTS và phân công trách nhiệm cho các tổ chức trong nhà trường

Biện pháp 3. Quản lý kế hoạch hóa hoạt động giáo dục GTS phù hợp với trường THPT Chu Văn An như một bộ phận cấu thành của kế hoạch chung của nhà trường.

Biện pháp 4. Quản lý và tổ chức tốt các nguồn lực thực hiện tốt kế hoạch năm học cũng như kế hoạch giáo dục GTS.

Biện pháp 5. Quản lý, tổ chức, thiết lập mối liên hệ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và các tổ chức chính trị- xã hội triển khai hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.

Biện pháp 6. Quản lý việc đổi mới hình thức chỉ đạo, lãnh đạo hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh.

Biện pháp 7. Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục GTS cho học sinh.

Biện pháp 8. Quản lý việc xây dựng các điều kiện tinh thần, vật chất hỗ trợ thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.

Tám biện pháp bao quát hết các chức năng quản lý, nếu được thực hiện một cách đồng bộ sẽ tạo ra một hệ thống khép kín, trong đó nhà trường với hạt nhân là một tập thể sư phạm gương mẫu, giáo viên có phẩm chất đạo đức giỏi về chuyên môn, thành thạo trong nghiệp vụ là nòng cốt chính. Mạng lưới các tổ chức xã hội là hệ thống gắn kết chặt chẽ với nhà trường tạo nên một sức mạnh tổng hợp giúp nhà trường thành công trong việc giáo dục giá trị sống cho học sinh.

3.4. Kết quả khảo nghiệm, giá trị khoa học của vấn đề quản lý đề xuất

3.4.1. Mục đích khảo nghiệm

Quản lý và tổ chức tốt hoạt động GDGTS sẽ phát huy tối đa vai trò chủ thể của học sinh, củng cố, mở rộng tri thức. Từ đó các em xây dựng cho mình một hệ GTS cốt lõi vững chắc làm điểm tựa để vượt qua những cám dỗ thách thức trong cuộc sống. Vì vậy, quản lý hoạt động GDGTS có một vị trí, ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với học sinh, nhất là trong độ tuổi THPT. Giá trị được xem là điểm cốt lõi, bởi vì nó dẫn dắt và mang lại mục đích cho hành động của cá nhân học sinh. Hành động của học sinh mà không dựa trên giá trị sẽ dẫn đến sự thiếu nhất quán trong mục đích và hành động.

Quản lý tốt hoạt động GDGTS sẽ tạo môi trường thống nhất giữa quá trình dạy học và quá trình giáo dục, góp phần đào tạo những con người thích ứng với xu thế mới, đó là những con người có sức khỏe, có trí tuệ, sáng tạo, năng động, tự chủ, tích cực, có khả năng hoạt động, giao lưu, thích ứng với xã hội hiện đại, xu thế phát triển của thế kỷ XXI.

3.4.2. Đối tượng và kết quả khảo nghiệm

Đề tài nghiên cứu nếu được triển khai thực hiện tốt để đảm bảo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, giáo viên trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Đối với cán bộ quản lý trường THPT Chu Văn An, nâng cao được vai trò trách nhiệm và có thêm được kinh nghiệm quý báu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động GDGTS cho học sinh của nhà trường.

Đối với giáo viên, nâng cao được nhận thức, năng lực quản lý tổ chức hoạt động GDGTS cho học sinh.

Đối với học sinh: nhận thức được về GTS, biết chuyển những giá trị cốt lõi thành những GTS riêng của bản thân. Kết quả xếp loại hạnh kiểm khá, tốt hàng năm được nâng lên.

Với đề tài này trường THPT Chu Văn An nói riêng và của Sở giáo dục đào tạo Thái Bình nói chung có thể tham khảo và ứng dụng trong việc quản lý hoạt động GDGTS cho học sinh của đơn vị mình.

Các bậc CMHS có thể tham khảo để hiểu biết hơn về GTS. Từ đó có kế hoạch và biện pháp hữu hiệu giáo dục con em. Con em của họ có ý thức hơn trong việc chấp hành pháp luật, giữ gìn phẩm chất đạo đức tốt góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình, xã hội.

3.4.3 Phương pháp khảo nghiệm

- Lập phiếu điều tra xin ý kiến

Nội dung đánh giá các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT Chu Văn An Thái Bình theo 2 tiêu chí: Tính cấp thiết và tính khả thi.

Tính cấp thiết của các biện pháp đề xuất được đánh giá theo 5 mức độ: Rất cấp thiết, cấp thiết, bình thường, không cấp thiết, rất không cấp thiết.

Tính khả thi của các biện pháp đề xuất được đánh giá theo 5 mức độ: Rất khả thi, khả thi, bình thường, không khả thi, rất không khả thi.

- Lựa chọn cách để điều tra: Nguyên tắc chọn là cán bộ quản lý, cha mẹ học sinh, cán bộ địa phương

- Phát phiếu điều tra

- Thu phiếu điều tra và định hướng kết quả nghiên cứu:

Đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi bằng cách cho điểm

+ Rất cấp thiết 5 điểm

+ Cấp thiết 4 điểm

+ Trung bình 3 điểm

+ Rất không cấp thiết 1 điểm

Mức độ khả thi:

+ Rất khả thi 5 điểm

+ Khả thi 4 điểm

+ Bình thường 3 điểm

+ Chưa khả thi 1 điểm

Điểm trung bình cộng kết quả được coi là giá trị trung bình từ đó suy ra thứ bậc của tính cấp thiết và tính khả thi

Bảng 3.1. Khảo sát tính cần thiết của các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT Chu Văn An, Thái Bình

STT	Các biện pháp	Rất cấp thiết		Cấp thiết		Bình thường		Không cấp thiết		Rất không cấp thiết		Tổng	TBC	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
1	<i>Quản lý việc xác định các GTS phù hợp với học sinh trung học phổ thông theo chương trình giáo dục tổng thể.</i>	94	61.04	55	35.71	3	1.95	2	1.3			154	4.55	2
2	<i>Chú trọng việc thành lập Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục GTS và phân công trách nhiệm cho các tổ chức trong nhà trường</i>	93	60.39	59	38.31	1	0.65	1	0.65			154	4.58	1
3	<i>Kế hoạch hóa hoạt động giáo dục GTS phù hợp với trường THPT Chu Văn An như một bộ phận cấu thành của kế hoạch chung của nhà trường.</i>	95	61.69	53	34.42	2	1.3	4	2.6			154	4.53	3
4	<i>Quản lý và tổ chức tốt các nguồn lực thực hiện tốt kế hoạch năm học cũng như kế hoạch giáo dục GTS.</i>	60	38.96	85	55.19	5	3.25	4	2.6			154	4.28	7
	<i>Quản lý, tổ chức, thiết lập mối liên hệ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và các tổ chức chính trị- xã hội triển khai hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.</i>	85	55.19	40	25.97	20	12.99	9	5.84			154	4.25	8
	<i>Quản lý việc đổi mới hình thức chỉ đạo, lãnh đạo hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh.</i>	87	56.49	60	38.96	3	1.95	4	2.6			154	4.47	4
	<i>Thường xuyên tiến hành hoạt động kiểm tra- đánh giá kết quả giáo dục GTS cho học sinh.</i>	86	55.84	60	38.96	5	3.25	3	1.95			154	4.47	4
	<i>Quản lý việc xây dựng các điều kiện tinh thần, vật chất hỗ trợ thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.</i>	95	61.69	40	25.97	15	9.74	4	2.6			154	4.44	6

Qua bảng khảo sát về mức độ cấp thiết của các biện pháp: Tất cả các biện pháp đều được đánh giá ở mức rất cấp thiết. Trong đó biện pháp 2 và biện pháp 1 được đánh giá ở mức độ cao nhất. Điều này chứng tỏ tầm quan trọng của việc xây dựng thành lập Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục GTS và phân công trách nhiệm cho các tổ chức trong nhà trường. Quản lý việc xác định các GTS phù hợp với học sinh trung học phổ thông theo chương trình giáo dục tổng thể. Là những biện pháp quyết định đến sự thành công của công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học phổ thông Chu Văn An, Thái Bình.

**Bảng 3.2. Khảo sát tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục
cho học sinh trung học phổ thông Chu Văn An, Thái Bình**

STT	Các biện pháp	Rất khả thi		khả thi		Bình thường		Không khả thi		Rất không khả thi		Tổng	TBC	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
1	<i>Quản lý việc xác định các GTS phù hợp với học sinh trung học phổ thông theo chương trình giáo dục tổng thể.</i>	90	58.44	57	37.01	3	1.95	2	1.3			154	4.47	3
2	<i>Chú trọng việc thành lập Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục GTS và phân công trách nhiệm cho các tổ chức trong nhà trường</i>	95	61.69	56	36.36	1	0.65	2	1.3			154	4.57	1
3	<i>Kế hoạch hóa hoạt động giáo dục GTS phù hợp với trường THPT Chu Văn An như một bộ phận cấu thành của kế hoạch chung của nhà trường.</i>	92	59.74	55	35.71	3	1.95	4	2.6			154	4.5	2
4	<i>Quản lý và tổ chức tốt các nguồn lực thực hiện tốt kế hoạch năm học cũng như kế hoạch giáo dục GTS.</i>	70	45.45	80	51.95	3	1.95	1	0.65			154	4.42	5
5	<i>Quản lý, tổ chức, thiết lập mối liên hệ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và các tổ chức chính trị- xã hội triển khai hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.</i>	86	55.84	36	23.38	15	9.74	17	11.04			154	4.13	8
6	<i>Quản lý việc đổi mới hình thức chỉ đạo, lãnh đạo hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh.</i>	88	57.14	57	37.01	3	1.95	6	3.9			154	4.44	4
7	<i>Thường xuyên tiến hành hoạt động kiểm tra- đánh giá kết quả giáo dục GTS cho học sinh.</i>	85	55.19	59	38.31	5	3.25	5	3.25			154	4.42	5
8	<i>Quản lý việc xây dựng các điều kiện tinh thần, vật chất hỗ trợ thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục GTS cho học sinh.</i>	94	61.04	39	25.32	14	9.09	7	4.55			154	4.38	7

Về mức độ khả thi của các biện pháp: Các biện pháp được đánh giá là rất khả thi trong đó biện pháp 2 được đánh giá là cao nhất điều này phù hợp với thực tế nhà trường đang chú trọng công tác phân công trách nhiệm cho từng bộ phận, đồng thời gắn trách nhiệm cho từng cá nhân và tập thể về công tác giáo dục hoạt động giáo dục sống còn mới mẻ trong các nhà trường. Biện pháp 5 được đánh giá mức độ khả thi là thấp nhất. Điều này đòi hỏi ban giám hiệu nhà trường phải xây dựng được những cơ chế, thiết lập mối liên hệ tốt hơn nhằm lôi cuốn những lực lượng này vào việc hoạt động giá trị sống.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống, luận văn đã đề xuất một hệ thống các biện pháp quản lý, tác động trước hết vào toàn bộ hoạt động của nhà trường theo một kế hoạch thống nhất. Kế hoạch đó được định hướng bởi một tập hợp các giá trị sống tương ứng, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ học vấn đặc điểm địa phương và các tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện. Các biện pháp chỉ rõ cách thức thực hiện, cách chỉ đạo, lãnh đạo, kiểm tra đánh giá, huy động các lực lượng khác vào hoạt động này, cũng như các điều kiện về tinh thần và vật chất hỗ trợ cho hoạt động giá trị sống cho học sinh trung học phổ thông Chu Văn An.

Trình bày kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp quản lý và nhận được các ý kiến phản hồi tích cực. Kết quả khảo nghiệm cho thấy nếu nhà trường biết tổ chức quán triệt tầm quan trọng, ý nghĩa của việc giáo dục giá trị sống cho học sinh, đồng thời biết tổ chức để giáo viên nghiên cứu trong quá trình dạy học trên lớp, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp thì sẽ đạt được những hoạt động tích cực. Chính trong hoạt động quản lý giáo dục giá trị sống mà mỗi cán bộ quản lý, mỗi giáo viên cảm thấy yêu nghề hơn, tự hào hơn về công việc của mình, qua đó cũng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

Kết quả khảo nghiệm cho thấy biện pháp quản lý hoạt động giáo dục sống cho học sinh trung học phổ thông Chu Văn An có tính khả thi và có thể áp dụng tốt không chỉ với nhà trường mà còn có thể áp dụng trong thực tiễn các trường trung học phổ thông.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Giá trị là điều mà mỗi người xem là có ý nghĩa và quan trọng đối với mình, có chức năng chi phối hành vi, hành động của con người. Vì vậy GDGTS là nền tảng trong giáo dục nhân cách cho học sinh. Trong giai đoạn hiện nay đáp ứng đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, có thể coi việc trau dồi kiến thức cơ bản là nhiệm vụ trọng tâm thì việc quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh là nhiệm vụ hàng đầu.

Luận văn “Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học phổ thông Chu Văn An, tỉnh Thái Bình”, giúp các em học sinh chủ động tích cực tôn trọng giá trị sống, điều chỉnh hành vi đạo đức, bồi dưỡng nhân cách để trở thành những con người toàn diện vừa có đức vừa có tài, sẵn sàng phấn đấu học tập, rèn luyện tốt để lập thân lập nghiệp, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội của quê hương Thái Bình nói riêng, đất nước nói chung, tác giả đã dựa vào các căn cứ lý luận và thực tiễn xác thực để từ đó khảo sát sâu về thực trạng của vấn đề nghiên cứu. Từ việc xác định trúng, nội dung, luận văn đã đề xuất 8 giải pháp và được trình bày chi tiết, cụ thể nhằm nâng cao công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh của trường trung học phổ thông Chu Văn An, tỉnh Thái Bình cũng như đối với học sinh THPT nói chung.

Về mặt lý luận.

Luận văn đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về giá trị sống, cũng như quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học phổ thông, các khái niệm giá trị sống, mối quan hệ giữa các giá trị sống, các nội dung và các biện pháp cần được quan tâm trong quá trình tổ chức các hoạt động. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh là một phần của quá trình giáo dục tổng thể nên phải đảm bảo chặt chẽ của quy trình quản lý giáo dục. Quy trình quản lý GDGTS cho học sinh mang tính toàn vẹn và thống nhất từ khâu lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá.

Để thực hiện hiệu quả công tác quản lý GDGTS cho học sinh, nhà trường phải xây dựng các nội quy được cụ thể hóa từ các văn bản của cấp trên đảm bảo phù hợp với điều kiện của nhà trường. Trong nhà trường đội ngũ cán bộ giáo viên phải đoàn

kết có lối sống và hình ảnh sự phạm, tâm huyết với nghề nghiệp và luôn có ý thức phấn đấu tu dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để học sinh kính trọng và lấy đó là tấm gương học tập, coi đây là bài học sống về GDGTS cho học sinh.

Về thực tiễn

Luận văn đã khảo sát thực trạng về giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường THPT Chu Văn An, tỉnh Thái Bình. Kết quả khảo sát đã cung cấp khá đầy đủ về công tác quản lý của hoạt động này.

Công tác quản lý hoạt động GDGTS cho học sinh là trách nhiệm của toàn xã hội, trong đó trường THPT Chu Văn An có vai trò định hướng. Những GTS được giảng dạy trong nhà trường thông qua nhiều hình thức đa dạng và phong phú song cái đích mà cần đạt đó là: nhà trường phải giáo dục những GTS cốt lõi, truyền tải cho các em học sinh bước vào đời sống xã hội một cách tự tin, vững vàng.

Mặc dù luận văn đã được nghiên cứu công phu, thận trọng nhưng chắc chắn rằng bên cạnh những nội dung quản lý hoạt động giáo dục GTS, biện pháp quản lý giáo dục mà tôi đã đưa ra còn có những nội dung biện pháp khác tôi chưa đề cập tới. Đó là những mặt hạn chế của luận văn, đồng thời cũng là định hướng nghiên cứu tiếp theo của bản thân tôi để xây dựng trường THPT Chu Văn An, Thái Bình hướng tới chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, đồng thời xây dựng môi trường học đường thực sự thân thiện, đào tạo một thế hệ học sinh tích cực trong học tập và rèn luyện để trở thành người có ích cho cuộc sống.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Có các văn bản chính thức hướng dẫn về việc thực hiện hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT

Có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể về mức độ thực hiện hoạt động giáo dục giá trị sống, các tài liệu liên quan.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động GDGTS cho học sinh nói chung và học sinh THPT nói riêng.

Xây dựng nội dung chương trình GDGTS phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh sao cho: thiết thực, nhẹ nhàng, dễ tổ chức, dễ tiếp thu để học sinh lĩnh hội và áp dụng được GTS vào thực tiễn.

2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình

Chỉ đạo, hướng dẫn các trường học cụ thể hóa kế hoạch GDGTS cho học sinh theo từng năm học.

Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn về công tác chủ nhiệm cho giáo viên các trường. Bổ sung tài liệu tham khảo, hướng dẫn công tác chủ nhiệm cho các trường trên địa bàn tỉnh.

2.3. Đối với trường THPT Chu Văn An

Hiệu trưởng cần xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, phương pháp và chuẩn bị các phương tiện cần thiết, phối hợp đồng bộ các lực lượng tham gia giáo dục giá trị sống cho học sinh của nhà trường, liên kết trong một tổ chức thống nhất.

Cử cán bộ giáo viên tham gia lớp tập huấn của cấp trên, triển khai tập huấn cấp trường, tổ chức tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm giữa các giáo viên trong nhà trường, đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, động viên khen thưởng kịp thời.

2.4. Với đội ngũ giáo viên và cha mẹ học sinh

Cần tâm huyết, có trách nhiệm với nghề, đa dạng hóa các hình thức giáo dục phù hợp. Có ý thức học tập nâng cao trình độ năng lực, trình độ quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống.

Cha mẹ học sinh và các tổ chức chính trị xã hội cần quan tâm giáo dục con em mình hơn nữa. Làm tốt công tác xã hội hóa giúp cho công tác quản lý hoạt động giá trị sống được thuận lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo và cộng sự (2015), *Minh Triết Hồ Chí Minh về giáo dục*, NXB giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Thanh Bình (2014), *Giáo dục tích hợp một số giá trị và kỹ năng sống cho học sinh trung học*, Mã số đề tài SPHN 13-286.
3. Bộ GD&ĐT (2005), *Điều lệ trường THPT năm học 2005 và điều lệ sửa đổi các năm học*.
4. Bộ GD&ĐT (2009), *Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, THPT (Ban hành kèm theo thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo)*.
5. Bộ GD&ĐT (2010), *Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THPT*, Tài liệu dành cho giáo viên, NXB giáo dục.
6. Bộ GD&ĐT (2011), *Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, thông tư ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông*.
7. Bộ GD&ĐT (2014), *Hỏi-Đáp về một số nội dung đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo*, NXB Giáo dục.
8. Bộ GD&ĐT (2014), *Tài liệu tập huấn bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học. Mô đun Giáo dục giá trị*.
9. Bộ GD&ĐT(1976), *Điều lệ trường THPT*.
10. Bộ GD&ĐT(1979), *Điều lệ trường THPT*.
11. Bộ GD&ĐT(2009), *Điều lệ trường THPT*.
12. Bộ GD&ĐT(2011), *Điều lệ trường THPT*.
13. Bộ GD&ĐT(1976), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
14. Bộ GD&ĐT(2008), *Chỉ thị số 40/2008/CT-BGD, ngày 22/07/2008 về việc phát động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực” trong các trường phổ thông giai đoạn 2008-2013*.
15. Bộ GD&ĐT, *Nghị quyết số 29-NQ/TW hội nghị lần thứ 8 ban chấp hành trung ương khóa XI*.
16. Nguyễn Bá Dương, *Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tâm lý học quản lý*, NXB từ điển Bách Khoa.

17. Đảng bộ huyện Kiến Xương (2015), *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Kiến Xương lần thứ 24 nhiệm kỳ 2015-2020*.
18. Đảng cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận- Thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, NXB Chính trị quốc gia.
19. Đảng cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện hội nghị lần thứ 10 Ban chấp hành trung ương khóa XI*.
20. Phạm Minh Hạc (2012), *Định Hướng Giá Trị Xã Hội con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc Gia.
21. Phạm Minh Hạc (2012), *Giá trị học*, NXB Dân Trí.
22. Nguyễn Cảnh Hoan, *Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa học quản lý*, NXB lý luận chính trị.
23. Lục Thị Nga, Nguyễn Thanh Bình (2011), *Hiệu trưởng trường trung học với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lý*.
24. NXB văn học, *Phượng Hoàng với nhà giáo Chu Văn An và nữ tiến sĩ Nguyễn Thị Duệ, Bùi Thị Miên*.
25. Quốc hội (2006), *Luật Giáo dục*, NXB Giáo dục.
26. Thủ tướng chính phủ(2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*.
27. Nguyễn Thị Tính, *Lý luận chung về quản lý và quản lý giáo dục*, NXB đại học Thái Nguyên.

PHỤ LỤC
PHIẾU KHẢO SÁT

Mẫu phiếu số 1: Phiếu dành cho học sinh THPT Chu Văn An

Em vui lòng tích dấu X vào phương án thể hiện ý kiến của mình về các nội dung sau

Thông tin	Mức độ tiếp nhận thông tin		
	Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Giá trị sống			
Giá trị sống chung: Hòa bình, tự do.			
Giá trị về quan hệ: Tôn trọng ; hợp tác;đoàn kết; trách nhiệm.			
Giá trị phẩm chất cá nhân :Khoan dung; khiêm tốn;giản dị; trung thực;yêu thương; hạnh phúc.			
Những hệ giá trị khác.			
Tổng			

Mẫu phiếu số 2: Phiếu dành cho Giáo viên và học sinh

Xin quý thầy cô và các em học sinh vui lòng tích dấu X vào phương án ý kiến đúng nhất của mình về khái niệm giá trị sống ?

TT	Nội dung	Về GTS			
		Giáo viên(60)		Học sinh(250)	
		SL	%	SL	%
1	GTS là những kĩ năng giúp con người thực hiện hoạt động có kết quả.				
2	GTS với ý nghĩa thỏa mãn nhu cầu của con người , tồn tại trong mối quan hệ con người. GTS là đặc tính ưu việt, là giá trị bên trong của con người mà họ coi là rất quan trọng, cần thiết, có ý nghĩa, luôn mong đợi. Làm cho hành vi của mình phù hợp với cách ứng xử tích cực ,có thể kiểm soát, quản lý có hiệu quả các nhu cầu và những thách thức trong cuộc sống .				
3	GTS là khả năng con người có thể tham gia vào tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội.				
4	GTS là kĩ năng tối thiểu của con người để tồn tại.				
5	GTS là phẩm chất và năng lực của con người sống trong xã hội.				

Mẫu phiếu số 3 : Phiếu dành cho cán bộ giáo viên

*Xin quý thầy cô vui lòng đánh giá về mức độ cần thiết của việc giáo dục GTS
cho học sinh THPT*

Mức độ	Rất cần
	Cần
	Bình thường
	Không cần
	Phân vân

Mẫu phiếu số 4: Phiếu dành cho cán bộ, giáo viên THPT

Theo thầy cô, trong quá trình giảng dạy và công tác những năm qua mức độ các thầy cô đã thực hiện GDGTS cho học sinh THPT Chu Văn An như thế nào?

TT	Mức độ	Số lượng N=60	Tỉ lệ %
1	Thường xuyên thực hiện giáo GDGTS cho học sinh trong hoạt động giáo dục NGLL.		
2	Đã thực hiện GDGTS cho học sinh trong phần lớn hoạt động giáo dục NGLL.		
3	Thỉnh thoảng có thực hiện GDGTS cho học sinh trong hoạt động giáo dục NGLL.		
4	Chưa thực hiện GDGTS cho học sinh trong hoạt động giáo dục NGLL.		

Mẫu phiếu số 5: Phiếu dành cho giáo viên

Bản chất của việc giáo dục GTS cho học sinh THPT Chu Văn An thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp?

Nội dung	Ý kiến	Số lượng N=60	Tỉ lệ %
Bản chất	Giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp là tích hợp giáo dục GTS với hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.		
	Giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp là lồng ghép giáo dục GTS với hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp		
	Giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp là thực hiện giáo dục GTS khi thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.		

Mẫu phiếu số 6 : Mẫu phiếu dành cho giáo viên

Xin thầy cô vui lòng cho biết mục đích việc giáo dục GTS cho học sinh THPT?

TT	Quan điểm	Số lượng N=60	Tỉ lệ %
1	Để thực hiện mục tiêu của giáo dục GTS và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đồng thời không làm học sinh quá tải.		
2	Để giảm công sức cho học sinh và giáo viên.		
3	Để thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện của nhà trường.		
4	Để học sinh đồng thời rèn luyện được kĩ năng sống và hoàn thành nhiệm vụ học tập nội dung hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.		

Mẫu phiếu số 7: Phiếu dành cho cán bộ giáo viên

Trong thời gian qua nhà trường đã tổ chức các hình thức hoạt động giáo dục GTS đa dạng cả về nội dung và hình thức, các thầy cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về chất lượng tổ chức hoạt động ?

STT	Nội dung và hình thức hoạt động	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Kém (%)
1	Nội dung và hình thức sinh hoạt dưới cờ					
2	Nội dung và hình thức sinh hoạt cuối tuần của GVCN					
3	Tập luyện và hội diễn văn nghệ					
4	Tập luyện và thi đấu thể dục thể thao					
5	Các hình thức sinh hoạt CLB (CLB thơ; CLB bóng đá; CLB toán học tuổi trẻ...), các buổi ngoại khoá (Văn; toán; sức khỏe sinh sản vị thành niên...).					
6	Các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện...					
7	Tổ chức các hoạt động theo chuyên đề; Các hoạt động về nguồn (Diễn đàn Thanh niên với Đảng, Đảng với thanh niên; Tiếp lửa truyền thống...) Nghe nói chuyện thời sự; kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh...					
8	Tuyên truyền về các vấn đề dư luận xã hội, học sinh đang quan tâm (Vấn đề an toàn giao thông, ma túy, môi trường...)					
9	Hoạt động GDGTS gắn với tiết học văn hóa.					

Mẫu phiếu số 10: Mẫu phiếu dành cho Giáo viên chủ nhiệm

Trong công tác quản lý, tổ chức hoạt động GDGTS cho học sinh của lớp mình, các thầy cô chủ nhiệm vui lòng cho biết mức độ thực hiện của mình khi tổ chức hoạt động GDGTS?

STT	Biện pháp	Tốt %	Khá %	TB %	Yếu %
1	Nắm vững tình hình lớp				
2	Xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch chủ nhiệm				
3	Tổ chức các hoạt động tự quản cho học sinh				
4	Tổ chức các hoạt động tập thể				
5	Tổ chức các phong trào thi đua trong lớp				
6	Lựa chọn các hạt nhân cho các hoạt động tập thể trong lớp				
7	Phối hợp với hội cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động GDGTS cho lớp mình phụ trách				
8	Phối hợp với Đoàn trường, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động GDGTS cho học sinh				
9	Tổ chức tiết sinh hoạt cuối tuần phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức				
10	Có kế hoạch sơ kết, đánh giá sau mỗi hoạt động và các đợt thi đua.				

Mẫu phiếu số 11: Phiếu dành cho cán bộ đoàn

STT	Biện pháp	Tốt %	Khá %	TB %	Yếu %
1	Lựa chọn Bí thư đoàn trường				
2	Lập kế hoạch công tác Đoàn gắn với kế hoạch hoạt động của nhà trường				
3	Bồi dưỡng năng lực, kỹ năng tổ chức các hoạt động GDGTS cho cán bộ các chi đoàn				
4	Tổ chức các hoạt động tập thể				
5	Chủ động tổ chức các phong trào thi đua trong nhà trường				
6	Lôi cuốn và thu hút sự tham gia của đông đảo Đoàn viên thanh niên trong nhà trường				
7	Phối hợp với BGH, GVCN, GV bộ môn tổ chức hoạt động GDGTS. Giữ vai trò nòng cốt trong mọi hoạt động của nhà trường				
8	Nhà trường tạo điều kiện cho Đoàn tổ chức các hoạt động cho đoàn viên thanh niên				
9	Tính hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động GDGTS cho đoàn viên thanh niên.				
10	Có kế hoạch, tổng kết đánh giá thi đua sau mỗi hoạt động , triển khai hoạt động mới				

